



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
II. HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015	13
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	27
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	36
V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ.....	42
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	64



I. GIỚI THIỆU CHUNG



- I.1 Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- I.2 Lịch sử hình thành
- I.3 Thông tin khái quát
- I.4 Sơ đồ tổ chức
- I.5 Ngành nghề kinh doanh
- I.6 Định hướng phát triển
- I.7 Các rủi ro
- I.8 Đối tác
- I.9 Hoạt động Marketing



Kính thưa các Quý cổ đông,

Trong năm 2015, Tổng công ty CP Vinaconex tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế cũng như những khó khăn nội tại của doanh nghiệp. Hoạt động xây lắp tiếp tục gặp khó khăn trong tìm kiếm nguồn việc, số lượng và giá trị các hợp đồng xây lắp trúng thầu mới chưa cao; thị trường bất động sản chung có dấu hiệu ấm lên nhưng còn chậm, các dự án bất động sản của Tổng công ty mới bắt đầu được triển khai nên chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận trong năm 2015. Các Công ty thành viên tiếp tục đối mặt với vấn đề suy giảm năng lực cạnh tranh và công tác quản trị doanh nghiệp còn tồn tại nhiều bất cập, kể cả đối với một số doanh nghiệp được xác định là nòng cốt. Ngoài ra, hoạt động thiếu hiệu quả của Công ty CP Xi măng Cẩm Phả và Công ty Liên doanh An Khánh bị lỗ đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, bức tranh chung về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2015 cũng đã có nhiều điểm sáng tích cực.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 hoàn thành đạt mức doanh thu và lợi nhuận năm do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Điều này thể hiện quyết tâm của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên trong việc tăng cường công tác quản trị nội bộ, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động trên tất cả các lĩnh vực, tiết giảm chi phí quản lý ở mức tối đa. Công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên của Tổng công ty đã có những bước chuyển biến rõ rệt, hoàn thành kế hoạch tái cấu trúc một số đơn vị như Vinaconex R&D, Công ty VVHA, Công ty Vinaconex 3, Công ty XM Yên Bình, Vinaconex 5, Vinaconex 15 và đang đi vào những bước cuối cùng để hoàn tất công tác tái cấu trúc tại Công ty tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel. Việc hoàn thành dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 1 đoạn Hà Nội – Bắc Giang theo hình thức BOT, vượt tiến độ 6 tháng, với chất lượng kỹ thuật được chủ đầu tư đánh giá cao ngoài việc góp phần củng cố và nâng cao hình ảnh, vị thế của VINACONEX tại thị trường còn có ý nghĩa mở đầu cho một hướng đi mới của Tổng công ty. Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản đã bắt đầu sôi động trở lại, bắt nhịp kịp thời với sự biến chuyển tích cực của thị trường tài chính, bất động sản trong nước. Việc khởi công dự án Nước Sông Đà giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000m³/ngày đêm cũng cho thấy trách nhiệm của Tổng công ty đối với việc đảm bảo an ninh nước sạch cho Thủ đô nói riêng cũng như trách nhiệm xã hội nói chung. Các hoạt động kinh doanh khác (tài chính, giáo dục, dịch vụ...) đặc biệt là hoạt động tài chính, đã thu được kết quả tốt.

Để đạt được những thành tích trên, VINACONEX luôn nhận được sự hỗ trợ, ủng hộ của các cơ quan quản lý Nhà nước, Trung ương và địa phương, sự đoàn kết, nhất trí của tập thể Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, sự quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty và sự ủng hộ, tin tưởng, chia sẻ khó khăn của Quý cổ đông, các tổ chức tài chính, các đối tác trong và ngoài nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Quý cổ đông, các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và đặc biệt là sự tận tâm, năng nổ của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty đã đoàn kết, nhất trí để đưa VINACONEX hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới của VINACONEX trong các năm tiếp theo.

Trân trọng!



Vũ Quý Hà

Chủ tịch HĐQT Tổng công ty CP Vinaconex



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX



1988

Ngày 27/09/1988 **Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài**, tiền thân của Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam được thành lập.

1991

Ngày 10/08/1991 Công ty Dịch vụ và Xây dựng nước ngoài đổi tên thành **Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam** hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, xuất nhập khẩu và xuất khẩu lao động.

1995

Ngày 20/11/1995 Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam được thành lập theo mô hình Tổng công ty 90. Theo đó, Tổng công ty Xuất Nhập Khẩu Xây dựng Việt Nam được Bộ Xây dựng cho phép tiếp nhận một số công ty xây dựng trực thuộc Bộ về Tổng công ty.

2006

Ngày 01/12/2006 Đổi tên thành Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

2008

Ngày 05/09/2008 Cổ phiếu của Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam (mã VCG) chính thức giao dịch trên sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2010

Tháng 11/2010 - Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

2012

Tháng 03/2012 – Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 4.417 tỷ đồng.



Lễ thông xe dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp QL1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang theo hình thức BOT



Trụ sở Tổng công ty

Tên gọi	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế	VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT-EXPORT JOINT STOCK CORPORATION
Tên viết tắt	VINACONEX., JSC
Mã cổ phiếu	VCG
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 0100105616 do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 01/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23/10/2015
Trụ sở	Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	(84-4) 62849234
Fax	(84-4) 62849208
Email	info@vinaconex.com.vn
Website	www.vinaconex.com.vn
Ngày thành lập	27 - 09 - 1988
Vốn điều lệ	4.417.106.730.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	5.707.678.606.859 đồng (tại ngày 31/12/2015)



Hoạt động văn hóa, văn nghệ tại trường Tiểu học Lý Thái Tổ



Nhà ga T2 - Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài

XÂY LẮP CÔNG TRÌNH



VINACONEX đang được biết đến là một nhà thầu xây lắp hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam với năng lực thực hiện các dự án lớn trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, thủy lợi ... dưới các hình thức nhận thầu, tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC, được xác định là 1 trong 2 lĩnh vực then chốt. VINACONEX sẽ luôn tăng cường nguồn lực, đổi mới công nghệ, thiết bị để không ngừng nâng cao năng lực, đảm nhận thực hiện các dự án quy mô lớn và phức tạp hơn, tiếp tục khẳng định vị thế của VINACONEX trên thị trường.

KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN



Kinh doanh bất động sản là một lĩnh vực có nhiều tiềm năng mang lại hiệu quả cao và được Vinaconex xác định là 1 trong 2 lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, nhất là đối với một doanh nghiệp có năng lực về xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng. Hiện nay Vinaconex đang tập trung hoàn thành thủ tục để chuẩn bị triển khai một số dự án bất động sản tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành phố khác...

TƯ VẤN THIẾT KẾ



Các giải pháp về quy hoạch, thiết kế kiến trúc, kết cấu ... do VINACONEX đề xuất đều hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cuộc sống, mang hơi thở thời đại cũng như đậm đà bản sắc dân tộc.

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



Gắn kết giữa kinh doanh bất động sản, tư vấn thiết kế và xây lắp, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng là lĩnh vực trọng tâm trong các lĩnh vực hoạt động của VINACONEX. Các sản phẩm sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng của VINACONEX là những sản phẩm thiết yếu đối với đời sống xã hội, hàm chứa yếu tố công nghệ cao, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại và mang tính cạnh tranh trên thị trường.

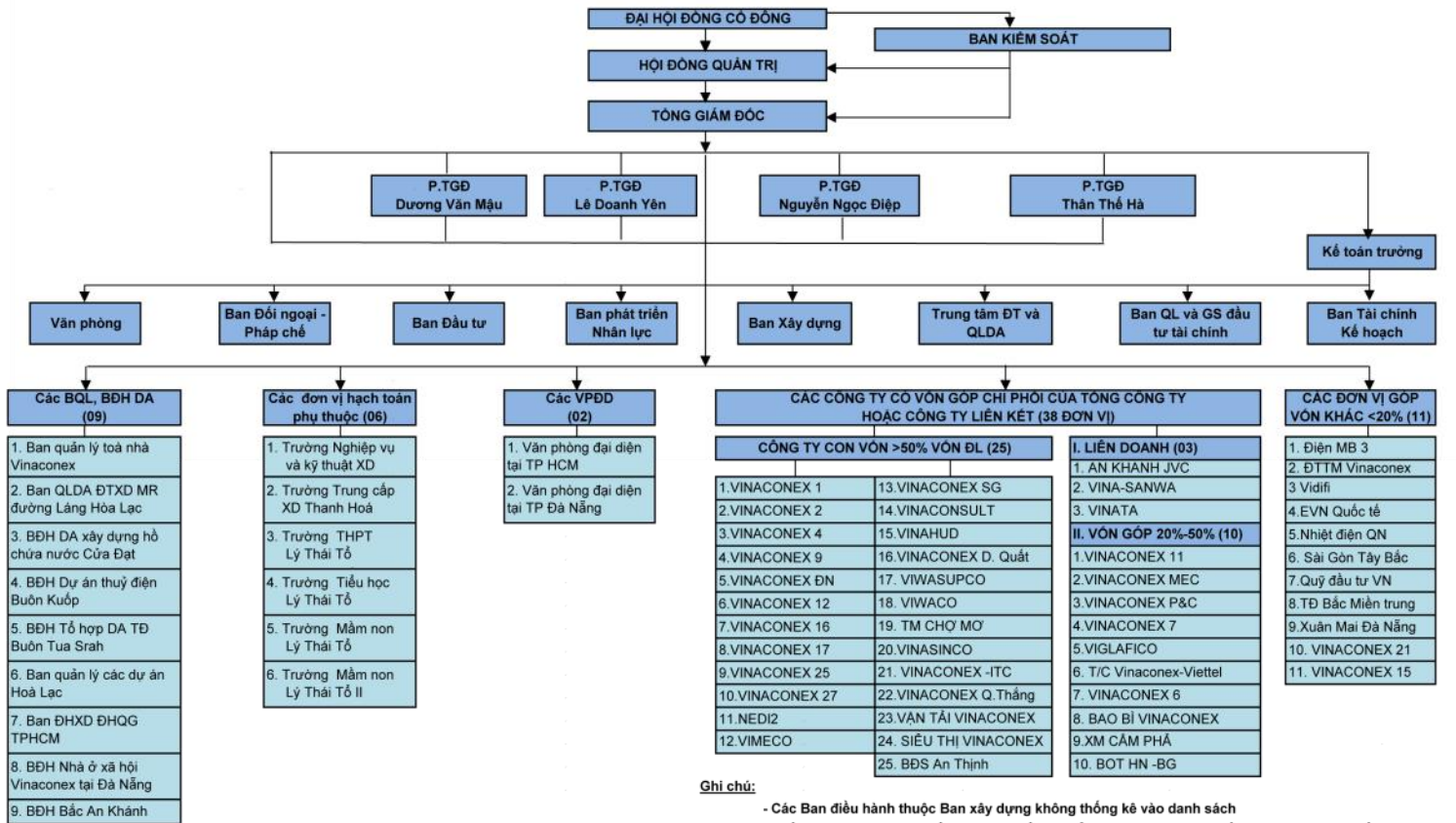


Địa bàn hoạt động của VINACONEX trải dài trên khắp mọi miền Tổ quốc từ Lào Cai (dự án Thủy điện Ngòi Phát) tới Trà Vinh (dự án Trung tâm Điện lực Duyên Hải). Trong đó, địa bàn hoạt động chính của VINACONEX chủ yếu tập trung tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.



VPĐD VINACONEX tại TP.HCM

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX



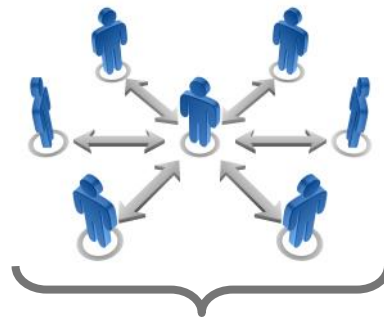
Ghi chú:

- Các Ban điều hành thuộc Ban xây dựng không thống kê vào danh sách
- Thống kê các đơn vị có vốn góp chi phối của Tổng công ty tính trực tiếp, không qua gián tiếp công ty con
- Danh sách các đơn vị được cập nhật theo danh mục đầu tư vốn của Tổng công ty tại các đơn vị



23554 CBCNV*

*Số liệu tính tại thời điểm 31/12/2015



26 công ty con

11 công ty liên doanh liên kết*



Các kỹ sư Ban Xây dựng Tổng công ty thảo luận công việc



Giao ban tổ bảo vệ Ban quản lý tòa nhà Trụ sở Tổng công ty

SỨ MỆNH



Đối với lĩnh vực xây lắp: cung cấp dịch vụ xây lắp đối với các loại công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình cơ sở hạ tầng với chất lượng tốt, áp dụng công nghệ tiên tiến và đảm bảo thời hạn bàn giao với giá thành hợp lý.

Đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản và hạ tầng cơ sở: cung cấp cho xã hội và khách hàng các sản phẩm đảm bảo

- ☑ Chất lượng cao
- ☑ Thân thiện với người sử dụng
- ☑ Thực hiện đúng cam kết
- ☑ Phù hợp với nhu cầu thị trường và xã hội
- ☑ Tối ưu hóa lợi ích của khách hàng

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

- Kiên trì theo đuổi định hướng đã được Đại hội cổ đông các nhiệm kỳ trước thông qua, tiếp tục phát triển hai lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp và bất động sản.
- Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng nền tảng tài chính vững mạnh, tạo thế và lực phát triển bền vững;
- Nâng cao vị thế, hình ảnh VINACONEX ở thị trường trong nước và khu vực;
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

NHIỆM VỤ CỤ THỂ

- Các chỉ tiêu kinh tế (lợi nhuận, cổ tức) tăng trưởng hàng năm
- Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty ở hai lĩnh vực Xây lắp và Đầu tư Kinh doanh Bất động sản
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình sản xuất kinh doanh đi đôi với việc tái cấu trúc doanh nghiệp, hoàn thiện cơ chế quản trị và điều hành doanh nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống
- Tiếp tục duy trì tình hình tài chính ổn định
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn liền với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp
- Xây dựng chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu gắn với chiến lược phát triển của doanh nghiệp

THUẬN LỢI



Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã thành công tốt đẹp, các cơ quan quản lý nhà nước được cơ cấu, ổn định về mặt tổ chức, các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội rõ ràng làm kim chỉ nam cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Hệ thống tài chính trong nước ổn định, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận, khai thác các nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả.

Tình hình tài chính của Tổng Công ty đã vượt qua giai đoạn khó khăn, dần đi vào ổn định.

Tổng Công ty đã có định hướng phát triển rõ ràng và có những bước cải cách về quản trị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên đoàn kết, quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ ĐHĐCĐ đề ra

Sự ủng hộ, hỗ trợ hiện quả của các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn.

KHÓ KHĂN

Nền kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế trong nước.

Giá dầu thô duy trì ở mức thấp trong một thời gian dài, tác động lớn tới nguồn thu của ngân sách, ảnh hưởng tới việc triển khai các công trình có nguồn vốn ngân sách.

Lộ trình sắp xếp hệ thống ngân hàng thương mại và chính sách tiền tệ của ngân hàng nhà nước theo hướng thắt chặt tín dụng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty.

Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp tư nhân ở lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản là đối trọng cạnh tranh với hoạt động của Tổng Công ty (ở phân khúc kinh doanh bất động sản cao cấp và xây dựng các công trình hạ tầng giao thông)

Vị thế cạnh tranh của Vinaconex với danh nghĩa công ty cổ phần bị suy giảm khi xã hội đang nhìn nhận Vinaconex là doanh nghiệp nhà nước.

Tuy tình hình tài chính đã ổn định nhưng thực tế Tổng Công ty đang không có vốn chủ khả dụng (tại thời điểm 31/12/2015, tổng vốn đầu tư của Tổng công ty tại các đơn vị là 3.467 tỷ đồng, cho vay các đơn vị theo kế hoạch là 2.433 tỷ, chưa kể giá trị của tài sản cố định và bất động sản đầu tư.



CÁC ĐỐI TÁC LỚN

a) Tập đoàn Taisei – Nhật Bản



Tập đoàn Taisei được thành lập năm 1873 tại Nhật Bản, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp, công trình dân dụng và phát triển bất động sản. Các dự án lớn mà Tập đoàn Taisei đã triển khai tại Nhật Bản gồm có: Hệ thống tàu điện ngầm đầu tiên năm 1927, Cung điện Hoàng gia năm 1968, và cầu Vịnh Yokohama năm 1989. Năm 1993, Taisei cùng Vinaconex thành lập Công ty TNHH Liên doanh Quốc tế Vinaconex – Taisei (Vinata) chuyên thi công các công trình dân dụng và nhà máy công nghiệp tại Việt Nam. Tháng 1/2015, Dự án Nhà ga hành khách T2 tại Sân bay quốc tế Nội Bài do Liên danh nhà thầu Vinaconex và Taisei triển khai thi công đã chính thức được khánh thành và đưa vào khai thác.

b) Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel) – Việt Nam



Tập đoàn Viettel được thành lập năm 2009, là doanh nghiệp kinh tế quốc phòng 100% vốn nhà nước với số vốn điều lệ 50.000 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn gồm có: cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền dẫn, bưu chính, phân phối thiết bị đầu cuối, đầu tư tài chính, truyền thông, đầu tư bất động sản, xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài. Hiện nay, Viettel là cổ đông lớn sở hữu 21,28% tổng số cổ phần của Vinaconex và đã tham gia góp vốn cùng Vinaconex để thành lập Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel, Công ty cổ phần Phát triển đô thị Vinaconex – Viettel và đã ký hợp đồng tái cấu trúc Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả với Vinaconex.

c) Công ty Posco E&C – Hàn Quốc



Posco E&C là Công ty xây dựng tổng hợp hàng đầu của Hàn Quốc, nằm trong top 30 công ty xây dựng năng động nhất toàn cầu. Posco E&C cùng tập đoàn POSCO bắt đầu gia nhập thị trường Việt Nam từ năm 1992 và đã thực hiện nhiều dự án trong lĩnh vực công nghệ thép, công trình dân dụng và kiến trúc. Năm 2006, Posco E&C cùng Vinaconex thành lập Công ty TNHH Liên doanh An Khánh để đầu tư xây dựng Dự án Phát triển Khu đô thị mới Bắc An Khánh (Splendor) tại Hà Nội.

d) Tập đoàn Sanwa Holdings – Nhật Bản



Được thành lập năm 1956, Tập đoàn Sanwa Holdings có lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất cửa cuốn, cửa, vách ngăn, các sản phẩm thép không gỉ và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng đối với các sản phẩm và cải tạo nhà ở. Tháng 1/2008, Tập đoàn Sanwa Holdings đã ký Hợp đồng Liên doanh với Vinaconex để thành lập Công ty TNHH Vina-Sanwa chuyên sản xuất cửa xoay, cửa cuốn (gồm cả các loại cửa chống cháy) và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sau bán hàng cho các sản phẩm trên.

e) Công ty Acuatico Pte Ltd – Singapore



Công ty Acuatico Pte Ltd được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Singapore với nhiều năm kinh nghiệm và thế mạnh trong ngành nước. Tháng 10/2010, Công ty Acuatico Pte Ltd đã ký kết Hợp đồng đầu tư với Vinaconex để mua cổ phần của Vinaconex tại Công ty cổ phần Nước sạch Vinaconex (Viwasupco) và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch (Viwaco) để tham gia quản lý, vận hành và khai thác Dự án cấp nước sông Đà.



Liên quan đến việc phát triển và quản lý thương hiệu Vinaconex, năm 2015, Tổng Công ty CP Vinaconex tiếp tục chú trọng công tác bảo vệ thương hiệu. Tổng Công ty đã ký được 22 hợp đồng li xăng, nâng tổng số hợp đồng li xăng ký với các đơn vị sử dụng thương hiệu Vinaconex lên đến 36. Toàn bộ số hợp đồng này đã được đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ. Việc này góp phần tăng cường bảo vệ thương hiệu Vinaconex khỏi các tranh chấp, nếu có. Ngoài ra, Tổng Công ty còn thu về khoản tiền 2.112.000.000 VNĐ trong năm 2015 do nhượng quyền sử dụng thương hiệu.

Năm 2015 cũng là năm Tổng Công ty tổ chức đi kiểm tra thực tiễn truyền thông thương hiệu tại phần lớn các đơn vị. Tổng số đơn vị được kiểm tra là 25, bao gồm khối văn phòng và tổng số 23 dự án/công trình. Qua đó, các đơn vị được tư vấn nhận biết các ứng dụng sai quy định và cách sửa chữa tương ứng. Qua các buổi làm việc này, Tổng Công ty cũng nắm được nguyện vọng và đề nghị của các đơn vị liên quan đến việc cải tiến hệ thống nhận diện thương hiệu hay truyền thông thương hiệu nội bộ sao cho hiệu quả hơn. Kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện trong năm tới nhằm san sẻ giá trị thương hiệu giữa Tổng Công ty và các đơn vị.

Do khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2015, Tổng Công ty Vinaconex không tham gia sự kiện truyền thông thương hiệu nào, không tham gia các giải thưởng về thương hiệu, cũng không tài trợ, quảng bá thương hiệu tại các sự kiện. Tuy nhiên, Vinaconex vẫn duy trì hoạt động quảng cáo tối thiểu trên báo chí và một số bài viết PR phục vụ mục đích cá biệt. Nội dung trên website vẫn được cập nhật đầy đủ, không những tuân thủ quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, mà còn cung cấp thông tin cập nhật và khá chi tiết đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các hoạt động xã hội có liên quan.



II. HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015



II.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

II.2 Tổ chức và nhân sự

II.3 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

II.4 Tình hình tài chính

II.5 Cơ cấu cổ đông

II.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2015



01/2015

Khánh thành và đưa vào khai thác nhà ga T2 - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Cầu Nhật Tân



03/2015

Kỷ niệm 10 năm thành lập Hệ thống các trường Lý Thái Tổ



06/2015

Ký hợp đồng gói thầu CP-1A Dự án phát triển Cơ sở hạ tầng khu Công nghệ cao Hòa Lạc (giá trị thực hiện của Vinaconex là trên 1.500 tỷ đồng)



10/2015

Khởi công dự án nước Sông Đà giai đoạn 2



10/2015

Công bố chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty



10/2015

Vinaconex được bình chọn là “1 trong TOP 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2014 - 2015”



11/2015

Vinaconex được vinh danh tại Lễ trao giải thưởng Cống hiến 2015 của JICA

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM 2015

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % so KH 2015	Tỷ lệ % so thực hiện năm 2014
1	Tổng doanh thu	2.700	2.838	105%	80%
2	Lợi nhuận trước thuế	306	306	100%	97%
3	Lợi nhuận sau thuế		304		96%
4	Tỷ lệ cổ tức	7,0%	7,0%	100%	117%



Gói thầu CP-1A Khu Công nghệ cao Hòa Lạc



Dự án Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao TP. HCM



Dự án Vinata Towers



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Đỗ Trọng Quỳnh

Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông Quỳnh được bầu vào HĐQT từ tháng 6 năm 2015 và được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ tháng 10 năm 2015. Trước đó, ông Quỳnh giữ vị trí Phó Tổng giám đốc thường trực từ tháng 8 năm 2014. Với bề dày kinh nghiệm 30 năm công tác trong ngành xây dựng, ông từng trải qua nhiều vị trí chủ chốt tại Vinaconex 2, một đơn vị nòng cốt của Tổng công ty trước khi về Tổng công ty đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc. Ông cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Vinaconex 2, Vinaconex 25, Vinaconex 27, Vinaconex Sài Gòn và Vinaconex Dung Quất.

Ông Nguyễn Ngọc Điệp

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Với bề dày kinh nghiệm trên 30 năm công tác, là một trong những cán bộ đầu tiên của Vinaconex, ông Điệp đã có nhiều năm là đại diện của Vinaconex ở nước ngoài để chỉ đạo công tác xuất khẩu lao động và chuyên gia kỹ thuật, ông am hiểu sâu sắc về kỹ thuật trong ngành xây dựng cũng như quản trị doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ngoài việc làm PTGD ở Vinaconex, ông còn là Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT của các trường Lý Thái Tổ và Công ty Nedi2.

Ông Lê Doanh Yên

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư Chế tạo máy



Ông Yên là Phó Tổng Giám đốc Vinaconex từ tháng 8 năm 2013. Trước khi là Phó Tổng giám đốc Vinaconex, ông Yên từng là Giám đốc Ban Điều hành Dự án Nhà ga T2 Nội Bài, Trợ lý Tổng giám đốc Tổng công ty Vinaconex, và Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Quốc tế Vinaconex – Taisei (Vinata). Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch HĐQT tại các công ty: Vinaconex 15, Vinasinco và Vinaconex Đà Nẵng.



BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ông Thân Thế Hà

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư kinh tế vận tải, Cử nhân ngoại thương, Thạc sỹ Quản lý kinh tế

Trước khi được bổ nhiệm làm PTGD Tổng công ty Vinaconex từ 27/8/2014, Ông Hà đã có nhiều năm công tác trong lĩnh vực thương mại, xuất khẩu lao động, sản xuất công nghiệp, xây dựng, bất động sản v.v Ngoài việc đảm nhiệm vị trí PTGD tại Tổng công ty, Ông Hà còn là Chủ tịch HĐQT tại các công ty: Vinaconex MEC, Vinaconex ITC, VIWACO.



Ông Dương Văn Mậu

Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư xây dựng

Ông Mậu được bổ nhiệm làm PTGD Tổng công ty từ tháng 10 năm 2013. Ông là người có hiểu biết rất sâu sắc về lĩnh vực khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả cao. Ngoài nhiệm vụ tại TCT, ông còn là chủ tịch HĐQT tại Vinaconsult, Công ty CP BĐS Vinaconex và đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT tại Vinaconex 9



CÁC THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Tên cá nhân	Thời điểm thay đổi	Thay đổi
1	Ông Vũ Quý Hà	20/10/2015	Thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc TCT để đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT
2	Ông Đỗ Trọng Quỳnh	20/10/2015	Đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc TCT thay đ/c Vũ Quý Hà

CÁC THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên cá nhân	Thời điểm thay đổi	Thay đổi
1	Ông Đỗ Trọng Quỳnh	30/06/2015	Tham gia HĐQT
2	Ông Nguyễn Thành Phương	01/07/2015	Chủ tịch HĐQT, nghỉ hưu theo chế độ
3	Ông Hoàng Nguyên Học	01/07/2015	Đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT thay ông Nguyễn Thành Phương
4	Ông Hoàng Nguyên Học	20/10/2015	Thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT
5	Ông Vũ Quý Hà	20/10/2015	Đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT thay ông Hoàng Nguyên Học



Chủ tịch HĐQT Vũ Quý Hà trao quyết định bổ nhiệm cho Tổng giám đốc Đỗ Trọng Quỳnh tại lễ công bố ngày 22/10/2015



Chủ tịch HĐQT cùng tập thể Ban điều hành Tổng công ty thể hiện quyết tâm cùng xây dựng Tổng công ty CP Vinaconex ngày càng vững mạnh

THÀNH PHẦN LAO ĐỘNG TỔNG CÔNG TY

Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2015 là 23.554 người, trong đó nữ là 2.501 người, chia ra:

- Trình độ trên Đại học: 181 người
- Trình độ Đại học: 3.714 người
- Trình độ Cao đẳng: 353 người
- Trình độ Trung cấp và sơ cấp: 994 người
- Công nhân kỹ thuật: 8.182 người
- Lao động phổ thông: 5.558 người
- Lao động nước ngoài: 4.572 người



Hoạt động xuất khẩu lao động của VINACONEX

CÔNG TÁC TIỀN LƯƠNG

- Xây dựng lại quy chế tiền lương CBNV cơ quan Tổng công ty trên cơ sở gắn tiền lương với năng suất chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân và kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý của Tổng công ty, đảm bảo bình đẳng, đúng người, đúng việc và khuyến khích người lao động phát huy hiệu quả, tăng năng suất lao động, phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, Luật BHXH và các quy định pháp luật hiện hành.
- Triển khai thủ tục chuyển xếp lương cơ bản cho CBCNV Công ty Mẹ theo Quy chế tiền lương mới, làm việc với cơ quan BHXH để trích nộp BHXH theo thang bảng lương của Tổng công ty, thực hiện thủ tục ký Hợp đồng lao động mới theo mức lương mới của Tổng công ty kể từ ngày 01/01/2016.
- Tham gia góp ý, hỗ trợ với các đơn vị thành viên xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương đúng quy định pháp luật lao động về tiền lương, đảm bảo phù hợp yêu cầu giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động.
- Rà soát, góp ý, hướng dẫn các đơn vị hạch toán phụ thuộc và một số Công ty thành viên xây dựng quỹ tiền lương, xây dựng và hoàn thiện quy chế tiền lương theo đặc thù của từng đơn vị; kiểm tra, giám sát các đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện phương án tiền lương theo kế hoạch được duyệt.
- Rà soát việc xếp lương, điều chỉnh tiền lương công việc cho CBNV khối văn phòng Tổng công ty, đảm bảo phù hợp, đúng với hiệu quả công tác của mỗi CBNV, mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng cán bộ.

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

- Phối hợp với cơ quan BHXH Quận Đống Đa và BHXH TP Hà Nội thực hiện chế độ báo cáo quyết toán BHXH hàng quý trong năm đảm bảo chế độ và thời gian và quy định. Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc chế độ thu của cơ quan Bảo hiểm xã hội, thực hiện công tác trích nộp BHXH hàng tháng, tuyệt đối không nợ tiền BHXH;
- Lập hồ sơ làm thủ tục đóng BHXH cho cán bộ ký HĐLĐ mới, đáp ứng yêu cầu cấp thẻ BHYT cho người lao động, giải quyết thủ tục chốt sổ BHXH cho người lao động thực hiện chấm dứt HĐLĐ;
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động, trong năm 2015, Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe trong nước cho 185 CBCNV và 85 cán bộ quản lý điều hành với tổng số tiền 1.800.675.000đ.
- Giải quyết kịp thời việc công tác BHYT cho CBNV. Các chế độ như ốm đau, tai nạn lao động, thai sản, dưỡng sức được các đơn vị giải quyết đúng quy định. Trong năm 2015, toàn Tổng công ty đã làm thủ tục chi nghỉ thai sản, ốm đau cho 585 trường hợp với tổng kinh phí chi trả ước đạt 3.294.623.110 đồng, giải quyết chế độ nghỉ hưu theo quy định và nghỉ hưu trước tuổi cho 443 trường hợp.
- Phối hợp với cơ quan BHXH để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết chế độ hưu trí và các chế độ khác đối với người lao động, đảm bảo đúng quy định pháp luật về quyền lợi cho người lao động.
- Thực hiện chế độ tiền lương, nâng lương, nâng bậc, BHXH, giải quyết các chế độ chính sách khác cho cán bộ công nhân viên đảm bảo, đúng quy định; Giải quyết triệt để mọi khiếu nại, thắc mắc của người lao động về chế độ chính sách, không để xảy ra tình trạng khiếu nại kéo dài, vượt cấp.
- Hỗ trợ, tư vấn kịp thời đối với người lao động làm việc tại cơ quan Tổng công ty và đơn vị thành viên có quá trình công tác trước năm 1995 thiếu hồ sơ gốc hoặc các loại giấy tờ có liên quan đến tiến trình cấp sổ BHXH phương pháp lập hồ sơ cấp sổ BHXH phục vụ cho công tác giải quyết chế độ BHXH đạt hiệu quả cao. Giải đáp thắc mắc kịp thời của người lao động và đơn vị thành viên trong việc thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện kéo dài, làm ảnh hưởng đến uy tín của Tổng công ty và đơn vị;
- Phối hợp với Công đoàn Tổng công ty trong các hoạt động từ thiện vì người nghèo của cộng đồng và người lao động VINACONEX, góp phần quảng bá hình ảnh đẹp của Tổng công ty trên khắp mọi miền đất nước;
- Các nghiệp vụ khác có liên quan đến công tác BHXH theo yêu cầu của đơn vị và của cơ quan bảo hiểm xã hội đảm bảo thực hiện khẩn trương, kịp thời và hiệu quả.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

STT	Tên công ty	Thực hiện đầu tư vốn trong năm 2015	Tỷ lệ sở hữu sau khi tăng vốn	Ghi chú
1	Công ty cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	45.319.411.400	21%	Tổng công ty hoàn thành tiến độ góp vốn 8 đợt cho giai đoạn 2014-2016.
2	Công ty cổ phần Bất động sản An Thịnh	101.109.734.750	99,99%	Tổng công ty thực hiện mua cổ phần Công ty CP BĐS An Thịnh để thực hiện đầu tư dự án cải tạo xây dựng lại chung cư cũ L1, L2 tại số 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
3	Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Vinaconex - Taisei	94.069.686.572	29%	Góp đủ vốn điều lệ Công ty để thực hiện dự án Vinata Towers
	Tổng cộng	240.498.832.722		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2015

STT	Nội dung	Kế hoạch 2015 (KH điều chỉnh)	Giá trị ước thực hiện 2015	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch
1	Các dự án do Tổng công ty làm chủ đầu tư và nắm cổ phần chi phối	1.008,9	322,82	32 %
	<i>Doanh thu:</i>	<i>142,38</i>	<i>161,38</i>	<i>113,3%</i>
	<i>Lợi nhuận:</i>	<i>77,67</i>	<i>79,45</i>	<i>102,3%</i>
2	Các dự án đầu tư do các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư	2.285,7	1.523,3	66,6%
	Tổng cộng	3.294,7	1.846,1	56%

Thông tin các dự án xây lắp tiêu biểu của Tổng công ty (Xin vui lòng xem phụ lục 1)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty (Xin vui lòng xem phụ lục 2)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	10.871.992.234.744	10.560.993.096.369	-3%
2	Doanh thu thuần	3.225.630.371.278	2.423.653.522.067	-25%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	252.462.059.833	302.158.967.420	20%
4	Lợi nhuận khác	72.440.518.241	3.752.433.426	-95%
5	Lợi nhuận trước thuế	324.902.578.074	305.911.400.846	-6%
6	Lợi nhuận sau thuế	324.902.578.074	304.064.877.846	-6%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	6%	7%	17%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	22.829.691.385.919	20.729.700.777.897	-9,20%
2	Doanh thu thuần	8.376.469.982.961	8.026.203.834.452	-4,18%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	408.406.779.238	556.799.927.568	36,33%
4	Lợi nhuận khác	24.167.931.256	46.168.491.981	91,03%
5	Lợi nhuận trước thuế	432.574.710.494	602.968.419.549	39,39%
6	Lợi nhuận sau thuế	376.229.851.859	523.627.675.770	39,18%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,08	1,15
	Hệ số thanh toán nhanh	1,02	1,09
2	2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,47	0,46
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,90	0,84
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	4,77	8,15
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,23
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10%	13%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3%	3%
	Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	8%	12%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5.7%	5.5%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,00	1,05
	Hệ số thanh toán nhanh	0,69	0,77
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,65
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,14	1,83
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	1,64	2,14
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,37	0,39
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4%	7%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2%	3%
	Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	5%	7%

CỔ PHẦN

STT	Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
1	Mã giao dịch:	VCG	
2	Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần	
3	Thị trường niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	
4	Người chịu trách nhiệm CBTT:	Ông Thân Thế Hà Phó Tổng giám đốc	
5	Tổng số cổ phần đang lưu hành	441.710.673	100%
6	Loại cổ phần:	Phổ thông	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

	Số lượng	Số CP	Tỷ lệ %
Cá nhân trong nước	8,902	42,409,681	9.60%
+ Chưa lưu ký		541,584	
+ Đã lưu ký		41,868,097	
Tổ chức trong nước	65	360,853,163	81.69%
+ Chưa lưu ký		349,261,328	
+ Đã lưu ký		11,591,835	
CỘNG TRONG NƯỚC	8,967	403,262,844	91.30%
+ Chưa lưu ký		349,802,912	
+ Đã lưu ký		53,459,932	
Cá nhân nước ngoài	65	2,182,198	0.49%
+ Chưa lưu ký		-	
+ Đã lưu ký		2,182,198	
Tổ chức nước ngoài	35	36,265,631	8.21%
+ Chưa lưu ký		-	
+ Đã lưu ký		36,265,631	
CỘNG NƯỚC NGOÀI	100	38,447,829	8.70%
+ Chưa lưu ký		-	
+ Đã lưu ký		38,447,829	
TỔNG CỘNG	9,067	441,710,673	100.00%

Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (danh sách chốt ngày 4/4/2016)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch trong năm

Các chứng khoán khác: Không có



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:*

Nhập các nguồn nguyên liệu khác nhau: như thép, bê tông, nhựa đường, cát, đá, xi măng, tôn, các loại vật liệu hoàn thiện và hệ thống cơ điện để phục vụ cho thi công.

b) *Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:*

Một phần tái chế.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG



a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp*

Sử dụng nguồn năng lượng điện và xăng dầu cho công tác sản xuất thi công

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:*

Áp dụng các hệ thống điều khiển tòa nhà thông minh và hệ thống xử lý nước thải hiệu quả để giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này*

Có 8 báo cáo cải tiến kỹ thuật và áp dụng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh được hội đồng khoa học Tổng công ty xác nhận.

Có 15 công trường đạt kỹ thuật xây dựng chất lượng cao.

TIÊU THỤ NƯỚC



a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :*

Nước sạch Sông Đà

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng*

Không tái sử dụng

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:*

Không bị xử phạt

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường*

Không có

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Toàn Tổng công ty có hơn 23.000 cán bộ công nhân viên, mức lương trung bình toàn tổng công ty năm 2015 đạt 6,8 triệu đồng/tháng tăng 10,91% so với năm 2014. Trong đó công ty mẹ đạt 16 triệu đồng/người/tháng tăng 0,38% so với năm 2014.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ, kịp thời cho người lao động. Ban AT-LĐ tổ chức các đợt kiểm tra vệ sinh môi trường, đảm bảo điều kiện sống cho người lao động tại các công trường đặc biệt các dự án vùng sâu, vùng xa

Tổ chức và phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao nhằm chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Các đơn vị được giao lưu, món ăn tinh thần với tất cả các cán bộ công nhân viên.

Tuyên dương các cháu là con của các cán bộ công nhân viên có thành tích học tập và tu dưỡng đạo đức.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà động viên tại các dự án khó khăn. Trong các dịp ngày lễ, ngày tết tăng cường công tác kiểm tra và giám sát thanh toán tiền thưởng cho các cán bộ công nhân viên. Những bộ phận ở lại trực tại văn phòng, công trường được chăm lo đầy đủ.

Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho các bộ nhân viên

Hàng năm dịp tết nguyên đán tổ chức khoảng 1000 món quà tết, có giá trị trên 1 triệu đồng để ủng hộ những cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Tổ chức bồi dưỡng các kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp như kế toán, bảo hiểm xã hội, quản lý dự án, an toàn lao động...

Tổ chức đào tạo kỹ năng nghề nghiệp hàng năm đủ khả năng tay nghề cung cấp để thi công tại các dự án và các đơn vị sản xuất vật tư, vật liệu.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hưởng ứng và làm tốt lời kêu gọi của Đảng và Nhà nước ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, ảnh hưởng của chiến tranh, chất độc da cam, quỹ Vì trái tim trẻ thơ

Hỗ trợ các huyện nghèo, nuôi dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, góp quỹ người nghèo

Tổ chức từ thiện, ủng hộ người nghèo phải ở lại trong các bệnh viện tại dịp Tết nguyên đán.

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Doanh nghiệp đang tái cơ cấu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Xác định lại năng lực, giá trị cốt lõi để lựa chọn sản phẩm mục tiêu

Xây dựng các mối liên kết và phát triển mạng lưới cung ứng

Đang đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội

Đang ban hành quy chế, quản lý rủi ro doanh nghiệp do ảnh hưởng của môi trường xã hội.



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



III.1 Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

III.2 Tình hình tài chính

III.3 Các giải pháp triển khai KH SXKD năm 2016

III.4 Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

III.1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

1. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2015

Vinaconex bước vào năm 2015 với nhiều thuận lợi hơn các năm trước: Các giải pháp điều hành của Chính Phủ nhằm ổn định thị trường bất động sản đã phát huy tác dụng, lãi suất ngân hàng giảm mạnh giúp cho các dự án xây dựng triển khai nhanh hơn, các dự án phát triển hạ tầng sử dụng vốn Nhà nước, vốn ODA, hoặc xã hội hóa được triển khai, giá vật liệu xây dựng tiếp tục ổn định.

Về nội tại, Vinaconex đã trở thành thương hiệu có uy tín tốt với các chủ đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài; bản thân Tổng Công ty cũng đã có một năm đổi mới khá mạnh mẽ trong quản trị và điều hành, trong đó, đổi mới về khai thác thị trường và quản lý dự án, tái cấu trúc hệ thống doanh nghiệp thành viên và tái cấu trúc tài chính là những khâu đột phá mang lại hiệu quả tốt.

Song song với đó, năm 2015 cũng là năm mà Vinaconex phải đối diện với những khó khăn. Sự yếu kém nhiều năm chưa khắc phục xong ở một vài đơn vị thành viên, cú sốc tỷ giá từ thị trường tiền tệ và dư nợ phải thu lớn từ một số chủ đầu tư, trong đó, dư nợ từ các công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của doanh nghiệp đã gây ra nhưng hậu quả không nhỏ cho kết quả kinh doanh chung của Tổng Công ty.

2. NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ KẾT QUẢ SXKD CỦA CÔNG TY MẸ

Với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên, năm 2015 Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông phê duyệt ở các chỉ tiêu chính: Tổng doanh thu – Lợi nhuận – Tỷ lệ cổ tức.

Tổng lợi nhuận gộp từ các hoạt động kinh doanh của Công ty Mẹ là 577,096 tỷ đồng (không bao gồm chi phí hoàn nhập/trích lập dự phòng đầu tư tài chính), **tăng 128,206 tỷ đồng, bằng 128,6% so với kế hoạch.** Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty Mẹ bị ảnh hưởng lớn bởi chi phí trích lập dự phòng đầu tư tài chính tăng cao so với kế hoạch (tăng 129,606 tỷ đồng).

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Kế hoạch 2015	Kết quả thực hiện năm 2015	Chênh lệch giữa thực hiện và kế hoạch
Tổng lợi nhuận gộp từ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh	448,890	577,096	128,206
Chênh lệch giữa giá trị trích lập và hoàn nhập dự phòng ĐTTC đưa vào chi phí SXKD	51,880	181,486	129,606
Lợi nhuận trước thuế của Công ty Mẹ	306	306	

Nguyên nhân chính bởi kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả và Công ty Liên doanh An Khánh không đạt kế hoạch, có kết quả lỗ hơn nhiều so với kế hoạch do ảnh hưởng của biến động tỷ giá trong kỳ gây phát sinh tăng lỗ và phải ghi nhận vào chi phí tài chính toàn bộ khoản chênh lệch tỷ giá đang chờ phân bổ theo quy định của Chế độ Kế toán doanh nghiệp áp dụng từ 1/1/2015 (TT200)

3. KẾT QUẢ HỢP NHẤT TỔNG CÔNG TY

Quy mô sản xuất của toàn Tổng Công ty tiếp tục giảm nhẹ so với năm trước do chủ trương tiếp tục thoái vốn đầu tư, thu hẹp đầu mối ở các đơn vị thành viên (doanh thu giảm 3,9% so với thực hiện năm 2014).

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4		TH năm 2015/ TH năm 2014
		Năm 2015	Năm 2014	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.026.203	8.376.470	95,8%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	602.968	432.574	139,4%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	523.628	376.229	139,2%
4	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	390.574	311.127	125,5%
5	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	133.053	65.102	204,4%

III.2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. CÔNG TY MẸ

1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Kết thúc năm tài chính 2015, tổng tài sản của Công ty mẹ đạt 10.561 tỷ đồng, giảm 311 tỷ đồng (tương đương giảm 2,86%) so với năm 2014. Trong đó, các chỉ tiêu tài sản có sự biến động lớn trong năm 2015 gồm:

Nhóm các tài sản giảm:

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 370,8 tỷ đồng (tương đương giảm 9,24%) so với năm 2014 do Tổng Công ty thu được tiền từ chủ đầu tư làm cho khoản phải thu khách hàng giảm 1.209 tỷ đồng (trong đó, khoản phải thu Sở xây dựng tại dự án Bảo tàng Hà Nội giảm 1513 tỷ đồng), cho vay ngắn hạn giảm 17,3 tỷ đồng trong khi các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng lên như trả trước cho người bán tăng 180,7 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn tăng 655,4 tỷ đồng.
- Tài sản ngắn hạn giảm 9,3 tỷ đồng chủ yếu do trong năm Tổng Công ty khấu trừ khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 9,4 tỷ đồng.
- Các khoản phải thu dài hạn giảm 314 tỷ đồng do trong năm Tổng Công ty thu hồi các khoản cho vay dài hạn của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex, Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình số tiền 350,6 tỷ đồng.

Nhóm các tài sản tăng :

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 165 tỷ đồng (tương đương tăng 48,37%) so với năm 2014 chủ yếu do Tổng công ty thu hồi được các khoản cho vay dài hạn của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 299,9 tỷ đồng chủ yếu do Tổng công ty ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng BIDV, VP Bank.

B. HỢP NHẤT

1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2015, giá trị Tổng tài sản hợp nhất của Tổng công ty là 20.729,7 tỷ đồng giảm 2.099,9 tỷ đồng so với năm 2014 tương đương 9,2%. Nguyên nhân chính là do kết quả của tái cơ cấu vốn, giảm số lượng các Công ty trong diện hợp nhất báo cáo tài chính, cụ thể, Tổng Công ty hoàn thành việc thoái vốn toàn bộ tại một số các Công ty thành viên lớn như Công ty cổ phần xây dựng số 3, Công ty cổ phần xây dựng số 5, Công ty cổ phần xây dựng số 15 và tái cấu trúc đơn vị thành viên từ Công ty con về Công ty liên doanh, liên kết như Công ty cổ phần Vipaco. Các chỉ tiêu tài sản có sự biến động lớn trong năm gồm:

Nhóm các tài sản giảm dẫn đến tổng tài sản giảm:

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 688,0 tỷ đồng, từ mức 6.020,9 tỷ đồng xuống 5.332,9 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm 802,8 tỷ đồng từ 3.563,6 tỷ đồng xuống 2.760,8 tỷ đồng, nguyên nhân do Tổng Công ty tập trung đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng dở dang và thu hồi các khoản phải thu của khách hàng (giảm 990,0 tỷ đồng), nổi bật là khoản phải thu Sở Xây dựng thành phố Hà Nội (dự án Bảo tàng Hà Nội) giảm 1.512,6 tỷ đồng.
- Giá trị Tài sản dở dang dài hạn giảm 2.004,8 tỷ đồng, từ 3.957,4 tỷ đồng còn 1.952,6 tỷ đồng. Nguyên nhân chính Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Điện Miền Bắc 2 đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng và đi vào vận hành từ năm 2015 nên Công ty ghi giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tăng tài sản cố định.
- Các khoản phải thu dài hạn giảm 514,0 tỷ đồng, từ 2.503,3 tỷ đồng xuống 1.989,2 tỷ đồng nguyên nhân do Tổng Công ty thu hồi được khoản cho các đơn vị liên doanh, liên kết vay vốn và khoản phải thu dài hạn của khách hàng.
- Khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 102,3 tỷ đồng, tương đương 6,53%, nguyên nhân chính là do Tổng Công ty và các đơn vị thành viên tái cấu trúc vốn tại các đơn vị đầu tư khác (giá trị đầu tư nhỏ hơn 20% vốn điều lệ) và việc giảm giá trị đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhóm các tài sản tăng:

- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 366,5 tỷ đồng, từ mức 155,8 tỷ đồng lên 522,3 tỷ đồng chủ yếu do khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tăng tại Công ty Mẹ và một số đơn vị thành viên khác.
- Tài sản cố định tăng 1.702,4 tỷ đồng, từ 1.733,7 tỷ đồng lên 3.436,2 tỷ đồng do Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Điện Miền bắc 2 ghi nhận tăng tài sản và giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ.

Do giá trị tuyệt đối của nhóm các tài sản giảm lớn hơn giá trị tuyệt đối nhóm các tài sản tăng nên tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 giảm so với thời điểm 1/1/2015.

Từ những chi tiết tăng giảm các khoản thuộc tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nêu trên đã làm thay đổi cơ cấu của tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	47,05	44,92
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	52,92	55,08

Cơ cấu tài sản thay đổi theo hướng tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm trong tổng tài sản. Đặc biệt sự gia tăng đáng kể của các khoản tương đương tiền (+48,37%) góp phần lý giải thêm việc Tổng công ty ưu tiên đầu tư vào các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 3 tháng.

2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Trong năm 2015, toàn bộ các khoản nợ của Tổng công ty được thanh toán đúng hạn, cho đến nay, tại Tổng công ty không có nợ quá hạn, nợ xấu. Kết thúc năm tài chính 2015, nợ phải trả của Tổng công ty là 4.816,5 tỷ đồng giảm 339,6 tỷ đồng. Các yếu tố làm cho nợ phải trả giảm 399,6 tỷ đồng gồm:

- Nợ ngắn hạn giảm 212,5 tỷ đồng chủ yếu do: Vay và nợ vay ngắn hạn giảm 567,1 tỷ đồng, phải trả người bán ngắn hạn giảm 89,7 tỷ đồng, doanh thu chưa thực hiện giảm 16,4 tỷ đồng trong khi các khoản như người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản phải trả khác tăng 460,7 tỷ đồng.
- Nợ dài hạn giảm 127,1 tỷ đồng theo đúng kế hoạch trả các khoản nợ vay dài hạn.

Sự biến động về cơ cấu vốn thể hiện ở các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45,61	47,42
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54,39	52,58

Nợ phải trả giảm cả về số tuyệt đối và số tương đối cho thấy Tổng công ty đang nỗ lực cơ cấu lại các khoản nợ. Trong khi đó, tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng 1,81% so với năm 2014, nguyên nhân chủ yếu của việc tăng vốn chủ sở hữu chủ yếu là do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đồng nghĩa với việc nâng cao khả năng tự chủ về tài chính của Tổng Công ty.

Sự biến động về cơ cấu vốn thể hiện ở các chỉ số:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014
Cơ cấu tài sản			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50,28	50,42
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	49,72	49,58

Trong năm, Tỷ trọng tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn trên Tổng tài sản gần như không thay đổi.

2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả năm 2015 trên BCTC hợp nhất là 13.401,53 tỷ đồng giảm 2.157,6 tỷ đồng, nợ ngắn hạn giảm 1.681,5 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm 476,0 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 73,8% tổng nợ.

Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu ở chỉ tiêu:

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 1.261 tỷ đồng tương đương 35,96%.
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm 770 tỷ đồng tương đương 31,06%.

Nợ dài hạn giảm 476 tỷ đồng, trong đó Vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 492 tỷ đồng.

Nguyên nhân chính làm giảm các chỉ tiêu trên là do Tổng Công ty không còn hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 3, Công ty cổ phần xây dựng số 5, Công ty cổ phần xây dựng số 15, đồng thời, Tổng Công ty cùng các đơn vị thành viên sử dụng nguồn tiền thu được từ việc bán các sản phẩm tồn kho để thanh toán cho các khoản nợ của Ngân hàng, khoản ứng trước của khách hàng.

Sự biến động các chỉ tiêu nợ ảnh hưởng tới chỉ tiêu khả năng thanh toán, cụ thể:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	2015	2014	Thay đổi
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn (Lần)	1,05	1,00	5%
Hệ số thanh toán nhanh: TSNH-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn (Lần)	0,77	0,69	12%

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2015 đều tăng nhẹ so với năm 2014, hệ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1, điều này cho thấy Tổng Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tới.

III.3 CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KH SXKD NĂM 2016

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

Tiếp tục kiên trì với định hướng lấy xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản làm nòng cốt; Tiếp tục quyết liệt thực hiện công tác tái cấu trúc, thoái vốn ở nhiều công ty con hoạt động không hiệu quả hoặc không nằm trong chiến lược phát triển để thu hồi vốn và thực hiện đầu tư cho các công ty nòng cốt, hoạt động hiệu quả theo chiến lược đã vạch ra.

Nhận thức những khó khăn, tồn tại trong năm 2016 nên dự báo quy mô sản xuất kinh doanh (giá trị sản lượng, doanh thu) của Công ty Mẹ sẽ không mở rộng so với năm 2015, tổng tài sản chỉ tăng nhẹ do triển khai các dự án đầu tư và phân đấu tăng trưởng chỉ tiêu hiệu quả, các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Tỷ lệ % tăng trưởng so thực hiện 2015	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	3.022,2	6,4%	
2	Lợi nhuận trước thuế	355,2	16,0%	
3	Lợi nhuận sau thuế	343,8	13,1%	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn dư	32,2		<i>(sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015)</i>
5	Lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2016	376,0		
6	Chi trả cổ tức	353,4	14,2%	Tỷ lệ chi trả cổ tức 8%

GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

(i) Lấy năm 2016 là năm chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản. Trong đó:

- Hình thành rõ nét các tiêu chí Nhà thầu quản lý thông qua việc thành lập trung tâm đầu thầu và quản lý dự án nhằm tách riêng hoạt động kinh doanh xây lắp với chức năng quản lý chuyên môn kỹ thuật xây dựng và an toàn lao động;
- Nâng cao uy tín thương hiệu thông qua việc đảm bảo tiến độ đầu tư và chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ tại các dự án Tổng Công ty đang và sẽ triển khai thi công trong thời gian tới.
- Tái cơ cấu danh mục đầu tư bất động sản đã nắm giữ một thời gian dài nhằm hiện thực hóa lợi nhuận và tạo nguồn vốn để tái đầu tư các bất động sản mới có tính thanh khoản cao hơn, nằm ở những vị trí đắc địa, những dự án mới được đầu tư.
- Tận dụng tối đa cơ hội mở ra do việc Nhà nước sắp xếp lại hệ thống ngân hàng, nhiều chủ dự án không có năng lực triển khai sẽ phải tìm đối tác hợp tác kinh doanh hoặc bán lại dự án. Tiếp tục tập trung ưu tiên tìm kiếm và phát triển các dự án mới theo thế mạnh và kinh nghiệm vốn có của Tổng Công ty về đầu tư bất động sản nhà ở, đầu tư dự án thủy điện và đầu tư các dự án phát triển hạ tầng (đường, cấp thoát nước...) theo hình thức đầu tư hoặc mua lại doanh nghiệp dự án. Ưu tiên tìm kiếm mua lại các dự án có vị trí thuận lợi, đã xong cơ bản pháp lý, có thể triển khai thi công sớm.

(ii) Tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc vốn đầu tư tại các đơn vị theo chủ trương được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt. Theo đó, Tổng công ty giảm số lượng các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty, tập trung vốn vào các công ty nòng cốt hoạt động trong lĩnh vực chính của Tổng công ty là Bất động sản, Xây dựng; mục tiêu chậm nhất đến năm 2017, Công ty Mẹ xác lập xong danh mục công ty nòng cốt hoạt động ở 2 lĩnh vực xây dựng và bất động sản để đầu tư vốn. Cụ thể:

- Ở lĩnh vực Bất động sản: Tổng công ty sẽ trực tiếp thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản hoặc hình thành 01 công ty với 100% vốn của Công ty Mẹ để thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản.
- Ở lĩnh vực Xây dựng: Hình thành 1 công ty 100% vốn của Công ty Mẹ, định hướng thay thế Công ty Mẹ làm nhà thầu chính trong hoạt động xây dựng.
- Đầu tư thêm vốn vào công ty được Tổng công ty lựa chọn là đơn vị nòng cốt thuộc lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản để các công ty này có đủ sức cạnh tranh và giữ vị thế nổi trội so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- Quyết tâm dứt điểm thoái vốn hoặc dừng hoạt động, hoặc giải thể/phá sản (nếu đủ điều kiện) đối với các công ty không có khả năng khôi phục hoạt động nhằm khoanh vùng rủi ro từ những đơn vị này ảnh hưởng đến tới Công ty Mẹ;
- Tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ hoặc giảm dần tỷ lệ sở hữu xuống dưới 51% vốn ở tất cả các công ty không nằm trong kế hoạch xây dựng thành các công ty nòng cốt, đặc biệt tìm cơ hội để sớm thoái vốn tại các đơn vị có giá trị vốn đầu tư lớn của Tổng công ty.

(iii) Hoạt động tài chính tiếp tục giữ vững sự ổn định, sử dụng linh hoạt các nguồn và kênh tài chính nhằm đáp ứng tất cả nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư, phát huy lợi thế của một doanh nghiệp đang được các tổ chức tín dụng xếp hạng cao.

(iv) Cải cách bộ máy và nhân sự theo hướng gọn, nhẹ và hiệu quả, đánh giá và đãi ngộ xứng đáng cho những người làm việc hiệu quả, có nhiều đóng góp đi đôi với chính sách đào tạo và đào tạo lại đội ngũ hiện có nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng.

(v) Đẩy mạnh việc phát triển và quản lý thương hiệu. Năm 2016 sẽ là năm phát triển mạnh trở lại thương hiệu Vinaconex dưới hình thức nhượng quyền cho các đối tác, các công ty liên kết có năng lực thi công xây lắp hoặc dự án bất động sản tiềm năng nhằm vừa tăng nguồn thu về nhượng quyền thương hiệu vừa góp phần khuếch trương trở lại tên tuổi Vinaconex trên thị trường.

III.4 GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Giải trình ý kiến nhấn mạnh của Công ty kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2015 và chênh lệch số liệu kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2015 của Tổng Công ty:

*** Ý kiến nhấn mạnh:**

- + Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ.
- + Báo cáo tài chính đã được điều chỉnh số liệu so sánh tại ngày 01/01/2015 và cho năm kết thúc ngày 31/12/2014 theo kết quả của kiểm toán Nhà nước và việc thay đổi chính sách kế toán để phù hợp với Thông tư 200 và 202 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*** Ý kiến giải trình của Tổng Công ty:**

- Đối với ý kiến nhấn mạnh:
 - + Về Thông báo số 65/TB/VPCP: Nội dung này đã được nêu trong Báo cáo tài chính năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 và Tổng Công ty đã giải trình với Ủy Ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, các cổ đông về nội dung này
 - + Việc điều chỉnh số liệu để phù hợp với kết quả kiểm toán Nhà Nước và chế độ kế toán doanh nghiệp mới (Thông tư 200 và 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính).
- Đối với số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên:
- Đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán: Một số chỉ tiêu chênh lệch do việc điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán Nhà Nước và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, đồng thời việc loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị thành viên với nhau dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau kiểm toán giảm so với số liệu trong báo cáo tài chính quý 4.
- Đối với kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế: Sau kiểm toán, kết quả kinh doanh từ Công ty liên doanh, liên kết tăng (14,01 tỷ đồng), ngoài ra, việc hoàn nhập các khoản dự phòng rủi ro tại các đơn vị thành viên (35 tỷ đồng) dẫn kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán tăng so với số liệu lũy kế trên BCTC quý 4.



IV.ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2015

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2015 của Tổng công ty so với kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2015 thông qua như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % so KH 2015	Tỷ lệ % so thực hiện năm 2014
1	Tổng doanh thu	2.700	2.838	105%	80%
2	Lợi nhuận trước thuế	306	306	100%	97%
3	Lợi nhuận sau thuế		304		96%
4	Tỷ lệ cổ tức	7,0%	7,0%	100%	117%

2. Đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty Mẹ:

Trong năm 2015, HĐQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt. Tổng lợi nhuận gộp từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 577,096 tỷ đồng (không bao gồm chi phí hoàn nhập/trích lập dự phòng đầu tư tài chính), bằng 128,6% so với kế hoạch. Tuy nhiên do chi phí trích lập dự phòng đầu tư tài chính tăng 129,606 tỷ đồng so với kế hoạch nên đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ. Hoạt động xây lắp tiếp tục gặp nhiều khó khăn, doanh thu năm 2015 chỉ bằng 72,5% so với thực hiện 2014. Tuy nhiên, do đổi mới quy trình quản lý các dự án xây lắp nên lợi nhuận từ hoạt động xây lắp tăng 14% so với thực hiện năm 2014. Hoạt động kinh doanh bất động sản năm 2015 tuy chưa có dự án đưa sản phẩm ra thị trường nhưng có nhiều dự án hoàn thành thủ tục và triển khai đầu tư như Dự án cải tạo chung cư 93 Láng Hạ, Dự án 97-99 Láng Hạ; tích cực hỗ trợ VIWASUPCO trong việc thực hiện đầu tư giai đoạn 2 Dự án cấp nước Sông Đà - Hà Nội v.v... Công tác tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên tiếp tục được đẩy mạnh, với việc hoàn thành thoái vốn tại 7 công ty và nhận tiền đặt cọc đối với giao dịch thoái vốn tại 1 công ty (VVF), cổ tức thu được từ các đơn vị thành viên đạt 102,3 tỷ đồng (tăng 28,9% so với kế hoạch). Tình hình tài chính của Tổng công ty tiếp tục được lành mạnh hoá, giảm nợ vay, giảm nợ phải thu, góp vai trò quan trọng trong việc khơi thông nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, cũng như các đơn vị thành viên.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn Tổng công ty: quy mô sản xuất tiếp tục giảm nhẹ so với 2014 do chủ trương tái cấu trúc, thu hẹp đầu mối các đơn vị thành viên. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 420,1 tỷ đồng (bằng 143,5% so với thực hiện năm 2014)

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Về công tác nhân sự Ban điều hành:

- Trong năm 2015, HĐQT đã tiếp tục triển khai việc kiện toàn Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, bổ nhiệm ông Đỗ Trọng Quỳnh – thành viên HĐQT, Phó TGD đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 20/10/2015, thay thế cho ông Vũ Quý Hà, đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT. Sau khi được HĐQT bổ nhiệm, Tổng giám đốc Tổng công ty đã ban hành quyết định phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban điều hành phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty; khẩn trương nắm bắt và điều hành toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Mặc dù số lượng nhân sự Ban Tổng giám đốc còn thiếu so với yêu cầu, song Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc đã rất nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được ĐHQĐ và HĐQT giao, cụ thể:

2. Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Tổng công ty. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc luôn thể hiện trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh lãnh đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, tuân thủ và triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban nghiệp vụ, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo sát sao và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt trong việc tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm nhân lực. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, tái cấu trúc vốn đầu tư, huy động nguồn lực từ các đơn vị thành viên.
- Trong hoạt động xây lắp: Trong năm 2015, Tổng công ty đã thắng thầu được nhiều công trình có giá trị lớn như Hạ tầng chính khu CNC Hòa Lạc (1.245,28 tỷ đồng), Tòa án phúc thẩm TP Hồ Chí Minh (353 tỷ đồng), Cầu cạn và nút giao với phố Nguyễn Văn Tao - TP Hồ Chí Minh thuộc dự án Bến Lức - Long Thành (349,5 tỷ đồng), gói thầu A5 dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (192 tỷ đồng), Chung cư thuộc khu CT-19B khu đô thị Việt Hưng - Long Biên - Hà Nội (132 tỷ đồng)...Việc đổi mới trong quy trình quản lý các dự án xây lắp đã khiến lợi nhuận từ hoạt động xây lắp có mức tăng trưởng khá so với năm 2014.
- Trong hoạt động kinh doanh bất động sản, Ban điều hành đã tích cực triển khai việc tìm kiếm, hợp tác với các đối tác để tìm kiếm, phát triển các dự án bất động sản mới; như dự án 93 Láng Hạ, dự án 97 – 99 Láng Hạ, VINATA Towers, khu Văn phòng và nhà ở Minh Khai (Vinahud); đồng thời tích cực tìm kiếm cơ hội hợp tác với các chủ đầu tư tiềm năng để phát triển các dự án bất động sản khác.
- Trong lĩnh vực tái cấu trúc, trong năm 2015, Tổng công ty đã thoái vốn tại 7 đơn vị và đầu tư thêm vốn vào 03 đơn vị. Hoạt động tài chính được lành mạnh hoá, công tác thu hồi công nợ tiếp tục được đẩy mạnh.
- Các hoạt động kinh doanh khác (giáo dục, dịch vụ) tiếp tục ổn định và có hiệu quả.

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp – vật liệu xây dựng trong năm 2015 có hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả cao, ổn định; đó là các công ty: Nedi 2 , P&C, Viwaco, Viwasupco, Vimeco,...
- Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục phối hợp tốt với tổ chức đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các đợt thi đua sản xuất kinh doanh, các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, củng cố sự đồng thuận trong hoạt động của Tổng công ty. Ban điều hành đã có các chính sách khen thưởng, phúc lợi thích hợp để kịp thời động viên, khuyến khích, các cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Tình trạng đầu tư tài chính dàn trải, hiệu quả đầu tư vốn của Tổng công ty tại các Công ty thành viên còn thấp.
- Một số công ty thành viên có kết quả sản xuất kinh doanh yếu kém (công ty Liên doanh An Khánh, Công ty CP Xi măng Cẩm Phả), dẫn đến việc phải tăng chi phí trích lập dự phòng tài chính, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty.
- Chưa hoàn thành thủ tục tái cấu trúc vốn tại Công ty Tài chính cổ phần VINACONEX VIETTEL trong năm 2015

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Trên cơ sở đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được trong thời gian qua và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do Ban điều hành đề xuất, HĐQT xác định một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm cần thực hiện trong năm 2016 như sau:

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban điều hành triển khai kế hoạch SXKD năm 2016 được ĐHĐCĐ phê duyệt, trọng tâm là hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức. Nhận thức những khó khăn, tồn tại trong năm 2016 nên dự báo quy mô sản xuất kinh doanh (giá trị sản lượng, doanh thu) của Công ty Mẹ sẽ không mở rộng so với năm 2015, tổng tài sản chỉ tăng nhẹ do triển khai các dự án đầu tư và phân đấu tăng trưởng chỉ tiêu hiệu quả.
- Tiếp tục tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm, mở rộng và tạo thêm lợi nhuận từ các dự án thuộc hai lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty, tiếp tục kiên trì với định hướng lấy xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản làm nòng cốt:

Đối với hoạt động xây lắp:

- + Xác định năm 2016 là năm chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản, trong đó hình thành rõ nét các tiêu chí Nhà thầu quản lý thông qua việc thành lập trung tâm đấu thầu và quản lý dự án nhằm tách riêng hoạt động kinh doanh xây lắp với chức năng quản lý chuyên môn kỹ thuật xây dựng và an toàn lao động;
- + Nâng cao uy tín thương hiệu thông qua việc đảm bảo tiến độ và chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ tại các dự án Tổng Công ty đang và sẽ triển khai thi công trong thời gian tới.

Đối với hoạt động đầu tư:

- + Tìm kiếm và phát triển các dự án mới theo hướng hợp tác đầu tư hoặc mua lại doanh nghiệp dự án;
- + Tái cơ cấu danh mục đầu tư bất động sản đã nắm giữ một thời gian dài nhằm hiện thực hóa lợi nhuận và tạo nguồn vốn để tái đầu tư các bất động sản mới có tính thanh khoản cao hơn, nằm ở những vị trí đặc địa, những dự án mới được đầu tư.
- + Tận dụng tối đa cơ hội mở ra do việc Nhà nước sắp xếp lại hệ thống ngân hàng, nhiều chủ dự án không có năng lực triển khai sẽ phải tìm đối tác hợp tác kinh doanh hoặc bán lại dự án. Tiếp tục tập trung ưu tiên tìm kiếm và phát triển các dự án mới theo thể mạnh và kinh nghiệm vốn có của Tổng Công ty về đầu tư bất động sản nhà ở, đầu tư dự án thủy điện và đầu tư các dự án phát triển hạ tầng (đường, cấp thoát nước...) theo hình thức đầu tư hoặc mua lại doanh nghiệp dự án. Ưu tiên tìm kiếm mua lại các dự án có vị trí thuận lợi, đã xong cơ bản pháp lý, có thể triển khai thi công sớm.
- Tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc vốn đầu tư tại các đơn vị theo chủ trương được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt. Theo đó, Tổng công ty giảm số lượng các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty, tập trung vốn vào các công ty nòng cốt hoạt động trong lĩnh vực chính của Tổng công ty là Bất động sản, Xây dựng; mục tiêu chậm nhất đến năm 2017, Công ty Mẹ xác lập xong danh mục công ty nòng cốt hoạt động ở 2 lĩnh vực xây dựng và bất động sản để đầu tư vốn. Cụ thể:
 - + Ở lĩnh vực Bất động sản: Tổng công ty sẽ trực tiếp thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản hoặc hình thành 01 công ty với 100% vốn của Công ty Mẹ để thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản.
 - + Ở lĩnh vực Xây dựng: Hình thành 1 công ty 100% vốn của Công ty Mẹ, định hướng thay thế Công ty Mẹ làm nhà thầu chính trong hoạt động xây dựng.
 - + Đầu tư thêm vốn vào công ty được Tổng công ty lựa chọn là đơn vị nòng cốt thuộc lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản để các công ty này có đủ sức cạnh tranh và giữ vị thế nổi trội so với các doanh nghiệp cùng ngành.
 - + Quyết tâm dứt điểm thoái vốn hoặc dừng hoạt động, hoặc giải thể/phá sản (nếu đủ điều kiện) đối với các công ty không có khả năng khôi phục hoạt động nhằm khoanh vùng rủi ro từ những đơn vị này ảnh hưởng đến tới Công ty Mẹ;
 - + Tiếp tục thực hiện thoái toàn bộ hoặc giảm dần tỷ lệ sở hữu xuống dưới 51% vốn ở tất cả các công ty không nằm trong kế hoạch xây dựng thành các công ty nòng cốt, đặc biệt tìm cơ hội để sớm thoái vốn tại các đơn vị có giá trị vốn đầu tư lớn của Tổng công ty.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty: chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ; tiếp tục rà soát các khoản cho vay, bảo lãnh để có biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro; thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí..

- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy nhân sự của Tổng công ty theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả. Tiếp tục sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực Tổng công ty để theo kịp yêu cầu hoạt động của Tổng công ty, có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Tăng cường kiểm soát các đơn vị thành viên, đặc biệt là các đơn vị yếu kém, có giải pháp xử lý dứt điểm, không để xảy ra tình trạng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty do các đơn vị này phát sinh lỗ lớn
- Tiếp tục kiện toàn và đổi mới về chất đối với hoạt động của Người đại diện quản lý vốn của Tổng Công ty; Tăng cường công tác quản lý, giám sát vốn đầu tư của Tổng công ty tại các Công ty thành viên thông qua vai trò Người đại diện vốn tham gia HĐQT và BKS;
- Tăng cường chế độ giám sát nhằm đảm bảo tuân thủ quy chế sử dụng thương hiệu VINACONEX. Đẩy mạnh việc phát triển và quản lý thương hiệu. Năm 2016 sẽ là năm phát triển mạnh trở lại thương hiệu Vinaconex dưới hình thức nhượng quyền cho các đối tác, các công ty liên kết có năng lực thi công xây lắp hoặc dự án bất động sản tiềm năng nhằm vừa tăng nguồn thu về nhượng quyền thương hiệu vừa góp phần khuếch trương trở lại tên tuổi Vinaconex trên thị trường.



V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ



IV.1 Hội đồng quản trị

IV.2 Ban Kiểm soát

IV.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Vũ Quý Hà
Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty
Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Được bầu là Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vinaconex từ tháng 10 năm 2015. Trước đó, Ông Hà đã nắm giữ vị trí Tổng giám đốc từ năm 2011 đến 2015. Ông đã có hơn 32 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp và đấu thầu các dự án có nguồn vốn trong và ngoài nước. Hiện nay ông còn là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP nước sạch Vinaconex, Công ty Vimeco và là thành viên HĐQT ở Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. Ông Hà cũng đồng thời là Bí thư Đảng ủy Tổng công ty.



Ông Đỗ Trọng Quỳnh
Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty
Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Quỳnh được bầu vào HĐQT từ tháng 6 năm 2015 và được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ tháng 10 năm 2015. Trước đó, ông Quỳnh giữ vị trí Phó Tổng giám đốc thường trực từ tháng 8 năm 2014. Với bề dày kinh nghiệm 30 năm công tác trong ngành xây dựng, ông từng trải qua nhiều vị trí chủ chốt tại Vinaconex 2, một đơn vị nòng cốt của Tổng công ty trước khi về Tổng công ty đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc. Ông Quỳnh cũng đồng thời là Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty.



Ông Hoàng Nguyên Học
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Học đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT từ tháng 6 năm 2008. Sau khi ông Nguyễn Thành Phương, nguyên Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 nghỉ hưu theo chế độ, Ông Học được bầu làm Chủ tịch HĐQT từ 01/07/2016 cho đến khi chuyển giao cho ông Vũ Quý Hà. Từng đảm nhiệm cương vị Cục trưởng cục Tài chính Doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính, hiện ông Học đang là Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty SCIC.



Ông Đinh Việt Tùng
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Thạc sỹ Kinh tế

Ông Tùng là thành viên HĐQT Vinaconex từ tháng 12 năm 2011. Từ năm 2012 đến 2014, ông Tùng từng kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính của Tổng công ty. Ông là chuyên gia tài chính với nhiều năm kinh nghiệm. Ông từng kinh qua nhiều vị trí tại Tổng cục quản lý vốn và tài chính nhà nước tại doanh nghiệp, Cục tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) và Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC. Hiện ông đang giữ chức vụ Trưởng Ban Quản lý vốn đầu tư 2 tại SCIC.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Ông Đoàn Châu Phong

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Phong là thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 12 năm 2011. Ông có 31 năm kinh nghiệm về đầu tư và quản lý dự án. Ông từng là Phó giám đốc Ban quản lý dự án Vinaconex, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà và đô thị, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. Hiện ông cũng đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT tại Vinahud và VCTD. Ông Phong cũng đồng thời là Phó Bí thư Đảng ủy Tổng công ty.



Ông Nguyễn Đình Thiết

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Cử nhân Kinh tế tài chính

Ông Thiết tham gia HĐQT từ tháng 5 năm 2013. Ông là thành viên HĐQT chuyên trách phụ trách lĩnh vực xử lý nợ và tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên. Kể từ khi bắt đầu làm việc cho Vinaconex, ông từng giữ nhiều chức vụ chủ chốt tại Tổng công ty như Trưởng phòng kiểm toán nội bộ, Phó phòng tài chính kế toán, Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc và cũng là Thành viên HĐQT Tổng Công ty khóa trước.



Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, thạc sỹ Điện tử viễn thông

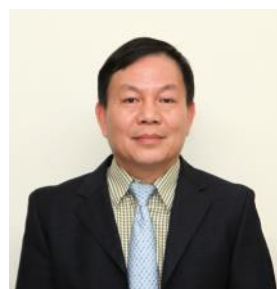
Ông Hùng là thành viên HĐQT từ tháng 4 năm 2009. Ngoài ra, ông Hùng hiện đang đảm nhận vị trí Tổng giám đốc tại Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel. Ông cũng là Tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước duy nhất trúng cử Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XXII.



Ông Lê Đăng Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

Ông Dũng là Thành viên HĐQT Vinaconex từ tháng 4 năm 2014. Ông Dũng hiện đang là Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)



Ông Nguyễn Thiều Quang
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty
 Kiến trúc sư, kỹ sư mỏ

Ông Quang tham gia HĐQT VINACONEX từ tháng 6 năm 2008. Ngoài ra ông Quang còn là Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng Techcombank, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đa My, Công ty Cổ phần Thương mại La Giang, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, CTCP Bất động sản Masan và CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC TV HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các công ty khác
1.	Vũ Quý Hà	Chủ tịch HĐQT	0,06%	03
2.	Đỗ Trọng Quỳnh	Thành viên HĐQT, TGD	0,04%	04
3.	Đoàn Châu Phong	Thành viên HĐQT		02
4.	Nguyễn Đình Thiết	Thành viên HĐQT		03
5.	Hoàng Nguyên Học	Thành viên HĐQT		02
6.	Đình Việt Tùng	Thành viên HĐQT		01
7.	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		05
8.	Lê Đăng Dũng	Thành viên HĐQT		04
9.	Nguyễn Thiều Quang	Thành viên HĐQT		07



TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

Ông Vũ Quý Hà - Chủ tịch HĐQT – Trưởng tiểu ban
 Ông Đinh Việt Tùng - Thành viên HĐQT – Thành viên
 Ông Đỗ Trọng Quỳnh - Tổng giám đốc – Thành viên
 Bà Nghiêm Phương Nhi - Đại diện cổ đông Viettel – Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, hoạch định, tham mưu quản trị chiến lược trung và dài hạn cho kế hoạch phát triển của Tổng công ty.

Quản lý, giám sát việc thực thi các chiến lược, chính sách, quy trình và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng quản trị phê duyệt.

TIỂU BAN TÁI CẤU TRÚC



Ông Nguyễn Đình Thiết - Thành viên HĐQT – Trưởng tiểu ban
 Ông Hoàng Nguyên Học - Thành viên HĐQT
 Ông Nguyễn Quốc Hòa - Kế toán trưởng – Thành viên
 Ông Nguyễn Tuấn Cường - Giám đốc Ban phát triển nhân lực (PTNL) – Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, tham mưu, giám sát việc thực hiện kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TIỂU BAN ĐẦU TƯ



Ông Vũ Quý Hà - Chủ tịch HĐQT - Phó Trưởng tiểu ban
 Ông Đoàn Châu Phong - Thành viên HĐQT - Thành viên
 Ông Nguyễn Hữu Ngọc - Phó Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch – Thành viên
 Ông Phạm Phú Trường - Thành viên Ban Kiểm soát – Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc đưa ra các kế hoạch, quyết sách trong công tác đầu tư.

Giám sát việc thực hiện các kế hoạch, quyết định về đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt

TIỂU BAN NHÂN SỰ ĐÃI NGỘ



Ông Nguyễn Thiều Quang - Thành viên HĐQT, Trưởng Tiểu ban
 Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT, Phó Trưởng Tiểu ban
 Ông Nguyễn Tuấn Cường - Giám đốc Ban PTNL – Phó Trưởng tiểu ban
 Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Phó Giám đốc Ban Tài chính kế hoạch – Thành viên
 Ông Vũ Văn Sơn - Chuyên viên Ban PTNL – Thành viên
 Ông Nguyễn Quốc Huy - Trưởng tiểu ban thư ký tổng hợp – Thành viên

Nhiệm vụ:

Căn cứ vào đề xuất bổ nhiệm cán bộ, Tiểu ban nhân sự đại diện triển khai việc phỏng vấn và đề xuất ý kiến đánh giá về các ứng viên để HĐQT Tổng công ty xem xét, bổ nhiệm cán bộ theo thẩm quyền vào các vị trí như Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty, Giám đốc một số đơn vị thành viên .v.v.

TIỂU BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ



Ông Đinh Việt Tùng - Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban
 Bà Kiều Bích Hoa - Thành viên Ban kiểm soát - Thành viên

Nhiệm vụ:

Nghiên cứu, đề xuất với HĐQT phương hướng, các giải pháp để hoàn thiện các cơ chế, quy chế hoạt động của các phòng ban, đơn vị, các nhân trong Tổng công ty.

Giúp HĐQT có báo cáo, số liệu chính xác hơn trong việc định hướng chiến lược, giao chỉ tiêu kế hoạch cho Ban điều hành chỉ đạo, đôn đốc, giám sát, điều hòa, phối hợp giữa các phòng ban liên quan trong Tổng công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình kiểm soát nội bộ.

Đề xuất từng bước kiện toàn, cải tiến, hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo cho hoạt động của Tổng công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

TIỂU BAN THƯ KÝ TỔNG HỢP



Ông Nguyễn Quốc Huy - Phó giám đốc Ban PTNL - Trưởng Tiểu ban
 Ông Hoàng Thiệu Bảo - Thư ký Chủ tịch HĐQT - Thành viên
 Ông Nguyễn Duy Hiếu - Thư ký Tổng giám đốc - Thành viên
 Bà Đỗ Bảo Phương - Thành viên
 Bà Đinh Nguyễn Thu Trang - Phó TP Đối ngoại & Quan hệ cổ đông Ban ĐNPC -Thành viên

Nhiệm vụ:

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; dự thảo Biên bản và Nghị quyết họp Hội đồng quản trị; cập nhật đầy đủ các thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

Soạn thảo thư tín, văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty và các thỏa thuận của Tổng công ty gửi các công ty thành viên.



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ông Hoàng Nguyên Học - Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ:

Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ:

Tham gia xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Là Phó Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ, tham gia hoạt động của Tiểu ban nhân sự đãi ngộ và trực tiếp thực hiện phỏng vấn và lựa chọn các ứng viên cho các chức danh thuộc sự quản lý của HĐQT Tổng công ty, cũng như phỏng vấn, trao đổi với những ứng viên là cán bộ trẻ, có trình độ của Tổng công ty và các Công ty thành viên để tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân sự cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty trong tương lai.

Ông Lê Đăng Dũng - Thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ:

Tham gia xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ông Nguyễn Thiệu Quang - Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ

Tham gia các cuộc họp của HĐQT; xem xét, góp ý và thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Là Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ của HĐQT, trực tiếp thực hiện phỏng vấn và lựa chọn các ứng viên cho các chức danh thuộc sự quản lý của HĐQT Tổng công ty, cũng như phỏng vấn, trao đổi với những ứng viên là cán bộ trẻ, có trình độ của Tổng công ty và các Công ty thành viên để tìm kiếm, chuẩn bị nguồn nhân sự cho các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Tổng công ty trong tương lai.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Vũ Quý Hà	Chủ tịch	6/7	86%	Bận công tác (có ủy quyền cho TV HĐQT khác)	Bầu làm chủ tịch HĐQT từ 20/10
2	Đỗ Trọng Quỳnh	Ủy viên	3/3	100%		Bổ nhiệm làm thành viên HĐQT từ 1/7
3	Hoàng Nguyên Học	Ủy viên	7/7	100%		
4	Đình Việt Tùng	Ủy viên	7/7	100%		
5	Đoàn Châu Phong	Ủy viên	7/7	100%		
6	Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên	7/7	100%		
7	Nguyễn Thiều Quang	Ủy viên	3/7	43%	Bận công tác (có ủy quyền cho TV HĐQT khác)	
8	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên	2/7	29%	Bận công tác (có ủy quyền cho TV HĐQT khác)	
9	Lê Đăng Dũng	Ủy viên	2/7	29%	Bận công tác (có ủy quyền cho TV HĐQT khác)	
10	Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch	4/4	100%		Nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ 1/7



Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Ông Vũ Quý Hà - Chủ tịch HĐQT

Ông Đỗ Trọng Quỳnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thiết - Thành viên HĐQT

Ông Đoàn Châu Phong - Thành viên HĐQT

Ông Đình Việt Tùng - Thành viên HĐQT

Các Nghị quyết / quyết định được Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2015:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ-HĐQT	6/4/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015 của Tổng công ty - HĐQT giao Ban Tổng giám đốc chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 trình ĐHCĐ trên cơ sở đảm bảo các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức. - Để tạo điều kiện cho BDH hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2015, HĐQT quyết nghị một số cơ chế giải pháp như: Hỗ trợ tìm nguồn vốn vay lãi suất ưu đãi, Đồng ý sửa đổi, bổ sung Quy chế bán vốn của TCT theo hướng tăng cường quyền hạn, sự chủ động của Chủ tịch HĐQT, TGD; Rà soát lại kế hoạch tái cấu trúc; Thống nhất đẩy mạnh thoái vốn đối với các công ty thành viên làm ăn thua lỗ, mất vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; Đồng ý loại trừ tác động do việc không thoái vốn được tại VVF trong việc đánh giá hoàn thành kế hoạch KD năm 2015 đã giao Ban điều hành; TGD chủ động sử dụng mọi nguồn tài chính của TCT để phục vụ cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; Giao TGD chủ động quyết định thôi giao nhiệm vụ, miễn nhiệm, cách chức và bổ nhiệm đối với cán bộ từ PTGD trở xuống; CT HĐQT, TGD được quyền giao nhiệm vụ cụ thể về lợi nhuận, cổ tức cho người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên; Đối với các đơn vị thua lỗ, yếu kém kéo dài, TGD được quyền chỉ đạo người đại diện tại đơn vị áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của các công ty này đến hoạt động của TCT; Xây dựng quỹ lương kế hoạch 2015 trên cơ sở kế thừa quỹ lương năm 2014 và kế hoạch 2015 do ĐHCĐ phê duyệt. - HĐQT thống nhất sẽ phê duyệt, ủng hộ tạo mọi điều kiện cần thiết về nguồn lực, cơ chế quản lý điều hành để Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác quản lý điều hành SXKD, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức năm 2015.
2	02/2015/NQ-HĐQT	14/5/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Về kết quả hoạt động SXKD 4 tháng đầu năm của TCT: HĐQT đánh giá cao kết quả 4 tháng đầu năm, đặc biệt trong lĩnh vực đấu thầu xây lắp, tái khởi động các dự án đầu tư. Đề nghị Ban điều hành rà soát, đánh giá kết quả. HĐQT lưu ý về tiến độ quyết toán 4 dự án: Láng Hoà Lạc, Bảo tàng Hà Nội, 34 Láng Hạ và dự án N05. HĐQT đề nghị Ban điều hành có báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT Quý trước trong cuộc họp HĐQT đầu tiên của Quý sau. - Về công tác tái cấu trúc: Yêu cầu Ban điều hành đẩy mạnh thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án đã được phê duyệt. HĐQT phê duyệt kế hoạch tái cấu trúc năm 2015 theo đề xuất. HĐQT giao tiểu ban chiến lược xây dựng chiến lược tái cấu trúc giai đoạn 2016-2020. HĐQT giao Ban điều hành đề xuất sửa đổi/xây dựng Quy chế bán vốn trình HĐQT phê duyệt trong tháng 5/2015. - Phê duyệt phương án chi trả cổ tức...

3	03/2015/NQ-HĐQT	30/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty - Về việc kiện toàn nhân sự HĐQT: <ul style="list-style-type: none"> + Thống nhất thông qua đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Thành Phương – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 và giải quyết chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Thành Phương theo quy định pháp luật từ ngày 1/7/2015 + Bổ nhiệm ông Đỗ Trọng Quỳnh – Phó Tổng giám đốc TCT làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016, kể từ ngày 1/7/2015 + Bầu ông Hoàng Nguyên Học – thành viên HĐQT đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 thay thế ông Nguyễn Thành Phương. - Thống nhất để ông Nguyễn Thành Phương tiếp tục là người đại diện vốn của TCT tại VVF, tiếp tục đảm nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT VVF cho đến khi TCT và VVF hoàn tất thủ tục cử nhân sự khác thay thế. - Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2015 của TCT.
4	04/2015/NQ-HĐQT	26/8/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Tái cấu trúc VVF: HĐQT giao Ban điều hành hoàn thành thủ tục tái cấu trúc vốn tại VVF trước ngày 30/9/2015 và thống nhất việc thành lập Tổ công tác tham gia đàm phán tái cấu trúc VVF. - Về hoạt động của Công ty An Khánh JVC: Thống nhất đề xuất tiếp tục đẩy mạnh thủ tục xin phê duyệt Master plan của Dự án Splendor. Ngoài ra, HĐQT giao người đại diện tại HĐTV An Khánh JVC quyết định các biện pháp cụ thể trên cơ sở đề nghị của đại diện tham gia Ban điều hành An Khánh JVC. Yêu cầu người đại diện tại HĐTV An Khánh tổ chức họp trong thời gian sớm nhất để thống nhất giải pháp về hoạt động của công ty. - Về báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ tới năm 2015: Thống nhất báo cáo của Ban điều hành, yêu cầu Ban điều hành tìm mọi giải pháp thực hiện kế hoạch doanh thu và rà soát kỹ các khoản phải thu, quyết liệt công tác thu hồi công nợ. Giao Ban điều hành chỉ đạo, phối hợp với người đại diện vốn tại các đơn vị rà soát, báo cáo về tình hình hoạt động SXKD của các đơn vị, đánh giá khả năng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014, tổng hợp, báo cáo HĐQT trước 30/9/2015. - Phê duyệt giới hạn dư nợ vay vốn lưu động tại các ngân hàng năm 2015 - Thống nhất phương án tái cấu trúc phần vốn của TCT tại VC5
5	05/2015/NQ-HĐQT	6/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt một số nội dung liên quan tới việc ký kết phụ lục hợp đồng để điều chỉnh bên hợp tác với Vinaconex và nhận ủy quyền từ Vinaconex thực hiện Dự án Starcity Center do đối tác Công ty CP Đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Xanh tách ra từ Công ty Đầu tư Đại dương Thăng Long.

6	06/2015/NQ-HĐQT	20/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Về báo cáo dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015: Thống nhất nội dung báo cáo của Ban điều hành, đề ra một số nhiệm vụ Ban điều hành cần tập trung thực hiện từ nay đến cuối năm 2015 liên quan tới xây lắp, đầu tư, cổ tức - Thống nhất với các chủ tiêu định hướng sản xuất kinh doanh năm 2016, giao BDH xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016, chuẩn bị báo cáo đánh giá kết quả hoạt động SXKD giai đoạn 2011-2015 và chiến lược phát triển TCT giai đoạn 2016-2021. - Thống nhất báo cáo của BDH về kết quả tái cấu trúc doanh nghiệp năm 2015 và thống nhất chủ trương tiếp tục tái cấu trúc vốn tại VVF, V15, VC6, VC7, NEDI2, VINACONSULT. - Thống nhất chủ trương thoái vốn nhanh tại VC5, tiếp tục thực hiện chào bán theo giá và phương án được HĐQT phê duyệt (lần 4) và giao ông Nguyễn Đình Thiết chỉ đạo rà soát tình hình công nợ của VC5, báo cáo HĐQT xem xét, quyết định việc điều chỉnh phương án giá (nếu cần). - Về việc kiện toàn nhân sự lãnh đạo TCT: Thống nhất đề ông Hoàng Nguyên Học thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT, thống nhất đề ông Vũ Quý Hà thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc TCT; bầu ông Vũ Quý Hà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT; bổ nhiệm ông Đỗ Trọng Quỳnh – thành viên HĐQT, Phó TGĐ đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 20/10/2015.
7	07/2015/NQ-HĐQT	10/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại VVF
8	08/2015/NQ-HĐQT	18/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Về dự kiến kết quả SXKD năm 2015 và định hướng kế hoạch 2016: Đề nghị Ban điều hành phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu năm 2015 được ĐHCĐ phê duyệt và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh trên cơ sở tỷ lệ cổ tức 8%. - Về chủ trương tái cấu trúc vốn các đơn vị thành viên: Trên cơ sở kế hoạch tái cấu trúc đã được HĐQT phê duyệt, Ban điều hành căn cứ tình hình chủ động lộ trình thực hiện, báo cáo HĐQT phê duyệt. - Về việc mua thêm cổ phần tại Vinaconex P&C, Viglafico và tăng vốn tại Vinaconex 25: Đề nghị Ban điều hành báo cáo phương án chi tiết - Về việc hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ: Giao ban điều hành rà soát lại các Quy chế đề xuất phương án điều chỉnh. - Thống nhất để Vinaconex ITC bán khách sạn Holiday View theo hình thức chào bán công khai để trả nợ gốc vay.
9	6A/2015/QĐ-HĐQT	9/1/2015	Quyết định phê duyệt Quy chế người đại diện vốn
10	16/2015/QĐ-HĐQT	16/01/2015	Quyết định phê duyệt giải thể khách sạn Sầm Sơn
11	17/2015/QĐ-HĐQT	16/01/2015	Quyết định phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2015

12	18/2015/QĐ-HĐQT	16/01/2015	Phê duyệt giới hạn số dư nợ vay vốn lưu động và số dư bảo lãnh ngân hàng năm 2015
13	62/2015/QĐ-	13/2/2015	QĐ phê duyệt phương án bán tài sản tại Công ty 4
14	63/2015/QĐ-HĐQT	13/2/2015	QĐ phê duyệt thực hiện nghĩa vụ mua lại cổ phần của Techcombank AMC tại NEDI 2
15	67/2015/QĐ-	24/2/2015	QĐ thành lập Tiểu ban chiến lược thuộc HĐQT TCT
16	70/2015/QĐ-	4/3/2015	QĐ phê duyệt tái cấu trúc vốn tại Vinaconex R&D
17	71/2015/QĐ-	4/3/2015	QĐ phê duyệt tái cấu trúc vốn tại Công ty 3
18	72/2015/QĐ-HĐQT	04/03/2015	QĐ thay đổi người đại diện vốn tại V15
19	75/2015/QĐ-HĐQT	09/03/2015	QĐ phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2015
20	78A, 81A, 82A, 85A, 86A, 87A, 88A, 89A, 90A, 100, 101A, 102A, 108A, 111, 112, 113, 148, 152, 153, 156/2015/QĐ-HĐQT	11/03/2015 17/3/2015 18/3/2015 19/3/2015 23/3/2015 27/3/2015 30/3/2015 7/4/2015 9/4/2015 10/4/2015 17/4/2015 25/4/2015 8/5/2015 13/5/2015	QĐ thay đổi người đại diện vốn Vinaconex MEC, Viglafico, VC7, Vinaconex 27, Vinaconex Sài Gòn, VC1, Vinasinco, Vinahud, V17, Vinaconex ITC, Vinaconex Dung Quất, Viwaco, Nedi 2, V12, VC9, VC6, V16, VIMECO, Xi măng Yên Bình, V16, Vinaconex R&D, Công ty An Khánh, Vinaconex 25, Viglafico
21	101/2015/QĐ-HĐQT	07/04/2015	QĐ phê duyệt phương án triển khai tái cấu trúc phần vốn của TCT tại VC5
22	110/2015/QĐ-HĐQT	9/4/2015	QĐ phê duyệt tái cấu trúc vốn tại VVF
23	114/2015/QĐ-HĐQT	13/04/2015	QĐ tái cấu trúc Xi măng Yên Bình
24	218/2015/QĐ-HĐQT	22/06/2015	Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Thượng Đình Thanh Xuân Bắc
25	226/2015/QĐ-HĐQT	29/06/2015	Cử người đại diện vốn tại Công ty CP Vinaconex P&C
26	246/2015/QĐ-HĐQT	16/07/2015	Tăng vốn điều lệ Công ty CP Vinaconex P&C
27	247/2015/QĐ-HĐQT	16/07/2015	Cử người đại diện vốn tại Công ty CP Vinaconsult

28	257/2015/ QĐ-HĐQT	30/07/2015	Thôi giao nhiệm vụ đại diện vốn của TCT tại Công ty 3
29	285/2015/ QĐ-HĐQT	11/08/2015	Phê duyệt tái cấu trúc vốn Sài Gòn Tây Bắc
30	311/2015/ QĐ-HĐQT	27/08/2015	QĐ phê duyệt chủ trương cho phép Vinaconex ITC bán khách sạn Holiday View
31	338/2015/ QĐ-HĐQT	23/09/2015	QĐ phê duyệt phương án tái cấu trúc Công ty CP Xi măng Yên Bình
32	388/2015/ QĐ-HĐQT	20/10/2015	Bổ nhiệm ông Đỗ Trọng Quỳnh làm Tổng giám đốc
33	342/2015/ QĐ-HĐQT	29/09/2015	QĐ phê duyệt tái cấu trúc Sài Gòn Tây Bắc
34	343/2015/ QĐ-HĐQT	29/09/2015	QĐ phê duyệt tái cấu trúc VC5 lần 4
35	427/2015/ QĐ-HĐQT	10/11/2015	Thay đổi người đại diện vốn Vinaconex Mart
36	428/2015/ QĐ-HĐQT	10/11/2015	Thay đổi người đại diện vốn Vinasinco
37	458/2015/ QĐ-HĐQT	14/12/2015	Phê duyệt nội dung chính của HĐ tín dụng vay vốn đầu tư và điều chỉnh phương án huy động vốn thiếu hụt cho dự án 97-99 Láng Hạ
38	459/2015/ QĐ-HĐQT	15/12/2015	Chấm dứt uỷ quyền quản lý phần vốn của TCT tại Công ty CP Vinaconsult
39	460/2015/ QĐ-HĐQT	15/12/2015	Chấm dứt uỷ quyền quản lý phần vốn của TCT tại Công ty CP Xi măng Yên Bình XMYB
40	464/2015/ QĐ-HĐQT	22/12/2015	Phê duyệt phương án đầu tư phân kỳ I và kế hoạch vay vốn năm 2015 dự án Khu công nghệ cao Hoà Lạc
41	467/2015/ QĐ-HĐQT	25/12/2015	Phê duyệt phương án mua cổ phần của Công ty CP BDS An Thịnh để đầu tư dự án 93 Láng Hạ



BAN KIỂM SOÁT



Ông Đặng Thanh Huân
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Huân là Trưởng ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2006 khi Tổng công ty tiến hành cổ phần hóa và tiếp tục được bầu là Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 - 2016 vào tháng 12/2011. Ông công tác tại Vinaconex từ năm 2002 và đã từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch (nay là Ban Tài chính – Kế hoạch). Ông hiện còn là Trưởng ban Kiểm soát của nhiều đơn vị thành viên của Vinaconex.



Ông Vũ Hồng Tuấn
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tuấn hiện là Trưởng Ban Quản lý rủi ro của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC). Ông Tuấn là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.



Bà Kiều Bích Hoa
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Hoa công tác tại Ban Đầu tư II, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) từ năm 2006. Bà Hoa là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.



Ông Phạm Phú Trường
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Trường công tác tại Viettel từ năm 2007 và hiện là Trưởng phòng Dự án Công ty Bất động sản Viettel thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội Việt Nam (Viettel). Ông Trường là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.



Ông Phạm Chí Sơn
Thành viên Ban Kiểm soát (nghỉ từ tháng 11/2015)

Ông Phạm Chí Sơn đã thôi làm thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty kể từ tháng 11/2015

1. CÁC CÔNG TÁC ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2015

- Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, soát xét Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh quý, năm của Tổng công ty.
- Đại diện Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Tổng công ty trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc năm 2015, cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Ban Giám đốc trong năm 2015 theo các quy định của pháp luật và của Tổng công ty.
 - Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong năm.
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tổng công ty theo các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Năm 2015, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Người đại diện quản lý vốn, các Ban chức năng Tổng công ty thực hiện các cuộc kiểm tra tại các đơn vị phụ thuộc, các công ty thành viên, công ty liên kết: Công ty CP xây dựng số 2, Công ty CP xây dựng số 6, Công ty CP xây dựng số 9, Công ty CP xây dựng số 11, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2 (NEDI 2), Công ty CP Xi măng Cẩm Phả...
- Thực hiện giám sát công tác bán cổ phần của Tổng công ty tại các công ty thành viên, công ty liên kết.
- Phối hợp với các Ban chức năng thẩm định tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2015 của công ty thành viên.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

2. VỀ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty, thể hiện:

- Ban Kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật Doanh

nh nghiệp (về quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát): Các phiếu xin ý kiến, Tờ trình Hội đồng quản trị, các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty đều được cung cấp cho Ban Kiểm soát. Khi Ban Kiểm soát yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong các quý, năm, Ban điều hành đều cung cấp theo yêu cầu.

3. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạt động của Tổng công ty theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Ban Kiểm soát sẽ phối hợp với Người đại diện quản lý vốn, các Ban chức năng Tổng công ty thực hiện các cuộc kiểm tra tại các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết.

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 kỳ họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản (trong năm 2015 HĐQT đã ban hành 42 Nghị quyết và Quyết định). Hội đồng quản trị đã Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty trong năm.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty như sau:
 - Phê duyệt kế hoạch tổ chức, thông qua một số nội dung và các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Tổng Công ty.
 - Quyết định phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán các BCTC riêng và hợp nhất năm 2015 của Tổng công ty.
 - Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban điều hành: thông qua đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Thành Phương – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016; bổ nhiệm Ông Đỗ Trọng Quỳnh – Phó TGĐ
- TCT làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016; bầu Ông Hoàng Nguyên Học – thành viên HĐQT đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 thay thế Ông Nguyễn Thành Phương từ ngày 01/07/2015; thống nhất để ông Hoàng Nguyên Học thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT, Ông Vũ Quý Hà thôi đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc TCT; bầu Ông Vũ Quý Hà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT TCT, Ông Đỗ Trọng Quỳnh đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc TCT kể từ ngày 20/10/2015.
- Quyết định thay đổi Người đại diện quản lý vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết.
- Phê duyệt sửa đổi, bổ sung các quy chế hoạt động của Tổng công ty: Quy chế người đại diện quản lý vốn; Quy chế bán cổ phần tại các công ty con, công ty liên kết; Quy chế phân phối tiền lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Quy chế phân phối tiền lương cán bộ nhân viên cơ quan TCT.
- Thông qua phương án bán cổ phần của TCT tại: Công ty cổ phần xây dựng số 3; Công ty cổ phần xây dựng số 5; Vinaconex R&D; Công ty cổ phần xi măng Yên Bình; Công ty tài chính cổ phần VVF; Công ty cổ phần phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc.
- Phê duyệt thực hiện nghĩa vụ mua lại cổ phần của Techcombank AMC tại Nedi2.

- Thông qua quyết định tăng vốn điều lệ Công ty CP Vinaconex P&C.
- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Thượng Đình Thanh Xuân Bắc.
- Phê duyệt phương án đầu tư phân kỳ 1 và kế hoạch vay vốn năm 2015 Dự án Khu CNC Hoà Lạc.
- Quyết định phê duyệt phương án mua cổ phần của Công ty CP bất động sản An Thịnh để đầu tư dự án 93 Láng Hạ.
- Quyết định phê duyệt hạn mức tín dụng

năm 2015.

- Các quyết định khác theo chức năng, thẩm quyền của HĐQT.

- Ban Kiểm soát đánh giá các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định của pháp luật và Tổng công ty.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

5. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2015, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và đã đạt được những kết quả sau:

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch: Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua, thể hiện ở các chỉ tiêu chính sau: Tổng doanh thu của Công ty Mẹ là 2.838 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế là 306 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tỷ lệ cổ tức (dự kiến) là 7% đạt kế hoạch đã được phê duyệt.
- Về hoạt động xây lắp:
 - Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt công tác đấu thầu để tìm kiếm các công trình mới: Trong năm 2015, tổng giá trị các công trình trúng thầu đạt 2.656,88 tỷ đồng, trong đó các hợp đồng có giá trị lớn là Hạ tầng chính khu CNC Hoà Lạc (1.245 tỷ đồng), Tòa án phúc thẩm TP.HCM (353 tỷ đồng), Cầu cạn và nút giao với Phố Nguyễn Văn Tạo – TP.HCM thuộc dự án Bến Lức – Long Thành (349,5 tỷ đồng)...
 - Doanh thu hoạt động xây lắp năm 2015 đạt 2.170 tỷ đồng; lợi nhuận gộp là

77,28 tỷ đồng.

- Ban điều hành đã chỉ đạo kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công công trình, nâng cao năng lực quản lý, điều hành các dự án đối với các Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án Tổng công ty và các đơn vị thành viên thông qua việc triển khai quy trình quản lý tập trung, trực tiếp các công trình nhận thầu xây lắp, qua đó hạn chế được rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Về hoạt động đầu tư:

- Dự án cải tạo khu chung cư cũ 93 Láng Hạ: hoàn tất thành công giao dịch mua bán chuyển nhượng cổ phần Công ty CP BĐS An Thịnh.
- Dự án Khu CNC Hoà Lạc: tích cực đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và triển khai đầu tư một phần hạ tầng.
- Công ty Mẹ đã thực hiện triển khai Dự án 97-99 Láng Hạ và thông qua người đại diện vốn hỗ trợ các công ty thành viên triển khai các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản: Vinata Tower (Vinata); CT4 (Vimeco); Khu văn phòng và nhà ở Minh Khai (Vinahud)...

- Hoạt động đầu tư tài chính:
 - Ban điều hành đã triển khai và hoàn thành thoái vốn toàn bộ tại 07 Công ty có vốn góp của Tổng công ty (VVHA, R&D, VC15, VC3, VC5, Xi măng Yên Bình, Điện miền Bắc 3); ký hợp đồng và nhận tiền đặt cọc đối với giao dịch thoái vốn tại Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex – Viettel (VVF).
 - Ban điều hành thông qua Người đại diện quản lý vốn tăng cường quản lý, điều hành giúp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết.
 - Ban điều hành chỉ đạo các Phòng, Ban Tổng công ty kiểm tra soát xét và trình Hội đồng quản trị thoả thuận tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết.
- Hoạt động tài chính: Công tác lập, kiểm toán và công bố báo cáo tài chính được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tích cực thu hồi công nợ từ chủ đầu tư giúp cho tình hình tài chính được ổn định, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Một số tồn tại, hạn chế của Ban điều hành: Công tác thu hồi nợ từ một số chủ đầu tư chưa tốt, còn có số dư lớn; việc phê duyệt quyết toán tại một số dự án đầu tư còn chậm.

6. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

6.1 Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam, là Công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập: Ý kiến của kiểm toán viên về BCTC 2015 là chấp nhận toàn bộ: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6.2 Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính năm 2015:

- Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn:
 - Số dư tại ngày 31/12/2015 là trên 1.036 tỷ đồng.
- Nợ phải thu khách hàng
 - Số dư nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2015 là 2.157 tỷ đồng (giảm 1.209 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2015). Trong đó, nợ phải thu Công ty liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh là 775,3 tỷ đồng; Ban quản lý dự án Thăng Long (ĐA đường Láng Hoà Lạc) là 227,4 tỷ đồng; Sở Xây dựng thành phố Hà Nội là 88,5 tỷ đồng; các khách hàng khác là 1.066 tỷ đồng.

- Số dư các khoản nợ xấu và nợ khó đòi (trên 3 năm) tại thời điểm 31/12/2015 là 297 tỷ đồng, Tổng công ty đã tiến hành trích lập dự phòng hết từ năm 2014 .
- *Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết*
 - Tại ngày 31/12/2015, Tổng công ty có 26 công ty con (01/01/2015: 30 công ty con), 9 công ty liên kết và 2 công ty liên doanh.
 - Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty thành viên	1.684.647	1.750.862
Công ty liên doanh, liên kết	1.680.189	1.602.048
Các đơn vị khác	203.328	324.229
Tổng cộng	3.568.164	3.677.139

- Trong năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn tại 6 công ty (Vinaconex R&D, VVHA, VC3, Xi măng Yên Bình, VC5, NEDI3) và thoái vốn một phần tại 2 công ty là Vinaconex 15 (đã bán 4,5 triệu cổ phần, còn 600.000 cổ phần) và tiếp tục thu hồi phần vốn đầu tư tại Quỹ đầu tư Việt Nam theo tiến độ hoàn trả vốn của Quỹ. Trong năm 2015, Tổng công ty đã ký hợp đồng đặt cọc với nhà đầu tư để bán toàn bộ cổ phần tại Công ty tài chính cổ phần VVF. Kết quả thoái vốn năm 2015: Tổng công ty thu được số tiền từ bán cổ phần và thu hồi nợ là 331 tỷ đồng; lợi nhuận đạt 107 tỷ đồng.
- Một số Công ty có kết quả kinh doanh lỗ, trích lập dự phòng lớn: Vinaconex Sài Gòn: 22.558 triệu đồng (trích lập tăng thêm 13.157 triệu đồng so với năm 2014), Liên doanh An Khánh: 294.398 triệu đồng (trích lập tăng thêm 167.542 triệu đồng so với năm 2014), Nhiệt điện Quảng Ninh: 26.244 triệu đồng (trích lập tăng thêm 21.052 triệu đồng so với năm 2014).
- *Nợ phải trả:*
 - Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 là 0,88 lần.
 - Số dư nợ vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 là **578,5 tỷ đồng**.
 - Số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31/12/2015 là **163,1 tỷ đồng**.

6.3 Nhận xét, đánh giá một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh toàn Tổng công ty (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)	TH 2015/2014 (%)
Doanh thu thuần	8.376.470	8.026.203	95,8%
Lợi nhuận trước thuế	432.575	602.968	139,4%
Lợi nhuận sau thuế	376.230	523.627	139,2%

Quy mô doanh thu năm 2015 giảm nhẹ so với năm 2014 là do Tổng công ty đã thoái vốn tại một số đơn vị thành viên. Tuy nhiên, các chỉ tiêu lợi nhuận đều tăng đáng kể so với năm 2014.

Kết quả hoạt động của các công ty thành viên

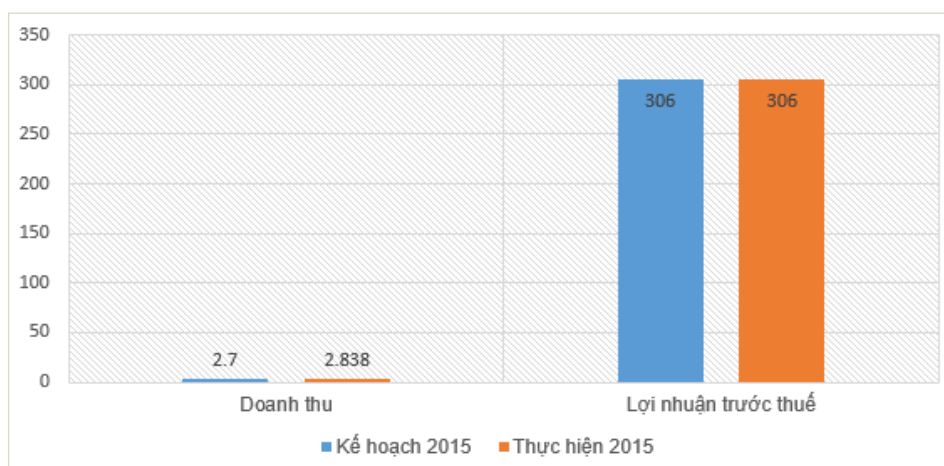
BCTC năm 2015 hợp nhất của 37 đơn vị bao gồm 26 đơn vị thành viên (21 đơn vị có kết quả lãi 466 tỷ đồng; 5 đơn vị có kết quả lỗ 62,7 tỷ đồng) và 11 đơn vị liên doanh- liên kết (4 đơn vị lỗ, làm giảm lợi nhuận hợp nhất 209,97 tỷ đồng).

7. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2015

7.1 Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2015 của Công ty Mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ % so với KH 2015
1.	Doanh thu	2.700	2.838	105%
2.	Lợi nhuận trước thuế	306	306	100%
3.	Tỷ lệ cổ tức	7%	7%	100%



Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2015 thông qua.

7.2 Về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán các BCTC của Tổng công ty

Tổng công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

7.3 Về phân phối lợi nhuận sau thuế và trả cổ tức năm 2014

Tổng công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

7.4 Về thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2014

Tổng công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2014 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan: Xem danh sách đính kèm

Giao dịch cổ phiếu: Không có

Các giao dịch khác:

Tổ chức giao dịch	SLCP trước giao dịch	Kết quả			SLCP sau giao dịch	Tỷ lệ
		Mua	Bán	Ngày thực hiện giao dịch		
Market Vectors ETF Trust – Market Vectors – Vietnam ETF	21,969,197	1,945,000		24/06/2015	23,914,197	5.41%
Market Vectors Vietnam ETF	23,276,997		3,605,000	21/09/2015	19,671,997	4.45%



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT



STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, tiền thưởng	Thù lao HĐQT, BKS	Tiền thù lao HĐQT, BKS tại các đơn vị thành viên	Tổng thu nhập	Thu nhập bình quân 1 tháng sau thuế	Ghi chú
I HĐQT, BKS chuyên trách (trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD)								
1	Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch HĐQT	873.007.945	75.000.000	12.000.000	960.007.945	63.856.123	Thôi tham gia HĐQT từ 01/7/2015
2	Vũ Quý Hà	Chủ tịch HĐQT	1.028.671.950	105.000.000	42.000.000	1.175.671.950	74.916.127	Giữ chức Chủ tịch HĐQT từ 01/7/2015
3	Đỗ Trọng Quỳnh	TV HĐQT - Tổng giám đốc	701.953.257	60.000.000	55.500.000	817.453.257	58.346.901	Thành viên HĐQT từ 01/07/2015 Giữ chức Tổng giám đốc TCT từ 20/10/2015
4	Đoàn Châu Phong	Thành viên HĐQT	775.996.605	60.000.000	24.000.000	859.996.605	58.707.092	
5	Nguyễn Đình Thiết	Thành viên HĐQT	775.996.605	60.000.000	30.000.000	865.996.605	59.032.092	
6	Đặng Thanh Huân	Trưởng Ban kiểm soát	680.725.928	60.000.000	30.000.000	770.725.928	53.598.640	
7	Phạm Chí Sơn	TV BKS - GD Ban ĐNPC	574.384.360	30.000.000	15.000.000	619.384.360	44.029.147	Thôi tham gia BKS từ 01/11/2015
II HĐQT, BKS không chuyên trách								
1	Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên HĐQT		120.000.000		120.000.000	9.000.000	Trả cho cá nhân
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		120.000.000		120.000.000	9.000.000	Trả cho Tập đoàn Viettel
3	Lê Đăng Dũng	Thành viên HĐQT		120.000.000		120.000.000	9.000.000	Trả cho Tập đoàn Viettel
4	Phạm Phú Trường	Thành viên BKS		60.000.000		60.000.000	4.500.000	Trả cho Tập đoàn Viettel
5	Hoàng Nguyên Học	Thành viên HĐQT		120.000.000		120.000.000	9.000.000	Trả cho Tổng Công ty SCIC
6	Đình Việt Tùng	Thành viên HĐQT		120.000.000		120.000.000	9.000.000	Trả cho Tổng Công ty SCIC
7	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên BKS		60.000.000		60.000.000	4.500.000	Trả cho Tổng Công ty SCIC
8	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS		60.000.000		60.000.000	4.500.000	Trả cho Tổng Công ty SCIC
TỔNG CỘNG				1.230.000.000				



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu
và Xây dựng Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 0103014768

ngày 1 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 23 tháng 10 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Quý Hà	Chủ tịch (từ ngày 20/10/2015)
	Ông Hoàng Nguyên Học	Chủ tịch (từ ngày 1/7/2015 đến ngày 19/10/2015)
	Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch (đến ngày 30/6/2015)
	Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Thành viên (từ ngày 1/7/2015)
	Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên (đến ngày 30/6/2015 và từ ngày 20/10/2015)
	Ông Lê Đăng Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
	Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
	Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên	
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên (đến ngày 19/10/2015)	
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2015)
	Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc (đến ngày 19/10/2015)
	Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thân Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19/10/2015)	
Trụ sở đăng ký	Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	


Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Đ. Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-03-2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-03-2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến các vấn đề sau:

- Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh 40 về các khoản tiềm ẩn. Theo đó, Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 2 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này làm phát sinh các khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo tài chính riêng đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

- Chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh 41 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trước các điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được trình bày tại Thuyết minh 41 của báo cáo tài chính riêng) được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với một số vấn đề cần nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính riêng này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG



Báo cáo kiểm toán số: 15-02-194-1

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-03-2016

Lại Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2040-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.968.982.064.897	4.883.214.691.568
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	506.246.830.002	341.214.776.921
Tiền	111		406.246.830.002	221.214.776.921
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	120.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		380.000.000.000	80.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	380.000.000.000	80.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.641.227.291.812	4.011.974.472.748
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.157.341.043.151	3.366.155.277.828
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		550.363.085.881	369.638.558.762
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	317.638.543.668	334.897.236.735
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	907.671.376.669	252.314.458.870
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(291.786.757.557)	(311.031.059.447)
Hàng tồn kho	140	12	276.364.820.630	274.706.997.258
Hàng tồn kho	141		278.894.629.874	277.236.806.502
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
Tài sản ngắn hạn khác	150		165.143.122.453	174.418.444.641
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.939.249.672	6.000.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	9.439.758.542
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(a)	10.195.749.187	18.300.870.224
Tài sản ngắn hạn khác	155		152.008.123.594	146.671.815.875

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.592.011.031.472	5.988.777.543.176
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.082.597.585.858	2.396.528.046.012
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	2.082.597.585.858	2.396.528.046.012
Tài sản cố định	220		132.324.677.548	144.725.538.406
Tài sản cố định hữu hình	221	13	120.145.586.660	132.528.947.518
<i>Nguyên giá</i>	222		249.610.733.609	250.499.907.800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(129.465.146.949)	(117.970.960.282)
Tài sản cố định vô hình	227	14	12.179.090.888	12.196.590.888
<i>Nguyên giá</i>	228		12.269.952.000	12.269.952.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(90.861.112)	(73.361.112)
Bất động sản đầu tư	230	15	526.561.111.413	562.636.267.952
<i>Nguyên giá</i>	231		737.822.459.066	739.900.815.787
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(211.261.347.653)	(177.264.547.835)
Tài sản dở dang dài hạn	240		125.991.560.168	126.314.677.605
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	125.991.560.168	126.314.677.605
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.722.067.839.242	2.756.586.499.911
Đầu tư vào công ty con	251	7(b)	1.684.647.557.755	1.750.861.734.742
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	7(b)	1.680.189.386.278	1.602.047.783.306
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	203.327.999.725	324.229.630.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(b)	(996.097.104.516)	(920.552.648.737)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	150.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.468.257.243	1.986.513.290
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	2.468.257.243	1.986.513.290
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.560.993.096.369	10.871.992.234.744

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

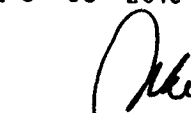
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.816.465.823.471	5.156.039.607.843
Nợ ngắn hạn	310		4.324.638.577.727	4.537.105.923.495
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.765.532.742.929	1.855.216.378.573
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		476.537.925.696	312.071.488.510
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	19.115.409.805	4.520.402.474
Phải trả người lao động	314		16.535.098.879	16.780.585.984
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20(a)	475.595.337.835	143.534.349.932
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21(a)	31.055.121.523	47.530.061.177
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	954.158.254.225	706.172.503.344
Vay ngắn hạn	320	23(a)	578.510.575.992	1.445.612.984.570
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	7.598.110.843	5.667.168.931
Nợ dài hạn	330		491.827.245.744	618.933.684.348
Chi phí phải trả dài hạn	333	20(b)	14.620.136.000	14.620.136.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21(b)	164.319.348.779	164.823.232.256
Vay dài hạn	338	23(b)	163.122.586.326	278.337.929.511
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	149.765.174.639	161.152.386.581
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.744.527.272.898	5.715.952.626.901
Vốn chủ sở hữu	410	26	5.489.227.628.664	5.462.657.768.389
Vốn cổ phần	411	27	4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		355.104.902.000	355.104.902.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418	29	359.317.561.144	359.317.561.144
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		357.698.435.520	331.128.575.245
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53.633.557.674	6.225.997.171
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		304.064.877.846	324.902.578.074
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	26	255.299.644.234	253.294.858.512
Nguồn kinh phí	431		255.299.644.234	253.294.858.512
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		10.560.993.096.369	10.871.992.234.744

Người lập:



Nguyễn Lê Thu Hiền
Kế toán

25 -03- 2016



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng



Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	2.423.653.522.067	3.225.630.371.278
Giá vốn hàng bán	11	32	2.245.757.700.738	3.059.345.279.856
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		177.895.821.329	166.285.091.422
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	410.734.100.686	266.302.594.118
Chi phí tài chính	22	34	214.506.003.820	25.871.128.291
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.629.940.147	28.527.390.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	71.964.950.775	154.254.497.416
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		302.158.967.420	252.462.059.833
Thu nhập khác	31		4.133.964.581	72.761.536.237
Chi phí khác	32		381.531.155	321.017.996
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.752.433.426	72.440.518.241
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		305.911.400.846	324.902.578.074
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	1.846.523.000	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		304.064.877.846	324.902.578.074

25-03-2016

Người lập:



Nguyễn Lê Thu Hiền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		305.911.400.846	324.902.578.074
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.334.317.244	52.035.806.423
Các khoản dự phòng	03		162.241.360.579	7.890.173.738
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.925.609.166	(28.724.204.346)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(273.092.533.772)	(214.100.818.686)
Chi phí lãi vay	06		22.629.940.147	28.527.390.410
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		283.950.094.210	170.530.925.613
Biến động các khoản phải thu	09		(654.904.386.827)	(297.176.281.393)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.657.823.372)	806.142.184.574
Biến động các khoản phải trả	11		659.499.485.223	(225.942.856.462)
Biến động chi phí trả trước	12		(3.414.993.625)	192.810.697
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	(40.961.802.000)
			283.472.375.609	412.784.981.029
Tiền lãi vay đã trả	14		(29.008.854.501)	(5.987.108.838)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.774.829.555)	(7.300.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.341.171.951	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(22.261.270.030)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		232.768.593.474	399.497.872.191

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

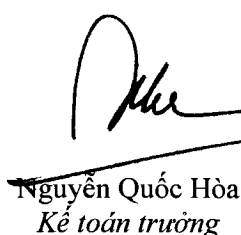
	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.794.067.283)	(1.515.694.715)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		121.681.818	121.798.800
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(555.587.903.792)	(317.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		398.201.878.434	255.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(240.498.832.722)	(171.700.359.420)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		335.192.997.500	49.757.703.026
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		159.784.758.125	105.218.174.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		94.420.512.080	(80.118.378.108)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		762.269.873.302	537.907.052.125
Tiền trả nợ gốc vay	34		(659.611.089.975)	(858.156.109.452)
Tiền trả cổ tức	36		(264.815.835.800)	(175.620.614.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(162.157.052.473)	(495.869.672.247)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		165.032.053.081	(176.490.178.164)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6	341.214.776.921	517.704.955.085
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	506.246.830.002	341.214.776.921

Người lập:

25 -03- 2016




Nguyễn Lê Thu Hiền
Kế toán



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm hợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các loại hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 12 đơn vị phụ thuộc (1/1/2015: 13 đơn vị phụ thuộc) như sau:

- Ban Quản lý các Dự án đầu tư Hòa Lạc;
- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng Hòa Lạc;
- Ban Điều hành Tổ hợp Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah;
- Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt;
- Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa;
- Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ;
- Trường Mầm non Dân lập Vinaconex;
- Trường Mầm non Dân lập Lý Thái Tổ 2;
- Trường Tiểu học Dân lập Lý Thái Tổ;
- Trường Trung học Dân lập Lý Thái Tổ;
- Ban Điều hành thi công giai đoạn 1 dự án Khu đô thị Bắc An Khánh; và
- Ban Điều hành Dự án xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 26 công ty con, 9 công ty liên kết, 2 công ty liên doanh và 12 đơn vị đầu tư góp vốn khác (1/1/2015: 30 công ty con, 9 công ty liên kết, 2 công ty liên doanh và 13 đơn vị đầu tư góp vốn khác) (Thuyết minh 7(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 749 nhân viên (1/1/2015: 775 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tổng Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, nếu có, được trình bày trong Thuyết minh 4(a) - Các giao dịch bằng ngoại tệ.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính riêng được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (vay và phải trả): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ tài sản khác	2 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	25 năm
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 47 năm

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Tổng Công ty đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Mua và thanh lý các công ty con và công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty có phát sinh một số giao dịch mua và thoái vốn sau:

- Ngày 24 tháng 7 năm 2015, Tổng Công ty hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng toàn bộ 4.080.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Bất động sản An Phát.
- Ngày 30 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng toàn bộ 2.550.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 cho Ông Ngô Hải An và một số cá nhân khác.
- Ngày 16 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ 12.750 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới cho Ông Hoàng Hữu Phê.
- Ngày 28 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty chuyển nhượng 4.500.000 cổ phần mà Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15 từ một công ty con trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty mua 5.272.650 cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh từ Công ty Cổ phần An Xuân và các cổ đông các nhân, Tổng Công ty chiếm giữ 99,99% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh.
- Ngày 30 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ 25.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 3 cho Ông Dư Cao Minh.
- Ngày 19 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ 6.656.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc và Ông Mã Đề Thuận.
- Ngày 9 tháng 02 năm 2015, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ 9.250.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoa Hương Dương.
- Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam đã hoàn một phần khoản tiền đầu tư của Tổng Công ty là 32.400 triệu VND.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các khoản thanh lý các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Giá thanh lý VND	Giá gốc VND	Sử dụng dự phòng VND	Lãi/(lỗ) VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3	142.800.000.000	72.323.619.331	-	70.476.380.669
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	13.158.000.000	33.026.714.843	(12.688.732.519)	(7.179.982.324)
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15	4.950.000.000	48.737.768.438	(48.737.768.438)	4.950.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	6.820.357.500	1.424.940.000	-	5.395.417.500
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	22.064.640.000	66.559.995.000	(44.514.705.733)	19.350.733
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 3	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel	111.000.000.000	92.500.000.000	-	18.500.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam	32.400.000.000	32.400.000.000	-	-
	335.692.997.500	349.473.037.612	(105.941.206.690)	92.161.166.578

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.489.541.574	1.350.399.490
Tiền gửi ngân hàng	403.757.288.428	219.864.377.431
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	120.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	506.246.830.002	341.214.776.921
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	380.000.000.000	380.000.000.000	80.900.000.000	80.900.000.000
	<hr/>		<hr/>	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	150.000.000.000	(*)	-	-
	<hr/>		<hr/>	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015			1/1/2015					
	Địa chỉ	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
Đầu tư góp vốn vào công ty con									
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	Hà Nội	55,14	55,14	63.629.128.791	-	55,14	55,14	63.629.128.791	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2	Hà Nội	51,23	51,23	95.559.621.809	-	51,23	51,23	95.559.621.809	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3	Hà Nội	-	-	-	-	51,00	51,00	72.323.619.331	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4	Hà Nội	100,00	100,00	3.500.000.000	3.500.000.000	100,00	100,00	3.500.000.000	3.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	Thanh Hóa	-	-	-	-	51,00	51,00	33.026.714.843	12.688.732.519
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 (*)	Hà Nội	36,00	36,00	36.999.031.017	-	36,00	36,00	36.999.031.017	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9	Hà Nội	54,33	54,33	84.072.109.967	-	54,33	54,33	84.072.109.967	-
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	Đà Nẵng	73,59	73,59	8.313.000.000	8.313.000.000	73,59	73,59	8.313.000.000	8.313.000.000
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	Hà Nội	52,60	52,60	34.338.162.683	-	52,60	52,60	34.338.162.683	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15	Hải Phòng	-	-	-	-	51,00	51,00	55.236.137.563	55.236.137.563
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	Nghệ An	51,93	51,93	8.565.440.415	1.224.802.688	51,93	51,93	8.565.440.415	5.971.539.316
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17	Khanh Hòa	82,16	82,16	14.402.806.485	-	82,16	82,16	14.402.806.485	-
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 25	Quảng Nam	51,00	51,00	35.109.154.062	-	51,00	51,00	35.109.154.062	-
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 27	Đồng Tháp	57,33	79,74	10.199.770.000	3.032.446.930	57,33	79,74	10.199.770.000	10.199.770.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	Lào Cai	76,33	78,35	317.000.007.633	-	76,33	78,35	317.000.007.633	-
▪ Công ty Cổ phần VIMECO	Hà Nội	51,40	51,40	74.742.411.830	-	51,40	51,40	74.742.411.830	-
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	76,25	77,15	51.589.090.505	22.557.783.134	76,25	77,15	51.589.090.505	9.401.353.550
▪ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	Hà Nội	51,00	51,00	6.799.399.132	5.386.003.461	51,00	51,00	6.799.399.132	3.946.475.083
▪ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	Hà Nội	-	-	-	-	42,50	42,50	1.424.940.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2015		1/1/2015	
	% sở hữu trực tiếp biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu trực tiếp biểu quyết	Giá gốc VND
Địa chỉ				
		Dự phòng VND		Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	56,90	6.160.000.000	56,90	6.160.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	75,00	4.770.541.550	75,00	4.770.541.550
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	51,00	42.880.769.436	51,00	42.880.769.436
▪ Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	51,00	8.440.856.790	52,33	8.440.856.790
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	53,56	192.800.000.000	53,56	192.800.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	70,00	49.000.000.000	70,00	49.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Vipaco (**)	-	-	21,25	5.312.500.000
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	55,00	110.000.000.000	55,00	110.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51,00	255.000.000.000	51,00	255.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quát	95,51	47.000.000.000	95,51	47.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	59,12	22.666.520.900	59,12	22.666.520.900
▪ Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh	99,99	101.109.734.750	-	-
		1.684.647.557.755		1.750.861.734.742
		122.199.928.077		194.827.856.510

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2015		1/1/2015		Dự phòng VND	Dự phòng VND
	Địa chỉ	% sở hữu trực tiếp biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu trực tiếp biểu quyết		
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	29,19	110.915.000.000	29,19	110.915.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53	13.260.000.000	44,20	13.260.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Hà Nội	36,00	34.788.609.112	36,00	34.788.609.112	-
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Quảng Ninh	30,00	600.000.000.000	30,00	600.000.000.000	495.572.737.460
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 Hải Dương	Hải Dương	40,48	40.833.913.053	40,48	40.833.913.053	38.028.913.053
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (***)	Hà Nội	39,00	330.000.000.000	39,00	330.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Ông sọt Thủy tinh Vinaconex	Hà Nội	10,36	3.200.000.000	10,00	3.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	-	-	30,53	66.559.995.000	44.514.705.733
▪ Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Bắc Ninh	21,00	87.430.493.000	21,00	42.111.081.600	-
▪ Công ty Cổ phần Vipaco (**)	Hà Nội	21,25	5.312.500.000	21,25	-	-
			1.225.740.515.165		1.241.668.598.765	578.116.356.246
			531.143.475.101			

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015		1/1/2015		Dự phòng VND				
	Địa chỉ	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND		% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh									
▪ Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	Hà Nội	50,00	50,00	340.269.000.000	294.397.708.557	50,00	50,00	340.269.000.000	126.856.366.702
▪ Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei	Hà Nội	29,00	29,00	114.179.871.113	-	29,00	29,00	20.110.184.541	-
				454.448.871.113	294.397.708.557			360.379.184.541	126.856.366.702
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 3	Hà Nội	-	-	-	-	3,21	3,21	2.500.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex	Khánh Hòa	5,00	5,00	100.000.000	-	5,00	5,00	100.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Khai thác Đá Yên Bình	Yên Bái	19,72	19,72	350.000.000	-	19,72	19,72	350.000.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Hà Nội	1,08	1,08	40.000.000.000	-	1,08	1,08	40.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đà Nẵng	6,54	6,54	24.000.000.000	-	6,54	6,54	24.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	1,12	1,12	52.761.753.930	26.244.040.514	1,12	1,12	52.761.753.930	5.192.960.887
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc	Tp. Hồ Chí Minh	2,50	2,50	12.500.000.000	-	2,50	2,50	12.500.000.000	-
▪ Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam	Hà Nội	4,90	4,90	28.800.000.000	-	4,90	4,90	61.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	Đà Nẵng	19,00	19,00	9.500.000.000	9.500.000.000	19,00	19,00	9.500.000.000	7.776.456.005
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	Hà Nội	2,13	2,13	362.205.882	-	2,13	2,13	362.205.882	-

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Địa chỉ	31/12/2015		1/1/2015	
	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	5,73	5,73	3.450.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel	-	-	-	-
▪ Công ty TNHH VINA SANWA	12,37	12,37	25.005.670.788	6.113.583.142
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15	6,18	6,18	6.498.369.125	6.498.369.125
			203.327.999.725	48.355.992.781
			3.568.164.943.758	996.097.104.516

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 thấp hơn 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vipaco (“Vipaco”) là 53,13%, bao gồm 21,25% quyền biểu quyết trực tiếp và 31,88% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (“Vinaconex R&D”), một công ty con của Tổng Công ty. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thoái vốn khỏi Vinaconex R&D (Thuyết minh 5). Theo đó, quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Vipaco giảm từ 53,13% xuống còn 21,25%. Khoản đầu tư vào Vipaco được phân loại lại trong ứng từ đầu tư vào công ty con sang đầu tư vào công ty liên kết.

(***) Báo cáo tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có số dư tiền gửi tại một công ty tài chính với số tiền là 79 tỷ VND và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn trên một năm nhưng chưa trích lập dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Điều 24.4 – Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”), đối với một số khoản nợ phát sinh trước ngày hiệu lực của Thông tư 02 (ngày 1 tháng 6 năm 2013), tổ chức tín dụng phải báo cáo NHNN về tình hình tài sản, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, khả năng, kế hoạch trích lập và sử dụng dự phòng và thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ này theo hướng dẫn của NHNN đối với từng trường hợp cụ thể.

Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel đã gửi Công văn số 126/2014/CV/VVF-KSRR&TDDL ngày 7 tháng 5 năm 2014 và Công văn số 149/2014/CV/VVF-KSRR&TDDL ngày 28 tháng 5 năm 2014 tới NHNN xin hướng dẫn đối với hai khoản cụ thể nói trên. Ngày 19 tháng 6 năm 2014, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đã có Công văn số 457/TTGSNH trả lời, trong đó đề nghị Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel khẩn trương hoàn thiện phương án tái cơ cấu và NHNN sẽ xem xét xử lý kiến nghị của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel trong tổng thể phương án tái cơ cấu đến năm 2015 của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel. Theo hướng dẫn này của NHNN, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel đã gửi dự thảo phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên lên NHNN.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng đính kèm, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel vẫn đang trong quá trình hoàn thiện phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên theo yêu cầu của NHNN để đề nghị NHNN phê duyệt. Do chưa có hướng dẫn cụ thể từ NHNN, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel chưa tiến hành trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng số cổ phần mà Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel cho một bên thứ ba, với giá chuyển nhượng cao hơn mệnh giá mà Tổng Công ty đang nắm giữ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Tổng Công ty không cần trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì (i) đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong năm số lượng giao dịch cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và (ii) các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	775.363.392.172	718.611.719.511
Ban Quản lý Dự án Thăng Long	227.437.934.106	147.091.159.281
Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội	88.529.271.639	1.601.116.179.639
Các khách hàng khác	1.066.010.445.234	899.336.219.397
	2.157.341.043.151	3.366.155.277.828

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4	156.415.955	71.660.236.333
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9	74.784.875.717	90.213.939.148
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	-	5.013.211.755
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	6.029.733.142	29.098.563.776
Công ty Cổ phần VIMECO	4.493.525.229	34.276.251.689
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	43.056.764.764	27.322.530.243
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	1.232.031.862	11.652.362.967
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	40.034.026.018	37.005.890.645
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	4.301.869.243	4.232.834.668
Các bên liên quan khác	1.284.728.399	5.445.795.393
	175.373.970.329	315.921.616.617

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4	19.703.039.690	19.703.039.690
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	15.974.288.652	16.402.623.366
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17	1.133.000.000	1.133.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	19.066.036.193	19.066.036.193
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	17.305.476.634	17.305.476.634
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	8.183.959.648	8.683.959.648
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt Minh Khai	6.477.529.000	6.477.529.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex	5.057.768.353	5.057.768.353
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	8.372.107.689	8.372.107.689
Công ty Vikowa Liên doanh	2.244.393.380	2.244.393.380
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaconex 45	4.405.333.041	4.405.333.041
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	20.586.039.869	-
Cho các bên khác vay	429.371.423	644.062.507
	<hr/>	<hr/>
	146.938.343.572	127.495.329.501
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	170.700.200.096	207.401.907.234
	<hr/>	<hr/>
	317.638.543.668	334.897.236.735

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	76.505.018.606	148.914.390.905
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	156.292.767.404	185.989.264.078
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	2.020.499.999.944	2.034.595.655.528
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	234.430.642.735
	<hr/>	<hr/>
	2.253.297.785.954	2.603.929.953.246
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(170.700.200.096)	(207.401.907.234)
	<hr/>	<hr/>
	2.082.597.585.858	2.396.528.046.012

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu về cổ tức	26.114.900.000	27.705.000.000
Phải thu về lãi vay (a)	162.786.466.918	138.912.554.794
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long - Tiền đất dự án HH (b)	675.355.168.502	-
Phải thu khác	43.414.841.249	85.696.904.076
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	907.671.376.669	252.314.458.870

(a) Bao gồm trong phải thu về lãi vay có phải thu về lãi vay từ bên liên quan như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4	71.503.820.378	71.503.820.378
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	6.726.575.657	6.312.360.886
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	2.929.216.882	2.929.216.882
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	3.141.337.000	3.141.337.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	17.818.280.911	15.292.602.343
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	10.420.331.105	10.420.331.105
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	6.837.954.712	956.623.055
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	5.146.182.015	4.316.471.259
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	25.432.681.795	2.712.794.113
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	10.131.952.294	3.252.984.478
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	160.088.332.749	120.838.541.499

Khoản phải thu về lãi vay từ các bên liên quan không có đảm bảo và có thời hạn thu hồi theo điều khoản vay của từng kế ước.

(b) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (“OTL”), Tổng Công ty giao cho OTL lô đất HH để thực hiện đầu tư xây dựng Dự án StarCity Center trên lô đất này tại Khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng, Hà Nội. Theo Quyết định số 5524/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của UBND thành phố Hà Nội, giá trị quyền sử dụng đất lô đất HH được xác định là 1.175 tỷ VND. Sau khi Tổng Công ty giao lô đất này cho OTL, một phần giá trị quyền sử dụng đất đã được bù trừ với số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 mà Tổng Công ty phải trả cho OTL là 500 tỷ VND (Thuyết minh 22). Tổng Công ty ghi nhận khoản chênh lệch 675 tỷ VND là phải thu OTL tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Sau ngày kết thúc niên độ, khoản phải thu này đã được bù trừ với số dư Tổng Công ty phải trả Nhà nước tiền thuế đất dự án HH (Thuyết minh 22) do OTL đã thay mặt Tổng Công ty thanh toán tiền thuế đất cho Nhà nước.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2015		1/1/2015					
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4	Trên 3 năm	91.363.276.023	91.363.276.023	-	Trên 3 năm	91.363.276.023	91.363.276.023	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Trên 2 năm	42.962.526.812	42.530.055.788	432.471.024	Trên 2 năm	42.122.463.783	41.907.862.600	214.601.183
Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	Trên 3 năm	37.779.947.652	37.005.890.645	774.057.007	Trên 3 năm	37.005.890.645	37.005.890.645	-
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	-	-	-	Trên 2 năm	38.856.467.674	19.428.233.837	19.428.233.837
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	Trên 3 năm	29.657.362.967	29.652.362.967	5.000.000	Trên 3 năm	29.657.362.967	29.652.362.967	5.000.000
Khác	Trên 3 năm	95.405.313.651	91.235.172.134	4.170.141.517	Trên 3 năm	101.408.347.269	91.673.433.375	9.734.913.894
		297.168.427.105	291.786.757.557	5.381.669.548		340.413.808.361	311.031.059.447	29.382.748.914

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi --
 ngắn hạn

291.786.757.557

311.031.059.447

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	278.894.629.874	(2.529.809.244)	277.236.806.502	(2.529.809.244)

Các dự án xây dựng dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2	14.423.093.391	14.423.093.391
Khu tái định cư Nam Trung Yên	-	23.855.198.441
Dự án Bảo tàng Hà Nội (*)	80.345.134.224	21.434.829.733
Các dự án tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	13.415.132.875	13.047.569.250
Nhà Club House – Sân golf Yên Thắng tại Ninh Bình	1.712.654.882	-
Dự án Khu nhà ở Kim Chung	222.877.273	35.191.955.361
Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	60.963.716.066	73.990.625.846
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	13.655.476.800	20.235.427.676
Các dự án khác	94.156.544.363	75.058.106.804
	278.894.629.874	277.236.806.502

(*) Dự án Bảo tàng Hà Nội thể hiện khoản chi phí chưa được nghiệm thu và quyết toán bởi chủ đầu tư dự án.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 2.530 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1/1/2015: 2.530 triệu VND) được lập dự phòng 100%.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	205.533.411.416	-	14.644.438.386	24.247.245.741	6.074.812.257	250.499.907.800
Tăng trong năm	-	-	1.348.766.402	755.541.818	217.000.000	2.321.308.220
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	795.876.500	-	-	795.876.500
Thanh lý	-	-	(2.407.339.479)	-	(451.025.000)	(2.858.364.479)
Xóa sổ	(201.861.045)	-	(42.694.545)	-	-	(244.555.590)
Phân loại lại	444.992.180	8.762.696.919	(6.900.997.380)	(976.114.253)	(1.330.577.466)	-
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	-	(603.884.236)	-	-	(299.554.606)	(903.438.842)
Số dư cuối năm	205.776.542.551	8.158.812.683	7.438.049.884	24.026.673.306	4.210.655.185	249.610.733.609
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	76.097.348.439	-	13.771.306.272	22.091.953.106	6.010.352.465	117.970.960.282
Khấu hao trong năm	12.909.079.530	-	764.713.137	1.761.695.825	65.057.086	15.500.545.578
Thanh lý	-	-	(2.407.339.479)	-	(451.025.000)	(2.858.364.479)
Xóa sổ	(201.861.045)	-	(42.694.545)	-	-	(244.555.590)
Phân loại lại	527.929.574	7.463.958.854	(5.218.356.952)	(1.446.534.812)	(1.326.996.664)	-
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	-	(603.884.236)	-	-	(299.554.606)	(903.438.842)
Số dư cuối năm	89.332.496.498	6.860.074.618	6.867.628.433	22.407.114.119	3.997.833.281	129.465.146.949
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	129.436.062.977	-	873.132.114	2.155.292.635	64.459.792	132.528.947.518
Số dư cuối năm	116.444.046.053	1.298.738.065	570.421.451	1.619.559.187	212.821.904	120.145.586.660

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 36.713 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 32.731 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	12.163.952.000	106.000.000	12.269.952.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	73.361.112	73.361.112
Khấu hao trong năm	-	17.500.000	17.500.000
Số dư cuối năm	-	90.861.112	90.861.112
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	12.163.952.000	32.638.888	12.196.590.888
Số dư cuối năm	12.163.952.000	15.138.888	12.179.090.888

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.627.543.200	730.273.272.587	739.900.815.787
Thanh lý	-	(2.078.356.721)	(2.078.356.721)
Số dư cuối năm	9.627.543.200	728.194.915.866	737.822.459.066
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.086.817.001	174.177.730.834	177.264.547.835
Khấu hao trong năm	385.101.728	34.431.169.938	34.816.271.666
Thanh lý	-	(819.471.848)	(819.471.848)
Số dư cuối năm	3.471.918.729	207.789.428.924	211.261.347.653
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	6.540.726.199	556.095.541.753	562.636.267.952
Số dư cuối năm	6.155.624.471	520.405.486.942	526.561.111.413

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là phần diện tích cho thuê tại các tòa nhà H2 Láng Hạ, các tòa nhà khu Trung Hòa – Nhân Chính, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, một phần diện tích tầng hầm khu N05 tại đường Hoàng Đạo Thúy, Hà Nội, và tòa nhà 47 Điện Biên Phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	126.314.677.605	193.612.854.007
Tăng trong năm	472.759.063	13.561.065.825
Giảm trong năm	-	(6.868.616.381)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(795.876.500)	-
Phân loại lại sang hàng tồn kho	-	(73.990.625.846)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	125.991.560.168	126.314.677.605

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	74.242.885.078	74.122.885.078
Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội – giai đoạn 2	26.834.114.731	26.834.114.731
Khu đất tại Tân Thành	17.024.294.754	17.024.294.754
Các dự án khác	7.890.265.605	8.333.383.042
	<hr/>	<hr/>
	125.991.560.168	126.314.677.605

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.030.559.377	955.953.913	1.986.513.290
Tăng trong năm	1.083.134.100	1.318.432.408	2.401.566.508
Phân bổ trong năm	(1.100.637.852)	(819.184.703)	(1.919.822.555)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.013.055.625	1.455.201.618	2.468.257.243

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các nhà thầu dự án Khu đô thị An Khánh	553.749.743.439	553.749.743.439	614.654.902.355	614.654.902.355
Các nhà thầu dự án mở rộng đường Láng Hòa Lạc	254.411.163.020	254.411.163.020	269.168.583.372	269.168.583.372
Các nhà thầu dự án Bảo tàng Hà Nội	174.565.161.869	174.565.161.869	161.462.061.103	161.462.061.103
Công ty Vinaconex E&C	128.859.123.723	128.859.123.723	212.404.965.005	212.404.965.005
Các nhà thầu khác	653.947.550.878	653.947.550.878	597.525.866.738	597.525.866.738
	1.765.532.742.929	1.765.532.742.929	1.855.216.378.573	1.855.216.378.573

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	27.103.082.816	27.103.082.816	75.027.232.164	75.027.232.164
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2	31.397.794.288	31.397.794.288	100.865.133.249	100.865.133.249
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	26.146.459.224	26.146.459.224	60.077.615.356	60.077.615.356
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9	13.347.341.017	13.347.341.017	248.550.144.922	248.550.144.922
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	19.583.130.886	19.583.130.886	3.352.044.742	3.352.044.742
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	42.828.924.317	42.828.924.317	61.318.805.342	61.318.805.342
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	-	-	34.982.701.202	34.982.701.202
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	99.348.796.144	99.348.796.144	88.377.310.386	88.377.310.386
Công ty Cổ phần VIMECO	51.508.597.147	51.508.597.147	119.706.461.644	119.706.461.644
Các bên liên quan khác	7.561.541.813	7.561.541.813	36.412.249.028	36.412.249.028
	318.825.667.652	318.825.667.652	828.669.698.035	828.669.698.035

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.352.869.198	3.928.084.500	11.474.768.921	9.414.448.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	948.001.026	-	558.436.616	781.301.096
	18.300.870.224	3.928.084.500	12.033.205.537	10.195.749.187

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.758.711.225	35.798.209.269	20.996.179.451	18.560.741.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.846.523.000	1.774.829.555	71.693.445
Thuế thu nhập cá nhân	761.691.249	5.844.267.749	6.122.983.681	482.975.317
	4.520.402.474	43.489.000.018	28.893.992.687	19.115.409.805

20. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	463.866.723.267	132.436.010.704
Chi phí lãi vay phải trả	4.351.250.058	4.893.188.734
Các chi phí phải trả khác	7.377.364.510	6.205.150.494
	475.595.337.835	143.534.349.932

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất	14.620.136.000	14.620.136.000

21. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	9.343.903.942	10.715.239.606
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	21.711.217.581	36.814.821.571
	31.055.121.523	47.530.061.177

(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	186.030.566.360	201.638.053.827
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(21.711.217.581)	(36.814.821.571)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	164.319.348.779	164.823.232.256

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm tiền thuê đất và văn phòng mà Tổng Công ty nhận trước từ các bên đi thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long – Tiền đất dự án HH (Thuyết minh số 10(b))	-	500.000.000.000
Phải trả Nhà nước tiền thuế đất dự án HH (Thuyết minh số 10(b))	737.934.729.072	-
Kinh phí bảo trì các tòa nhà N05 và Trung Hòa – Nhân Chính (i)	89.421.441.468	97.133.576.453
Phải trả Ngân sách phần chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.427.427.421	25.427.427.421
Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2 (ii)	14.929.682.289	14.929.682.289
Cổ tức phải trả	1.973.774.254	1.763.206.254
Lãi vay phải trả	-	5.836.975.678
Kinh phí công đoàn	446.193.575	178.272.821
Bảo hiểm xã hội	51.971.908	42.976.087
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	83.973.034.238	60.860.386.341
	<hr/>	<hr/>
	954.158.254.225	706.172.503.344

- (i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban Quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.
- (ii) Trong năm 2014 Tổng Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng Dự án Đầu tư xây dựng cầu Thủ Thiêm 2. Hiện tại Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục để phân khai số tiền phải trả lại các đơn vị tham gia góp vốn.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	1.322.568.482.349	1.322.568.482.349	762.269.873.302	(1.635.575.601.620)	449.262.754.031	449.262.754.031
	Vay dài hạn đến hạn trả (b)	123.044.502.221	123.044.502.221	126.817.100.258	(120.613.780.518)	129.247.821.961	129.247.821.961
		1.445.612.984.570	1.445.612.984.570	889.086.973.560	(1.756.189.382.138)	578.510.575.992	578.510.575.992

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Quý Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	VND	0%	-	1.062.629.560.570
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1	VND	6,5%	14.535.668.677	86.083.471.582
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Cầu Giấy	VND	6,5%	100.000.000.000	75.340.146.961
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	VND	6,8%	3.000.000.000	84.582.858.236
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	5,5% - 6,0%	239.263.158.273	13.472.445.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	VND	5,5%	92.003.927.081	-
Vay cá nhân	VND	0%	460.000.000	460.000.000
			449.262.754.031	1.322.568.482.349

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng doanh thu bán hàng từ phương án sản xuất kinh doanh và bằng các nguồn thu hợp pháp của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	292.370.408.287	401.382.431.732
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(129.247.821.961)	(123.044.502.221)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	163.122.586.326	278.337.929.511
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015	1/1/2015
				VND	VND
Ngân hàng BNP Paribas	USD	LIBOR 6 tháng + 1,85%	2010 - 2020	156.292.765.909	185.989.262.584
Ngân hàng Natexis	USD	LIBOR + 2,35%	2007 - 2017	76.505.019.719	101.966.366.518
Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	USD	3,78%	2009 - 2017	59.572.622.659	113.426.802.630
				<hr/>	<hr/>
				292.370.408.287	401.382.431.732
				<hr/>	<hr/>

Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Natexis và Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc được bảo lãnh bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.667.168.931	72.798.055
Trích lập trong năm	11.734.000.000	6.600.000.000
Sử dụng trong năm	(9.803.058.088)	(1.005.629.124)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.598.110.843	5.667.168.931
	<hr/>	<hr/>

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Bảo hành
	VND
Số dư đầu năm	161.152.386.581
Dự phòng sử dụng trong năm	(11.387.211.942)
	<hr/>
Số dư cuối năm	149.765.174.639
	<hr/>

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng bảo hành cho Dự án N05 được Tổng Công ty trích lập theo yêu cầu của Luật Nhà ở 2006. Thời gian bảo hành sẽ kết thúc vào năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	190.210.266.371	251.179.368.904	5.572.918.828.419
<i>Lợi nhuận thuần trong năm</i>							
– đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	316.628.558.032	-	316.628.558.032
<i>Điều chỉnh của Kiểm toán</i>							
Nhà nước (Thuyết minh 41)	-	-	-	-	8.274.020.042	-	8.274.020.042
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã</i>							
<i>điều chỉnh lại (Thuyết minh 41)</i>							
Chi lương thành viên HĐQT,	-	-	-	-	324.902.578.074	-	324.902.578.074
BKS không chuyên trách	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.600.000.000)	-	(6.600.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	(176.684.269.200)	-	(176.684.269.200)
Tăng khác	-	-	-	-	-	2.115.489.608	2.115.489.608
Số dư tại ngày 31/12/2014 – đã							
điều chỉnh theo Kiểm toán	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	331.128.575.245	253.294.858.512	5.715.952.626.901
Nhà nước							
<i>Số dư tại ngày 31/12/2014</i>							
– đã báo cáo trước đây	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	322.854.555.203	253.294.858.512	5.707.678.606.859
<i>Điều chỉnh của Kiểm toán</i>							
Nhà nước (Thuyết minh 41)	-	-	-	-	8.274.020.042	-	8.274.020.042
<i>Phân loại lại theo Thông tư 200</i>							
(Thuyết minh 41)	-	-	63.565.269.013	(63.565.269.013)	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015	4.417.106.730.000	355.104.902.000	359.317.561.144	-	331.128.575.245	253.294.858.512	5.715.952.626.901
– đã điều chỉnh lại							

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	4.417.106.730.000	355.104.902.000	359.317.561.144	-	331.128.575.245	253.294.858.512	5.715.952.626.901
- đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	304.064.877.846	-	304.064.877.846
Lợi nhuận thuần trong năm							
Chi lương thành viên HĐQT,							
BKS không chuyên trách					(1.071.000.000)		(1.071.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(11.734.000.000)		(11.734.000.000)
Có tức (Thuyết minh 28)					(265.026.403.800)		(265.026.403.800)
Tăng khác					336.386.229	2.004.785.722	2.341.171.951
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.417.106.730.000	355.104.902.000	359.317.561.144	-	357.698.435.520	255.299.644.234	5.744.527.272.898

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2015 và 1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	441.710.673	4.417.106.730.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

28. Cổ tức

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 265.026 triệu VND cho năm 2014 (2014: 176.684 triệu VND).

29. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	16.797.207.000	62.116.618.400

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu hoạt động xây lắp	2.130.834.248.459	2.948.639.661.196
▪ Doanh thu dịch vụ và doanh thu khác	292.819.273.608	276.990.710.082
	<hr/> 2.423.653.522.067	<hr/> 3.225.630.371.278

32. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hoạt động xây lắp	2.044.148.564.917	2.854.838.556.424
▪ Dịch vụ và khác	201.609.135.821	204.506.723.432
	<hr/> 2.245.757.700.738	<hr/> 3.059.345.279.856

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	79.784.565.241	93.111.429.545
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	94.371.798.169	-
Cổ tức được chia	102.284.005.008	107.206.219.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	112.961.912.683	43.410.670.433
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.331.819.585	22.574.275.140
	<hr/> 410.734.100.686	<hr/> 266.302.594.118

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	22.629.940.147	28.527.390.410
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	181.485.662.469	(26.056.575.585)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.210.631.591	8.784.803.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.617.754.331	14.172.033.205
Chi phí tài chính khác	2.562.015.282	443.476.748
	<hr/> 214.506.003.820	<hr/> 25.871.128.291 <hr/>

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	55.312.942.816	57.058.237.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.701.619.237	11.455.545.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.239.025.675	5.558.186.161
Thuế, phí và lệ phí	1.050.023.450	15.319.349.438
Chi phí đồ dùng văn phòng	528.842.888	436.352.390
Chi phí dự phòng	(19.244.301.890)	51.478.817.241
Chi phí nguyên vật liệu	154.372.728	628.291.669
Chi phí bằng tiền khác	18.222.425.871	12.319.717.725
	<hr/> 71.964.950.775	<hr/> 154.254.497.416 <hr/>

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	644.640.499	628.291.669
Chi phí nhân công	61.897.890.150	57.058.237.211
Chi phí khấu hao	50.334.317.244	52.035.806.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.145.012.683.830	2.305.597.213.718
Chi phí khác	10.777.000.878	12.319.717.725
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	305.911.400.846	324.902.578.074
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	67.300.508.186	71.478.567.176
Ưu đãi thuế	(760.411.008)	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động giáo dục	(2.026.390.206)	(1.678.666.339)
Thu nhập không bị tính thuế	(22.502.481.102)	(23.585.368.180)
Chi phí không được khấu trừ thuế	59.629.900	5.064.516
Lỗ tính thuế được sử dụng	(37.842.106.920)	(65.562.110.343)
Ảnh hưởng của thay đổi đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(11.197.696.118)	19.342.513.170
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	8.815.470.268	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.846.523.000	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
			Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	40.724.085.258	8.144.817.052	87.920.514.410	19.342.513.170
Lỗ tính thuế	298.729.917.869	59.745.983.574	443.582.229.520	97.588.090.494
	339.454.003.127	67.890.800.626	531.502.743.930	116.930.603.664

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm 2017. Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% (2014: 22%) trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động chính và 10% (2014: 10%) trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động giáo dục. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-	432.882.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9	34.337.145.439	85.247.602.117
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	114.914.287	25.569.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	-	13.936.457
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	590.451.114	-
Công ty Cổ phần VIMECO	4.857.482.566	1.242.571.520
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	415.401.137	599.740.957
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	-	15.367.909
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	1.133.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	10.653.200.189	-
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	1.539.567.502	7.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	6.614.710.262	59.612.131.645
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2	9.730.742.231	74.607.839.870
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	54.196.252.625	123.012.613.128
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7	41.651.076	20.917.256.413
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9	184.296.982.325	137.344.897.734
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	-	896.681.132
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	94.709.401.298	62.605.936.025
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	1.834.093.636	24.463.013.321
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17	266.777.129	3.225.199.366
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	155.353.276.162	139.188.389.069
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	-	11.952.915.001
Công ty Cổ phần VIMECO	192.966.391.418	166.079.470.103
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	11.237.562	23.201.837.820
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	263.995.107	11.205.578.489
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	43.299.091	(9.463.401.024)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	4.026.356.845	7.244.542.751
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	96.447.273	-

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch

	2015	2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	234.644.879	1.377.694.715
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	-	7.000.000
Thu nhập cổ tức		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	6.528.000.000	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2	7.377.736.800	6.148.114.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3	-	4.080.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7	1.440.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9	6.519.825.000	6.519.825.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	3.978.000.000	3.672.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17	1.113.825.208	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	6.120.000.000	5.508.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO	12.852.200.000	4.009.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	-	255.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	9.870.000.000	3.760.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	1.500.000.000	1.128.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	12.240.000.000	6.120.000.000
Thu nhập lãi vay		
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	(9.926.526)	665.501.703
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	-	3.141.337.000
Công ty Cổ phần VIMECO	312.540.381	311.819.274
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	-	3.141.337.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	7.932.492.313	-
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	31.231.719.497	-
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	6.497.184.349	10.280.056.123
Thu nhập từ bảo lãnh		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	10.586.636.888	18.748.307.859
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	130.900.000	674.568.222
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	2.354.350.662	3.139.231.195
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.785.462.118	2.043.180.150
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.809.068.182	1.020.154.425

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Sử dụng dự phòng đầu tư tài chính khi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	105.941.206.690	-
Phải thu về cho vay bù trừ với khoản vay	38.272.583.686	-
Phải thu về cho vay bù trừ với các khoản phải trả	1.202.594.893	-
Khoản vay bù trừ với các khoản phải thu	1.062.629.560.570	-

40. Các khoản tiềm ẩn

- Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, ngày 20 tháng 1 năm 2006, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Năm 2008, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ một số nội dung liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá. Kết luận của Thanh tra Chính phủ được Thủ tướng giao cho Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội báo cáo và đề xuất ý kiến.

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 2 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Tổng Công ty đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính. Đối với phần đất xây dựng tòa nhà chung cư cao tầng tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Tổng Công ty được miễn nộp tiền sử dụng đất do được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 71/2001/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về ưu đãi đầu tư xây dựng nhà ở để bán và cho thuê. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, các tòa nhà chung cư tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính đã được bán và thu tiền nên toàn bộ giá trị lợi thế về đất nói trên đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trước khi Tổng Công ty tiến hành cổ phần hóa, thay vì ghi tăng giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đối với tầng 1 các tòa nhà chung cư cao tầng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng đã thống nhất tăng thêm giá trị tài sản là các văn phòng tầng 1 khu chung cư cao tầng một khoản 99,7 tỷ VND, đồng thời ghi tăng vốn nhà nước tại Tổng Công ty một khoản tương ứng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý tài chính khi tiến hành cổ phần hóa Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex, một công ty con của Tổng Công ty. Vào tháng 3 năm 2005, khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, công ty con này có số lỗ lũy kế là 1.173 triệu VND. Tuy nhiên, đến thời điểm bàn giao vào tháng 11 năm 2006, công ty con này lỗ thêm 6.094 triệu VND, do đó Tổng Công ty phải bù thêm cho khoản lỗ này so với giá trị đã được xác định trước đó. Thanh tra Chính phủ cho rằng, giá trị của công ty con này đã được xác định tại thời điểm định giá, và các cổ đông phải trả tiền để xử lý khoản lỗ này. Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng, do khoản lỗ này phát sinh trước thời điểm bàn giao, việc Tổng Công ty bù lỗ là chính xác.
- Liên quan đến diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, theo Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, diện tích đất lưu không của các tòa nhà chung cư cao tầng tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phần thuộc diện tích đất được miễn nộp tiền sử dụng đất ở trên, cần phải được xem xét để tính toán tiền sử dụng đất. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đang giao cho các sở ban ngành liên quan xác định giá trị sử dụng đất đối với diện tích này và sẽ ra quyết định thu tiền sử dụng đất đối với phần đất này khi các sở ban ngành hoàn thành việc phê duyệt tính toán số liệu.
- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Tổng Công ty dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định. Thanh tra Chính phủ kiến nghị quyền góp vốn này là tài sản hình thành trước cổ phần hóa và do đó cần được ghi nhận vào giá trị của Tổng Công ty khi cổ phần hóa.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 2 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính, và có Công văn số 1858/BXD-DMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Công văn 1858”) trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Tổng Công ty dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên doanh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Tổng Công ty đang là doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư do Tỉnh Hà Tây cấp cho công ty liên doanh ngày 8 tháng 12 năm 2006, tại thời điểm đó Tổng Công ty đã là công ty cổ phần (từ ngày 1 tháng 12 năm 2006). Công văn 1858 đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định. Việc xác định thời điểm này sẽ ảnh hưởng đến phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính riêng đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, tại Trụ sở Tổng Công ty, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước Sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cục Cảnh sát Kinh tế và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

Các vấn đề nêu trên chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do có các yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này đến tài sản và nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

41. Số liệu so sánh

Tháng 10 năm 2015, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm 2014, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm 2014. Kết quả của Kiểm toán Nhà nước có một số thay đổi so với số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngoài ra, như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tổng Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh và phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2015			Đã phân loại lại theo Thông tư 200 VND
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	
Các khoản đầu tư ngắn hạn	116.970.655.528	-	116.970.655.528	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	-	-	-	80.900.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.136.986.193.046	25.736.098.170	3.162.722.291.216	3.366.155.277.828
Phải thu nội bộ – ngắn hạn	435.147.531.474	441.606.282	435.589.137.756	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	334.897.236.735
Phải thu ngắn hạn khác	243.596.627.885	388.261.048	243.984.888.933	252.314.458.870
Hàng tồn kho	223.427.854.704	(20.181.674.048)	203.246.180.656	277.236.806.502
Phải thu dài hạn nội bộ	119.781.143.413	-	119.781.143.413	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	2.396.528.046.012
Phải thu dài hạn khác	353.221.902.599	-	353.221.902.599	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	200.305.303.451	-	200.305.303.451	126.314.677.605
Đầu tư dài hạn khác	2.322.754.630.600	-	2.322.754.630.600	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	324.229.630.600
Phải trả người bán ngắn hạn	1.028.942.952.174	-	1.028.942.952.174	1.855.216.378.573
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	319.171.488.510	(7.100.000.000)	312.071.488.510	312.071.488.510
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.535.302.641	2.985.099.833	4.520.402.474	4.520.402.474
Chi phí phải trả ngắn hạn	155.929.314.355	2.225.171.577	158.154.485.932	143.534.349.932
Phải trả nội bộ – ngắn hạn	826.273.426.399	-	826.273.426.399	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	47.530.061.177
Vay ngắn hạn	382.983.424.000	-	382.983.424.000	1.445.612.984.570
Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	14.620.136.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	212.353.293.433	-	212.353.293.433	164.823.232.256
Vay dài hạn	1.340.967.490.081	-	1.340.967.490.081	278.337.929.511
Quỹ đầu tư và phát triển	295.752.292.131	-	295.752.292.131	359.317.561.144
Quỹ dự phòng tài chính	63.565.269.013	-	63.565.269.013	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	322.854.555.203	8.274.020.042	331.128.575.245	331.128.575.245

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2014	
	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND
Theo báo cáo trước đây VND		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.195.779.372.941	3.225.630.371.278
Giá vốn hàng bán	3.037.768.301.561	3.059.345.279.856

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	2014	
	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND
Theo báo cáo trước đây VND		
Lợi nhuận trước thuế	316.628.558.032	324.902.578.074
Biến động các khoản phải thu	(270.610.315.893)	(297.176.281.393)
Biến động hàng tồn kho	785.960.510.526	806.142.184.574
Biến động các khoản phải trả	(224.053.127.872)	(225.942.856.462)

25 -03- 2016

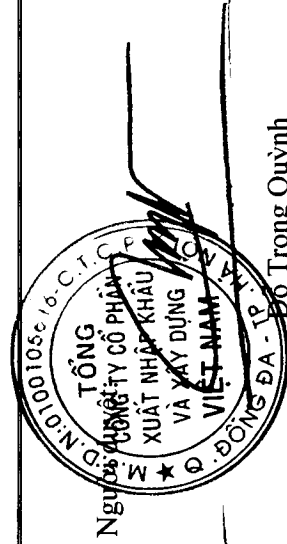
Người lập:



Nguyễn Lê Thu Hiền
 Kế toán



Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng

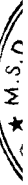


Đo Trọng Quỳnh
 Tổng Giám đốc



**Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu
và Xây dựng Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 0103014768

ngày 1 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 23 tháng 10 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quý Hà	Chủ tịch (từ ngày 20/10/2015)
Ông Hoàng Nguyên Học	Chủ tịch (từ ngày 1/7/2015 đến ngày 19/10/2015)
Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch (đến ngày 30/6/2015)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Thành viên (từ ngày 1/7/2015)
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên (đến ngày 30/6/2015 và từ ngày 20/10/2015)
Ông Lê Đăng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên (đến ngày 19/10/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/10/2015)
Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc (đến ngày 19/10/2015)
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19/10/2015)

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

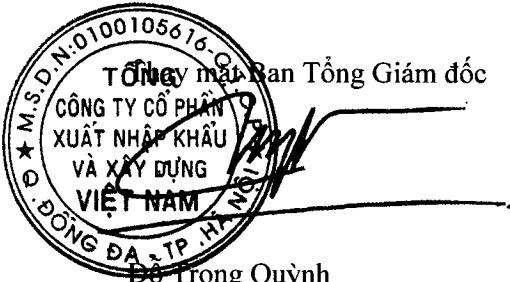
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 83 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-03-2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29-03-2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 83.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến các vấn đề sau:

- Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh 48 về các khoản tiềm ẩn. Theo đó, Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 2 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này làm phát sinh các khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên.

- Chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh 49 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trước các điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước) được trình bày tại Thuyết minh 49 của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2015 về các vấn đề sau:

- giá trị có thể thu hồi của một số khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, một công ty con của Tổng Công ty, có giá trị ghi sổ 97,8 tỷ VND; và
- giá trị thuần có thể thực hiện của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, một công ty con của Tổng Công ty, liên quan đến một số công trình có số dư lớn hơn giá trị hợp đồng còn lại có giá trị ghi sổ 30 tỷ VND và một số công trình đã hoàn thành từ lâu nhưng chưa thực hiện quyết toán được với chủ đầu tư có giá trị ghi sổ 65,5 tỷ VND.



Ngoài ra, cũng trong báo cáo đó, công ty kiểm toán tiền nhiệm đưa ra vấn đề cần nhấn mạnh về việc Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty mà ý kiến kết luận này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Bản báo kiểm toán số: 15-02-194-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29 -03- 2016

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2040-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.423.363.191.087	11.511.656.660.575
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	1.512.565.657.623	1.455.605.215.383
Tiền	111		921.149.924.270	735.455.423.948
Các khoản tương đương tiền	112		591.415.733.353	720.149.791.435
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		522.343.340.247	155.806.359.632
Chứng khoán kinh doanh	121	8(a)	266.061.423	266.061.423
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	8(a)	(174.557.392)	(136.332.592)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(b)	522.251.836.216	155.676.630.801
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.332.927.425.955	6.020.947.596.228
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	3.547.200.505.820	4.537.282.421.182
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		687.023.611.410	644.575.915.819
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10(a)	267.540.277.714	240.939.122.131
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	1.183.473.235.157	1.008.787.281.181
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(352.943.673.658)	(410.637.144.085)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		633.469.512	-
Hàng tồn kho	140	13	2.760.875.048.506	3.563.656.631.835
Hàng tồn kho	141		2.784.815.064.121	3.595.690.931.298
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.940.015.615)	(32.034.299.463)
Tài sản ngắn hạn khác	150		294.651.718.756	315.640.857.497
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.603.218.306	14.552.638.092
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		62.028.483.003	63.105.018.919
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24(a)	33.142.879.788	42.825.098.611
Tài sản ngắn hạn khác	155		160.877.137.659	195.158.101.875

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.306.337.586.810	11.318.034.725.344
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.989.264.779.161	2.503.301.276.120
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	9	1.306.434.379	209.100.446.520
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	5.265.268.944
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10(b)	1.988.092.567.196	2.276.746.902.599
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	967.964.082	32.024.512.616
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	12	(1.102.186.496)	(19.835.854.559)
Tài sản cố định	220		3.436.208.611.115	1.733.756.172.309
Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.346.371.087.707	1.648.346.719.287
<i>Nguyên giá</i>	222		5.341.252.580.703	3.594.369.409.597
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.994.881.492.996)	(1.946.022.690.310)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	33.998.895.099	36.953.920.697
<i>Nguyên giá</i>	225		82.888.155.680	84.186.368.637
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(48.889.260.581)	(47.232.447.940)
Tài sản cố định vô hình	227	16	55.838.628.309	48.455.532.325
<i>Nguyên giá</i>	228		61.618.880.001	55.294.239.267
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.780.251.692)	(6.838.706.942)
Bất động sản đầu tư	230	17	1.165.757.097.042	1.274.585.834.859
<i>Nguyên giá</i>	231		1.540.645.371.665	1.557.771.221.676
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(374.888.274.623)	(283.185.386.817)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.952.568.355.771	3.957.373.077.566
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	18	563.610.527.656	782.453.983.990
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	1.388.957.828.115	3.174.919.093.576
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.464.588.990.739	1.566.899.867.431
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	8(c)	1.012.159.835.330	1.127.713.842.741
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8(d)	288.876.669.170	467.324.434.322
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(d)	(66.447.513.761)	(28.138.409.632)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(b)	230.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		297.949.752.982	282.118.497.059
Chi phí trả trước dài hạn	261	20	149.635.368.499	156.686.217.363
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	21	86.378.481.438	109.627.392.381
Tài sản dài hạn khác	266		590.787.590	1.148.534.490
Lợi thế thương mại	268	22	61.345.115.455	14.656.352.825
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.729.700.777.897	22.829.691.385.919

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.401.533.031.217	15.559.100.443.849
Nợ ngắn hạn	310		9.887.107.738.494	11.568.656.459.708
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	2.438.990.657.230	2.463.115.604.799
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.710.328.280.395	2.480.807.145.547
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24(b)	422.476.398.660	445.706.834.528
Phải trả người lao động	314		144.078.340.494	192.313.903.269
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25(a)	1.103.789.407.758	711.929.237.872
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26(a)	184.573.604.811	187.214.105.154
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	1.608.604.752.879	1.553.349.853.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28(a)	2.246.146.848.227	3.507.623.088.674
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29(a)	7.441.321.595	3.575.062.744
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.678.126.445	23.021.624.121
Nợ dài hạn	330		3.514.425.292.723	3.990.443.984.141
Phải trả người bán dài hạn	331	23	281.958.000	164.277.467.452
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		172.902.305.923	161.960.914.036
Chi phí phải trả dài hạn	333	25(b)	78.311.973.105	40.708.946.903
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26(b)	966.277.514.494	768.481.986.068
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	13.030.681.482	62.364.905.136
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28(b)	2.071.347.029.993	2.563.840.416.837
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	302.287.879	1.534.064.771
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29(b)	211.971.541.847	224.316.638.699
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	2.958.644.239

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		7.328.167.746.680	7.270.590.942.070
Vốn chủ sở hữu	410	30	7.072.844.126.346	7.017.272.107.458
Vốn cổ phần	411	31	4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		355.104.902.000	355.104.902.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.479.904.715	7.592.571.842
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	6.676.140.566
Quỹ đầu tư và phát triển	418	33	514.723.776.677	550.980.649.649
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.303.640.664	3.292.438.726
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		347.461.010.369	211.281.924.640
- LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối kỳ trước	421a		38.531.809.756	(99.845.662.966)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		308.929.200.613	311.127.587.606
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.430.664.161.921	1.465.236.750.035
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		255.323.620.334	253.318.834.612
Nguồn kinh phí	431		255.323.620.334	253.318.834.612
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.729.700.777.897	22.829.691.385.919


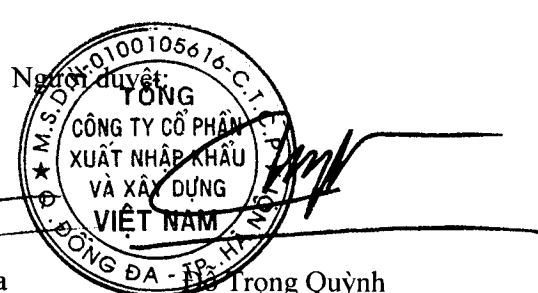
25-03-2016

Người lập:



Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	8.026.433.582.354	8.377.702.078.794
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	229.747.902	1.232.095.833
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	35	8.026.203.834.452	8.376.469.982.961
Giá vốn hàng bán	11	36	6.756.049.677.998	7.371.249.661.534
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.270.154.156.454	1.005.220.321.427
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	359.610.827.760	192.965.944.335
Chi phí tài chính	22	38	419.901.185.368	299.920.195.426
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>338.254.415.509</i>	<i>275.832.731.052</i>
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(159.386.125.289)	90.812.799.428
Chi phí bán hàng	25	39	41.392.579.520	54.016.276.443
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	452.285.166.469	526.655.814.083
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		556.799.927.568	408.406.779.238
Thu nhập khác	31	41	87.525.873.194	234.377.821.232
Chi phí khác	32	42	41.357.381.213	210.209.889.976
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		46.168.491.981	24.167.931.256
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		602.968.419.549	432.574.710.494
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	57.323.609.728	60.805.079.006
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	44	22.017.134.051	(4.460.220.371)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		523.627.675.770	376.229.851.859

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2015	2014
	số	minh	VND	VND
				Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		523.627.675.770	376.229.851.859
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		390.574.348.294	311.127.587.606
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		133.053.327.476	65.102.264.253
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	884	704



25 -03- 2016

Người lập:



Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		602.968.419.549	432.574.710.494
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		422.914.019.586	333.495.614.608
Các khoản dự phòng	03		(42.307.834.558)	120.179.102.353
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		13.710.954.808	(27.340.639.196)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(73.715.206.525)	(127.803.850.248)
Chi phí lãi vay	06		338.254.415.509	275.832.731.052
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.261.824.768.369	1.006.937.669.063
Biến động các khoản phải thu	09		(608.895.006.948)	(485.514.260.245)
Biến động hàng tồn kho	10		(197.495.573.748)	1.125.325.706.472
Biến động các khoản phải trả	11		1.167.232.125.981	214.925.173.555
Biến động chi phí trả trước	12		(42.059.243.953)	5.610.834.752
			1.580.607.069.701	1.867.285.123.597
Tiền lãi vay đã trả	14		(442.710.693.232)	(235.319.884.772)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(97.720.276.439)	(73.274.595.150)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.004.785.722	12.877.600.232
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(62.065.173.422)	(78.456.241.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		980.115.712.330	1.493.112.002.522

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(435.264.430.233)	(599.894.652.712)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		99.901.238.212	73.966.907.829
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(868.548.860.998)	(365.650.966.701)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		447.726.835.403	200.286.440.285
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(126.510.508.639)	(119.686.047.600)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		152.614.908.924	104.836.812.479
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		162.749.549.986	63.267.848.368
Khoản tiền chi thuần từ việc mua công ty con			(63.707.239.556)	-
Khoản tiền thuần thu được từ việc bán công ty con			23.054.382.073	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(607.984.124.828)	(642.873.658.052)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		3.142.097.264.634	3.686.304.460.259
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.143.851.388.094)	(4.015.917.922.864)
Tiền trả cổ tức	36		(313.416.785.263)	(175.620.614.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(315.170.908.723)	(505.234.077.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		56.960.678.779	345.004.266.945
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.455.605.215.383	1.110.600.948.438
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(236.539)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	1.512.565.657.623	1.455.605.215.383




25 -03- 2016

Người lập:



Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm hợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các loại hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 26 công ty con (1/1/2015: 30 công ty con) như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2015		1/1/2015	
			% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	55,14	55,14	55,14	55,14
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	51,23	51,23	51,23	51,23
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	-	-	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4	Hà Nội	Xây dựng các công trình công nghiệp	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	Thanh Hóa	Xây dựng các công trình công nghiệp	-	-	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 (*)	Hà Nội	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	36,00	36,00	36,00	36,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	54,33	54,33	54,33	54,33
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	Đà Nẵng	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	73,59	73,59	73,59	73,59
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12	Hà Nội	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	52,60	52,60	52,60	52,60
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15	Hải Phòng	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	-	-	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	Nghệ An	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	51,93	51,93	51,93	51,93
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17	Khánh Hòa	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	82,16	82,16	82,16	82,16
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	Quảng Nam	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	Đồng Tháp	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	57,33	86,55	57,33	86,55

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2015		1/1/2015	
			% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	Lào Cai	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	76,33	78,35	76,33	78,35
Công ty Cổ phần VIMECO	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	51,40	51,40	51,40	51,40
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	76,25	77,15	76,25	77,15
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	Hà Nội	Tư vấn thiết kế	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	Hà Nội	Tư vấn thiết kế	-	-	42,50	42,50
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	Đắc Lắc	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	56,90	56,90	56,90	56,90
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	75,00	85,26	75,00	85,26
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	51,00	52,33	51,00	52,33
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	53,56	53,56	53,56	53,56
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	Hà Nội	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	70,00	70,00	70,00	70,00
Công ty Cổ phần Vipaco	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bao bì	-	-	21,25	53,13
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	55,00	55,00	55,00	55,00
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	Hòa Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,00	51,20	51,00	51,20

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2015		1/1/2015	
			% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	Quảng Ngãi	Thương mại, dịch vụ	95,51	96,52	95,51	96,52
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	59,12	59,12	59,12	59,12
Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh	Hà Nội	Kinh doanh BĐS	99,99	99,99	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 thấp hơn 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7 vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con có 9 công ty liên kết và 2 công ty liên doanh (1/1/2015: 9 công ty liên kết và 2 công ty liên doanh) (Thuyết minh 8(c)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con có 8.568 nhân viên (1/1/2015: 9.697 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh 4(a));
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b));
- Khấu hao của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (Thuyết minh 4(j)(ii));
- Ghi nhận doanh thu từ dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư (Thuyết minh 4(r)(v)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(u)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Trong các năm trước, các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát trong công ty con lớn hơn vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con không được giảm vào phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát do cổ đông không kiểm soát không có nghĩa vụ ràng buộc phải bù đắp các khoản lỗ đó. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty áp dụng quy định của Thông tư 202, theo đó, lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào vốn chủ sở hữu của công ty con và tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát tại thời điểm cuối kỳ. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát cho các khoản lỗ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát vượt quá vốn của họ tại công ty con và ghi tăng lợi nhuận chưa phân phối một khoản tương ứng là 59.109.684.779 VND (Thuyết minh 30).

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (vay và phải trả): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của dự án bất động sản được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dự án bất động sản, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Giá gốc của các nhóm hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 30 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	2 – 10 năm

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 7 – 25 năm
- nhà cửa và vật kiến trúc 7 – 50 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được kế toán tương tự như đối với bất động sản đầu tư cho thuê. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được tiếp tục trích khấu hao nữa. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê tài sản trả trước

Chi phí thuê tài sản trả trước thể hiện số tiền thuê tài sản được trả trước. Chi phí thuê tài sản trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Ngày 14 tháng 8 năm 2003, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 82/2003/TT-BTC (“Thông tư 82”) hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp. Theo đó, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm dùng để chi trợ cấp thôi việc và được trích lập ở mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty và các công ty con trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Thông tư 82.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty và các công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty và các công ty con không phải trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty và các công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty và các công ty con áp dụng quy định của Thông tư 200 về việc ghi nhận doanh thu từ tiền thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty và các công ty con ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã được chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi chuyển sang áp dụng chính sách kế toán mới này, toàn bộ các khoản tiền thuê nhận trước chưa ghi nhận doanh thu trong các kỳ trước liên quan đến các hợp đồng thuê thỏa mãn các điều kiện nêu trên đã được ghi nhận vào doanh thu trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, doanh thu và giá vốn hàng bán đã tăng lên tương ứng là 51.673.824.407 VND và 45.112.635.165 VND, lợi nhuận trước thuế tăng thêm 6.561.189.242 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm 1.443.461.633 VND, và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, người mua trả tiền trước giảm đi 51.673.824.407 VND, bất động sản đầu tư – giá trị hao mòn lũy kế tăng thêm 45.112.635.165 VND, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng thêm 5.117.727.609 VND.

(vi) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp và kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất công nghiệp; và
- Dịch vụ thương mại.

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2015					
Doanh thu thuần của bộ phận	7.744.420.562.753	1.236.355.903.473	267.023.434.726	(1.221.596.066.500)	8.026.203.834.452
Kết quả kinh doanh của bộ phận	580.829.404.966	559.601.359.699	56.250.287.096	73.473.104.693	1.270.154.156.454
Chi phí không phân bổ					(493.677.745.989)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					776.476.410.465
Doanh thu hoạt động tài chính					359.610.827.760
Chi phí tài chính					(419.901.185.368)
Phản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					(159.386.125.289)
Lợi nhuận khác					46.168.491.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(79.340.743.779)
Lợi nhuận thuần sau thuế					523.627.675.770

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại
Năm kết thúc ngày 31/12/2014					
Tổng doanh thu của bộ phận	8.790.305.538.799	728.162.215.754	228.878.074.791	(1.370.875.846.383)	8.376.469.982.961
Kết quả kinh doanh của bộ phận	756.126.743.369	237.367.359.254	44.481.566.747	(32.755.347.943)	1.005.220.321.427
Chi phí không phân bổ					(580.672.090.526)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					424.548.230.901
Doanh thu hoạt động tài chính					192.965.944.335
Chi phí tài chính					(299.920.195.426)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết					90.812.799.428
Lợi nhuận khác					24.167.931.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(56.344.858.635)
Lợi nhuận thuần sau thuế					376.229.851.859

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
31/12/2015					
Tài sản của bộ phận	16.780.684.225.123	3.570.018.522.712	1.730.022.666.269	(2.363.184.471.537)	19.717.540.942.567
Khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	1.685.289.386.278	-	6.553.320.000	(679.682.870.948)	1.012.159.835.330
Tổng tài sản	18.465.973.611.401	3.570.018.522.712	1.736.575.986.269	(3.042.867.342.485)	20.729.700.777.897
Nợ phải trả của bộ phận	11.094.510.058.774	2.223.574.373.389	1.432.397.736.846	(1.348.949.137.792)	13.401.533.031.217
Tổng nợ phải trả	11.094.510.058.774	2.223.574.373.389	1.432.397.736.846	(1.348.949.137.792)	13.401.533.031.217
Năm kết thúc ngày 31/12/2015					
Chi tiêu vốn	114.219.636.932	231.068.448.599	88.214.012.288	1.762.332.414	435.264.430.233
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	119.289.613.141	188.606.802.696	7.544.888.185	(21.833.139.025)	293.608.164.997
Khấu hao tài sản cố định thuế tài chính	-	2.955.025.598	-	-	2.955.025.598
Khấu hao tài sản cố định vô hình	512.927.298	545.245.755	432.545.688	(172.984.563)	1.317.734.178
Khấu hao bất động sản đầu tư	125.622.755.189	-	9.346.211.005	(11.563.407.776)	123.405.558.418

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại	Đã điều chỉnh lại
1/1/2015					
Tài sản của bộ phận	19.221.792.680.568	3.541.521.714.271	1.681.162.578.324	(2.742.499.429.985)	21.701.977.543.178
Khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	1.688.897.783.306	-	6.825.916.700	(568.009.857.265)	1.127.713.842.741
Tổng tài sản	20.910.690.463.874	3.541.521.714.271	1.687.988.495.024	(3.310.509.287.250)	22.829.691.385.919
Nợ phải trả của bộ phận	13.352.056.723.900	2.446.866.549.772	1.374.136.254.721	(1.613.959.084.544)	15.559.100.443.849
Tổng nợ phải trả	13.352.056.723.900	2.446.866.549.772	1.374.136.254.721	(1.613.959.084.544)	15.559.100.443.849
Năm kết thúc ngày 31/12/2014					
Chi tiêu vốn	109.460.855.881	340.364.730.482	150.069.066.349	-	599.894.652.712
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	156.507.237.803	102.097.795.167	9.357.276.295	-	267.962.309.265
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính	104.818.944	3.802.122.463	-	-	3.906.941.407
Khấu hao tài sản cố định vô hình	418.113.054	271.706.885	456.193.173	-	1.146.013.112
Khấu hao bất động sản đầu tư	57.610.516.497	-	1.629.834.016	-	59.240.350.513

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty mua 99,99% số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh và do đó có quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày mua như sau:

	Giá trị hợp lý tại ngày mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.402.495.194
Tài sản ngắn hạn khác	562.759.391
Tài sản cố định	389.518.131
Tài sản dở dang dài hạn	14.207.208.998
Tài sản dài hạn khác	245.610.107
Nợ ngắn hạn	(14.156.096)
<hr/>	
Tài sản thuần có thể xác định được	52.793.435.725
<hr/>	
Phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua	52.793.435.725
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 22)	48.316.299.025
<hr/>	
Khoản thanh toán cho việc mua lại	101.109.734.750
Khoản tiền thu được	(37.402.495.194)
<hr/>	
Khoản tiền thanh toán thuần	63.707.239.556
<hr/>	

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong năm, Tổng Công ty có phát sinh một số giao dịch thoái vốn sau:

- Giảm quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Vipaco (“Vipaco”) từ 53,13% xuống 38,96%. Vipaco từ công ty con trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.
- Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 (“VC15”), khoản đầu tư vào công ty con tại VC15 trở thành khoản đầu tư dài hạn khác.
- Thoái vốn toàn bộ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3 (“VC3”), Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (“VC5”), Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (“VC R&D”), Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và Đầu tư xây dựng M.E.I. (“M.E.I”), và Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9.1 (“VC9.1”).

	Giá trị ghi sổ tại ngày thanh lý		
	VC15, VC3, VC5, VC R&D, M.E.I, và VC9.1 VND	Vipaco VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.553.927.070	7.673.357	154.561.600.427
Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.300.000.000	-	86.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	523.282.380.682	4.702.549.459	527.984.930.141
Hàng tồn kho	990.095.402.976	1.098.029.211	991.193.432.187
Tài sản ngắn hạn khác	75.530.043.319	1.093.691.501	76.623.734.820
Các khoản phải thu dài hạn	98.132.120.293	-	98.132.120.293
Tài sản cố định	76.910.599.006	28.895.620.686	105.806.219.692
Bất động sản đầu tư	56.721.210.724	-	56.721.210.724
Tài sản dở dang dài hạn	219.596.491.798	-	219.596.491.798
Đầu tư tài chính dài hạn	25.832.856.228	-	25.832.856.228
Chi phí trả trước dài hạn	8.214.028.965	9.249.188.573	17.463.217.538
Tài sản dài hạn khác	894.847.345	-	894.847.345
Nợ ngắn hạn	(1.639.836.074.311)	(61.485.707.335)	(1.701.321.781.646)
Nợ dài hạn	(417.366.773.972)	(6.838.871.889)	(424.205.645.861)
Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	258.861.060.123	(23.277.826.437)	235.583.233.686
Phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của các công ty con tại ngày thanh lý	130.644.788.257	(23.277.826.437)	107.366.961.820
Lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi thoái vốn công ty con thành công ty liên kết	-	10.625.000.000	10.625.000.000
Lãi thuần từ thanh lý các công ty con	46.971.194.243	12.652.826.437	59.624.020.680
Tiền thu từ thanh lý các công ty con	177.615.982.500	-	177.615.982.500
Khoản tiền giảm do thanh lý các công ty con	(154.553.927.070)	(7.673.357)	(154.561.600.427)
Khoản tiền thuần thu được do thanh lý các công ty con	23.062.055.430	(7.673.357)	23.054.382.073

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	36.555.147.006	63.497.859.393
Tiền gửi ngân hàng	791.869.557.621	671.957.564.555
Tiền đang chuyển	92.725.219.643	-
Các khoản tương đương tiền	591.415.733.353	720.149.791.435
	1.512.565.657.623	1.455.605.215.383

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			1/1/2015		
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
	VND	hợp lý (*)	giảm giá	VND	hợp lý (*)	giảm giá
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu CTN	1.828.825	150.000	1.678.825	1.828.825	342.000	1.486.825
Cổ phiếu HPG	229.131	233.600	-	229.131	229.131	-
Cổ phiếu ITA	260.698.152	88.704.000	171.994.152	260.698.152	126.720.000	133.978.152
Cổ phiếu KDC	325.927	170.100	155.827	325.927	299.400	26.527
Cổ phiếu SNG	1.284.226	556.800	727.426	1.284.226	753.600	530.626
Cổ phiếu VTV	1.695.162	1.694.000	1.162	1.695.162	1.384.700	310.462
	266.061.423	91.508.500	174.557.392	266.061.423	129.728.831	136.332.592

(*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định bằng cách tham chiếu đến giá thực tế - trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	522.251.836.216	522.251.836.216	140.300.887.471	140.300.887.471
▪ Các khoản khác	-	-	15.375.743.330	15.375.743.330
	<u>522.251.836.216</u>	<u>522.251.836.216</u>	<u>155.676.630.801</u>	<u>155.676.630.801</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	230.000.000.000	(*)	-	-

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015		1/1/2015	
	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết
Địa chỉ	Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	
		VND		VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	29,19	29,19	29,19	161.872.981.980
▪ Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	46,43	48,53	48,53	26.237.450.066
▪ Công ty Cổ phần Vinaconex 6	36,00	36,00	36,00	41.254.543.312
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	30,00	30,00	30,00	108.228.739.667
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	30,36	40,48	40,48	-
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel (*)	35,18	37,00	39,00	417.360.809.823
▪ Công ty Cổ phần Ông sọt Thủy tinh Vinaconex	10,24	10,67	22,33	7.489.338.905
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	27,49	29,59	31,64	31.382.367.617
▪ Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	20,09	20,09	21,00	42.111.081.600
▪ Công ty Cổ phần Vipaco	30,35	38,96	-	-
				835.937.312.970
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh				
▪ Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	50,00	50,00	50,00	213.412.633.298
▪ Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei	29,00	29,00	29,00	78.363.896.473
				291.776.529.771
				1.127.713.842.741

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Báo cáo tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel có số dư tiền gửi tại một công ty tài chính với số tiền là 79 tỷ VND và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn trên một năm nhưng chưa trích lập dự phòng.

Theo Điều 24.4 – Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”), đối với một số khoản nợ phát sinh trước ngày hiệu lực của Thông tư 02 (ngày 1 tháng 6 năm 2013), tổ chức tín dụng phải báo cáo NHNN về tình hình tài sản, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, khả năng, kế hoạch trích lập và sử dụng dự phòng và thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ này theo hướng dẫn của NHNN đối với từng trường hợp cụ thể.

Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel đã gửi Công văn số 126/2014/CV/VVF-KSRR&TDDL ngày 7 tháng 5 năm 2014 và Công văn số 149/2014/CV/VVF-KSRR&TDDL ngày 28 tháng 5 năm 2014 tới NHNN xin hướng dẫn đối với hai khoản cụ thể nói trên. Ngày 19 tháng 6 năm 2014, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đã có Công văn số 457/TTGSNH trả lời, trong đó đề nghị Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel khẩn trương hoàn thiện phương án tái cơ cấu và NHNN sẽ xem xét xử lý kiến nghị của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel trong tổng thể phương án tái cơ cấu đến năm 2015 của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel. Theo hướng dẫn này của NHNN, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel đã gửi dự thảo phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên lên NHNN.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đính này, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel vẫn đang trong quá trình hoàn thiện phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên theo yêu cầu của NHNN để đề nghị NHNN phê duyệt. Do chưa có hướng dẫn cụ thể từ NHNN, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel chưa tiến hành trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Theo đó, Tổng Công ty cũng chưa có cơ sở để điều chỉnh giảm giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và số trích lập dự phòng bổ sung của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel, nếu có. Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên.

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần mà Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel cho một bên thứ ba, với giá chuyển nhượng cao hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Tổng Công ty không cần ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết liên quan đến vấn đề nêu trên.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

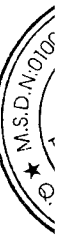
Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	2015 VND
Số dư đầu năm	1.127.713.842.741
Tăng trong năm	126.510.508.639
Lỗ từ đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	(159.386.125.289)
Cổ tức được chia	(44.069.781.000)
Lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi thoái vốn công ty con thành công ty liên kết	(10.625.000.000)
Giảm do thanh lý công ty liên kết (*)	(27.983.609.761)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.012.159.835.330

(*) Ngày 19 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chuyển nhượng 6.656.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình cho các bên thứ ba và ghi nhận lãi từ thanh lý khoản đầu tư này là 8.523.206.239 VND (Thuyết minh 37).

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 3	-	2.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	52.761.753.930	52.761.753.930
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc	12.500.000.000	12.500.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam	28.800.000.000	61.200.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	14.500.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	3.450.000.000	3.450.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel	-	92.500.000.000
Công ty TNHH VINA SANWA	25.005.670.788	25.005.670.788
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 15	6.498.369.125	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	17.663.275.000	17.663.275.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	4.978.080.000	4.978.080.000
Các đơn vị khác	58.719.520.327	116.265.654.604
	<hr/>	<hr/>
	288.876.669.170	467.324.434.322
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(66.447.513.761)	(28.138.409.632)
	<hr/>	<hr/>
	222.429.155.409	439.186.024.690



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	775.363.392.172	718.611.719.511
Ban Quản lý Dự án Thăng Long	227.437.934.106	147.091.159.281
Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội	88.529.271.639	1.601.116.179.639
Tập đoàn Điện lực – Ban Quản lý Dự án Thủy điện 5	82.481.323.217	-
Văn phòng Đại diện Ngân hàng Công thương tại Đà Nẵng	51.571.888.802	38.527.452.842
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	49.594.536.477	73.777.958.563
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	32.034.146.617	63.131.109.380
Các khách hàng khác	2.241.494.447.169	2.104.127.288.486
	<hr/>	
	3.548.506.940.199	4.746.382.867.702
	<hr/>	

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Ngắn hạn	3.547.200.505.820	4.537.282.421.182
Dài hạn	1.306.434.379	209.100.446.520
	<hr/>	
	3.548.506.940.199	4.746.382.867.702
	<hr/>	

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	775.363.392.172	718.611.719.511
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei	29.942.239.997	1.616.707.246
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	13.801.227	-
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương Mại Vinaconex	8.460.000	40.574.764
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	1.322.315.720	8.285.747
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	685.592	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	8.743.202.123	8.341.798.295
Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	-	13.500.000
Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	54.708.215.200	-
	870.102.312.031	728.632.585.563

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

10. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt Minh Khai	6.477.529.000	6.477.529.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex	5.057.768.353	5.057.768.353
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	8.372.107.689	8.372.107.689
Công ty Vikowa Liên doanh	2.244.393.380	2.244.393.380
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaconex 45	4.405.333.041	4.405.333.041
Cho các bên khác vay	105.453.408.569	36.113.331.011
	132.010.540.032	62.670.462.474
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	135.529.737.682	178.268.659.657
	267.540.277.714	240.939.122.131

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	156.292.767.404	185.989.263.993
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.967.329.537.474	2.034.595.655.528
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	234.430.642.735
	<hr/>	<hr/>
	2.123.622.304.878	2.455.015.562.256
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(135.529.737.682)	(178.268.659.657)
	<hr/>	<hr/>
	1.988.092.567.196	2.276.746.902.599
	<hr/>	<hr/>

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Phải thu các tổ đội thi công	274.366.308.702	166.699.888.534
Phải thu về lãi vay	52.974.598.349	28.433.278.728
Phải thu về cổ tức	27.728.400.570	16.913.500.000
Tạm ứng cho người lao động	24.052.015.740	263.196.255.429
Công ty Mua bán điện	-	98.160.494.316
Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	30.000.150.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	-	31.198.454.622
Phải thu ngắn hạn khác	804.351.911.796	374.185.258.752
	<hr/>	<hr/>
	1.183.473.235.157	1.008.787.281.181
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Phải thu các tổ đội thi công	-	16.480.887.263
Phải thu dài hạn khác	967.964.082	15.543.625.353
	<hr/>	<hr/>
	967.964.082	32.024.512.616
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2015			1/1/2015				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Nhà nước MTV								
Dệt Minh Khai	Trên 3 năm	14.435.000.000	14.435.000.000	-	Trên 3 năm	14.435.000.000	14.435.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 34	Trên 3 năm	7.000.000.000	7.000.000.000	-	Trên 3 năm	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 tạm ứng cho các đội xây dựng	Trên 3 năm	6.554.427.848	6.554.427.848	-	Trên 3 năm	6.633.433.634	6.633.433.634	-
Hiệp hội Đầu tư Xây dựng								
Năng lượng Việt Nam	Trên 3 năm	3.100.000.000	3.100.000.000	-	Trên 3 năm	3.100.000.000	3.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn								
Nam Cường Hà Nội	Trên 3 năm	4.260.171.975	4.260.171.975	-	Trên 3 năm	4.681.542.464	4.681.542.464	-
Công ty Cổ phần Siêu Tuệ	Trên 3 năm	2.169.303.500	2.169.303.500	-	Trên 3 năm	2.169.303.500	2.169.303.500	-
Công ty TNHH Hiếu Kiên	Trên 3 năm	1.851.291.220	1.851.291.220	-	Trên 3 năm	1.851.291.220	1.851.291.220	-
Công ty Cổ phần Xi măng								
Yên Bình	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 2 năm	38.856.467.674	19.428.233.837	19.428.233.837
Công ty Cổ phần Xây dựng								
Giao thông Đô thị Hà Nội	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 2 năm	11.017.651.355	9.756.234.155	1.261.417.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Số								
11	Trên 1 năm	8.041.798.295	6.853.795.004	1.188.003.291	Dưới 1 năm	8.341.798.295	5.245.435.345	3.096.362.950
Công ty Đầu tư Xây dựng								
Công trình ngầm Việt Nam	Trên 1 năm	3.562.893.654	2.928.754.048	634.139.606	Dưới 1 năm	3.562.893.654	2.928.754.047	634.139.607
Công ty Cổ phần Xây dựng Số								
15	Trên 1 năm	2.583.660.508	2.583.660.508	-	Dưới 1 năm	7.797.699.632	2.493.660.509	5.304.039.123

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015			1/1/2015				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	Trên 1 năm	1.873.976.000	1.007.087.300	866.888.700	Dưới 1 năm	1.873.976.000	1.007.087.300	866.888.700
Công ty Cổ phần Consevco 6	Dưới 1 năm	11.621.176.023	3.486.352.807	8.134.823.216	Chưa quá hạn	11.621.176.023	-	11.621.176.023
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	Dưới 1 năm	13.836.072.123	1.793.972.217	12.042.099.906		-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	Dưới 1 năm	5.737.397.000	2.416.081.700	3.321.315.300	Trên 6 tháng đến trên 3 năm	-	-	-
Các khoản phải thu khác		323.665.402.967	293.605.962.027	30.059.440.940		411.180.687.361	349.743.022.633	61.437.664.728
		410.292.571.113	354.045.860.154	56.246.710.959		534.122.920.812	430.472.998.644	103.649.922.168
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			352.943.673.658				410.637.144.085	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			1.102.186.496				19.835.854.559	

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.164.749.558	-	19.488.733	-
Nguyên vật liệu	68.042.732.241	3.493.277.233	93.188.319.630	3.640.363.003
Công cụ và dụng cụ	26.366.226.660	-	10.192.660.825	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	2.657.873.555.865	19.449.061.552	3.442.072.380.838	25.143.758.019
Thành phẩm	27.230.717.316	372.642.689	16.539.264.313	436.563.427
Hàng hóa	2.915.541.433	625.034.141	5.918.984.017	2.813.615.014
Hàng hóa bất động sản	-	-	27.450.966.899	-
Hàng gửi đi bán	221.541.048	-	308.866.043	-
	2.784.815.064.121	23.940.015.615	3.595.690.931.298	32.034.299.463

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang gồm tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 và Dự án Khu Đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà tại Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex có tổng giá trị ghi sổ là 872.427 triệu VND (1/1/2015: 869.454 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con này (Thuyết minh 28).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.847.099.691.880	-	1.055.043.157.250	623.356.601.798	68.869.958.669	3.594.369.409.597
Tăng trong năm	62.267.795.172	-	25.788.488.216	46.724.341.447	2.039.510.761	136.820.135.596
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.420.276.934.788	-	567.047.430.231	16.021.523.394	42.000.000	2.003.387.888.413
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	1.228.047.133	70.165.824	-	1.298.212.957
Thanh lý	(15.150.560.410)	-	(43.834.978.097)	(14.538.325.526)	(3.922.632.563)	(77.446.496.596)
Xóa sổ	(38.654.910.245)	-	(2.003.404.545)	(353.872.829)	-	(41.012.187.619)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(76.859.742.250)	(644.393.783)	(105.848.145.916)	(51.098.473.100)	(40.810.187.754)	(275.260.942.803)
Phân loại lại	(10.007.785.374)	18.536.079.054	(16.592.328.557)	9.378.150.450	(1.314.115.573)	-
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(603.884.236)	-	(299.554.606)	(903.438.842)
Số dư cuối năm	3.188.971.423.561	17.891.685.271	1.480.224.381.479	629.560.111.458	24.604.978.934	5.341.252.580.703

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	685.530.726.959	-	791.818.127.463	410.278.080.008	58.395.755.880	1.946.022.690.310
Khấu hao trong năm	151.197.337.028	-	95.885.313.151	41.113.630.624	5.411.884.194	293.608.164.997
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	-	1.228.047.133	70.165.824	-	1.298.212.957
Thanh lý	(9.757.912.604)	-	(38.927.818.727)	(12.983.638.762)	(3.760.031.006)	(65.429.401.099)
Xóa sổ	(2.608.665.012)	-	(2.003.404.545)	(30.179.086)	-	(4.642.248.643)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(30.227.523.137)	(644.393.783)	(72.740.077.632)	(39.477.796.729)	(31.982.695.403)	(175.072.486.684)
Phân loại lại	(2.943.602.937)	14.735.594.824	(12.547.571.748)	8.633.409.222	(7.877.829.361)	-
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(603.884.236)	-	(299.554.606)	(903.438.842)
Số dư cuối năm	791.190.360.297	14.091.201.041	762.108.730.859	407.603.671.101	19.887.529.698	1.994.881.492.996

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	1.161.568.964.921	-	263.225.029.787	213.078.521.790	10.474.202.789	1.648.346.719.287
Số dư cuối năm	2.397.781.063.264	3.800.484.230	718.115.650.620	221.956.440.357	4.717.449.236	3.346.371.087.707

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 689.533 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 453.712 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.149.983 triệu VND (1/1/2015: 1.185.334 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 28).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào tài sản cố định hữu hình là 7.492 triệu VND.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.298.212.957)	-	(1.298.212.957)
Số dư cuối năm	2.393.958.725	5.137.950.387	75.356.246.568	82.888.155.680
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.772.262.759	4.627.465.646	40.832.719.535	47.232.447.940
Khấu hao trong năm	103.097.344	379.217.251	2.472.711.003	2.955.025.598
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.298.212.957)	-	(1.298.212.957)
Số dư cuối năm	1.875.360.103	3.708.469.940	43.305.430.538	48.889.260.581
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	621.695.966	1.808.697.698	34.523.527.033	36.953.920.697
Số dư cuối năm	518.598.622	1.429.480.447	32.050.816.030	33.998.895.099

Các công ty con của Tổng Công ty thuê một số tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, các công ty con này có quyền lựa chọn mua lại những tài sản này với giá ưu đãi. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 28(b)(ii)).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	51.867.278.883	3.426.960.384	55.294.239.267
Tăng trong năm	-	956.950.000	956.950.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.361.643.735	-	13.361.643.735
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(6.447.759.751)	(1.546.193.250)	(7.993.953.001)
Số dư cuối năm	58.781.162.867	2.837.717.134	61.618.880.001
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.816.259.556	3.022.447.386	6.838.706.942
Khấu hao trong năm	448.528.085	869.206.093	1.317.734.178
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(836.778.178)	(1.539.411.250)	(2.376.189.428)
Số dư cuối năm	3.428.009.463	2.352.242.229	5.780.251.692
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	48.051.019.327	404.512.998	48.455.532.325
Số dư cuối năm	55.353.153.404	485.474.905	55.838.628.309

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.762 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 1.455 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định vô hình tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2, một công ty con của Tổng Công ty, là quyền sử dụng đất tại Số 52 Lạc Long Quân, Hà Nội có giá trị còn lại là 10.718 triệu VND (1/1/2015: 10.855 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của công ty con này.

17. Bất động sản đầu tư

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	1.165.757.097.042	1.267.343.696.859
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	-	7.242.138.000
	1.165.757.097.042	1.274.585.834.859

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.627.543.200	1.046.269.461.598	494.632.078.878	1.550.529.083.676
Tăng trong năm	-	8.535.788.480	-	8.535.788.480
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	88.383.737.890	88.383.737.890
Thanh lý	-	(8.913.424.682)	(11.257.819.307)	(20.171.243.989)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	(86.631.994.392)	(86.631.994.392)
Số dư cuối năm	9.627.543.200	1.045.891.825.396	485.126.003.069	1.540.645.371.665
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.645.380.223	192.156.763.617	88.383.242.977	283.185.386.817
Khấu hao trong năm	793.785.846	58.382.622.630	19.116.514.777	78.292.923.253
Ảnh hưởng của việc ghi nhận doanh thu một lần theo Thông tư 200 (*)	-	45.112.635.165	-	45.112.635.165
Thanh lý	-	(819.471.848)	(972.415.096)	(1.791.886.944)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	(29.910.783.668)	(29.910.783.668)
Số dư cuối năm	3.439.166.069	294.832.549.564	76.616.558.990	374.888.274.623
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	6.982.162.977	854.112.697.981	406.248.835.901	1.267.343.696.859
Số dư cuối năm	6.188.377.131	751.059.275.832	408.509.444.079	1.165.757.097.042

(*) Như đã trình bày tại Thuyết minh 4(r)(v), trong năm, Tổng Công ty và các công ty con đã lựa chọn ghi nhận một lần doanh thu cho thuê bất động sản theo quy định tại Thông tư 200. Đồng thời, giá vốn và khấu hao lũy kế được ghi nhận tăng tương ứng bằng đúng với giá trị còn lại của bất động sản cho thuê liên quan trị giá 55.043.645.757 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 177.462 triệu VND (1/1/2015: 262.211 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một số công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 28).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Giá gốc và giá trị có thể thu hồi	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án Khu đô thị Cái Giá - Cát Bà	553.489.250.484	556.562.869.378
Dự án Minh Cầu - Thái Nguyên	-	149.290.467.868
Dự án Đường Trung Văn	-	66.479.369.572
Sản nên cho Dự án Trụ sở Công ty Cổ phần VIMECO	9.001.562.600	9.001.562.600
Khác	1.119.714.572	1.119.714.572
	563.610.527.656	782.453.983.990

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
	Số dư đầu năm	3.174.919.093.576
Tăng trong năm	288.951.556.157	564.750.364.074
Tăng do mua công ty con	14.207.208.998	-
Giảm trong năm	(2.309.677.644)	(13.338.818.606)
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	7.596.295.065	68.857.551
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.003.387.888.413)	(33.536.763.222)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(13.361.643.735)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư cho thuê	(88.383.737.890)	(307.415.150.709)
Xóa sổ	(6.451.386.737)	-
Phân loại từ hàng tồn kho	17.178.008.738	65.148.843.377
Phân loại lại sang hàng tồn kho	-	(74.463.937.755)
Phân loại lại sang chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	(125.007.043.715)
Số dư cuối năm	1.388.957.828.115	3.174.919.093.576

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Dự án Trung tâm Thương mại Chợ Mơ (*)	863.641.994.530	932.310.801.523
Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà (*)	222.667.350.133	186.100.567.568
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát (*)	7.562.220.374	1.859.169.067.017
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	74.122.885.078	74.122.885.078
Khu công nghiệp Bắc Phú Cát	74.091.375.846	-
Tòa C36 Dự án Kim Văn Kim Lũ	56.232.501.446	19.260.318.843
Tòa D36 Dự án Kim Văn Kim Lũ	26.094.350.669	45.888.524.534
Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội - giai đoạn 2	26.834.114.731	26.834.114.731
Nhà ở CBCNV trạm nghiên cứu Xi măng Cẩm Phả	17.024.294.754	17.024.294.754
Dự án kho Thủy Phương	1.352.936.500	1.352.936.500
Hạng mục sân vườn công trình Trụ sở Công ty Vinahud	1.243.464.977	1.243.464.977
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	-	2.090.637.636
Các công trình khác	18.090.339.077	9.521.480.415
	1.388.957.828.115	3.174.919.093.576

(*) Tài sản hình thành từ các công trình này được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một số công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 28).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 14.791 triệu VND (2014: 19.255 triệu VND).

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê	Công cụ	Chi phí khác	Tổng cộng
	tài sản trả trước	và dụng cụ	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm				
– đã điều chỉnh lại	39.479.432.092	74.719.517.625	42.487.267.646	156.686.217.363
Tăng trong năm	-	86.064.160.884	53.166.083.046	139.230.243.930
Phân bổ trong năm	(500.000.000)	(91.957.559.452)	(28.764.020.739)	(121.221.580.191)
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	-	(7.596.295.065)	(7.596.295.065)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(4.017.181.699)	(13.446.035.839)	(17.463.217.538)
Số dư cuối năm	38.979.432.092	64.808.937.358	45.846.999.049	149.635.368.499

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng các khoản phải thu	2.122.359.732	3.172.097.624
Hàng tồn kho	1.331.102.833	4.216.419.649
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.810.577.075
Tài sản cố định	38.571.729.310	37.118.537.532
Xây dựng cơ bản dở dang	6.366.089.214	11.603.372.019
Chi phí trả trước dài hạn	8.173.237.600	8.833.237.600
Chi phí phải trả	2.178.139.325	2.111.052.618
Doanh thu chưa thực hiện	27.007.901.773	39.518.261.580
Lỗi mang sang	556.770.168	224.821.299
Các khoản khác	71.151.483	19.015.385
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	86.378.481.438	109.627.392.381
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định	(302.287.879)	(1.534.064.771)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(302.287.879)	(1.534.064.771)
	86.076.193.559	108.093.327.610

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm	16.283.889.220
Tăng trong năm (Thuyết minh 6)	48.316.299.025
	64.600.188.245
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.627.536.395
Khấu hao trong năm	1.627.536.395
	3.255.072.790
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	14.656.352.825
Số dư cuối năm	61.345.115.455

23. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Liên danh Ree - Viettel	76.242.681.469	88.170.151.467
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp SIMCO	66.541.652.747	39.550.364.648
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Vật tư Xây dựng M.E.I	64.848.056.987	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	56.053.143.274	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai	55.179.397.512	57.532.843.326
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11	46.314.358.765	7.466.797.072
Công ty TNHH Trường Hải	44.438.561.488	66.502.895.488
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	39.711.318.007	52.691.036.572
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	31.704.010.067	7.030.496.216
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	27.163.031.302	-
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV (COMA)	24.367.321.256	-
Các nhà thầu khác	1.906.709.082.356	2.308.448.487.462
	2.439.272.615.230	2.627.393.072.251

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	2.438.990.657.230	2.463.115.604.799
Dài hạn	281.958.000	164.277.467.452
	2.439.272.615.230	2.627.393.072.251

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương Mại Vinaconex	1.775.288.094	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	31.704.010.067	7.030.496.216
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	12.418.499.980	12.418.499.980
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11	46.314.358.765	7.466.797.072
Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	286.983.633	254.564.763
	92.499.140.539	27.170.358.031

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn lại/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.951.722.342	4.311.148.368	3.156.458.255	18.106.412.455
Thuế thu nhập cá nhân	165.624.592	1.150.550.339	1.256.667.472	59.507.459
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	273.790.350	5.353.554.065	5.346.570.218	280.774.197
Thuế khác	25.433.961.327	8.876.001.686	19.613.777.336	14.696.185.677
	42.825.098.611	19.691.254.458	29.373.473.281	33.142.879.788

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	137.657.879.950	365.048.241.409	419.235.697.335	83.470.424.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.028.454.681	57.323.609.728	93.409.128.071	49.942.936.338
Thuế thu nhập cá nhân	17.812.309.425	10.859.446.172	15.774.516.283	12.897.239.314
Thuế tài nguyên	7.343.417.340	32.041.660.357	34.020.176.482	5.364.901.215
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	18.200.027.479	21.114.776.330	18.159.221.689	21.155.582.120
Thuế khác	178.664.745.653	147.027.068.736	76.046.498.740	249.645.315.649
	445.706.834.528	633.414.802.732	656.645.238.600	422.476.398.660

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	691.129.167.061	310.707.967.123
Chi phí lãi vay phải trả	2.312.698.376	97.242.419.170
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	410.347.542.321	303.978.851.579
	<hr/>	
	1.103.789.407.758	711.929.237.872
	<hr/>	

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	55.872.832.014	19.692.731.273
Các chi phí phải trả dài hạn khác	22.439.141.091	21.016.215.630
	<hr/>	
	78.311.973.105	40.708.946.903
	<hr/>	

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	18.406.415.683	21.727.212.388
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	166.167.189.128	165.486.892.766
	<hr/>	<hr/>
	184.573.604.811	187.214.105.154

(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	1.132.444.703.622	933.968.878.834
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(166.167.189.128)	(165.486.892.766)
	<hr/>	<hr/>
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	966.277.514.494	768.481.986.068

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm tiền thuê đất và văn phòng trả trước mà Tổng Công ty và các công ty con nhận trước từ các bên đi thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương		
Thăng Long – Tiền đất dự án HH	-	500.000.000.000
Phải trả Nhà nước tiền thuế đất dự án HH	737.934.729.072	-
Phải trả Ngân sách phần chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.427.427.421	25.427.427.421
Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2	14.929.682.289	14.929.682.289
Phải trả các tổ đội thi công chi phí thi công công trình	188.959.561.083	433.895.287.089
Kinh phí bảo trì các tòa nhà (i)	114.688.207.994	172.253.018.547
Cổ tức phải trả	2.308.418.541	1.763.206.254
Lãi vay phải trả	1.679.133.331	11.205.690.260
Đặt cọc	15.069.295.840	20.274.177.511
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	507.608.297.308	373.601.363.629
	1.608.604.752.879	1.553.349.853.000

(i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải trả cho Ban Quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.460.032.000	7.102.132.000
Nhận đặt cọc mua tài sản	142.083.450	28.926.225.000
Góp vốn kinh doanh đối với dự án CT4	-	4.981.468.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	11.428.566.032	21.355.080.136
	13.030.681.482	62.364.905.136

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	2.985.433.832.054	2.985.433.832.054	3.146.421.116.727	(4.286.867.212.610)	1.844.987.736.171	1.844.987.736.171
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	499.089.256.620	499.089.256.620	387.348.287.472	(485.278.432.036)	401.159.112.056	401.159.112.056
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng (b)(ii)	23.100.000.000	23.100.000.000	-	(23.100.000.000)	-	-
	3.507.623.088.674	3.507.623.088.674	3.533.769.404.199	(4.795.245.644.646)	2.246.146.848.227	2.246.146.848.227

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (*)	VND	0% - 10%	1.700.476.404.967	2.839.811.581.408
Vay cá nhân	VND	5,5% - 10%	144.511.331.204	145.622.250.646
			1.844.987.736.171	2.985.433.832.054

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	5,5% - 10%	468.890.313.168	361.529.340.589
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,2% - 10,8%	971.887.078.702	969.233.313.949
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	7,1% - 10%	60.354.097.407	82.357.478.027
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	5,5% - 12,5%	125.844.915.690	70.124.985.048
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bắc Ninh	VND	8%	73.500.000.000	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	VND	0%	-	1.062.629.560.570
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng, tổ chức khác	VND		-	293.936.903.225
			1.700.476.404.967	2.839.811.581.408

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được đảm bảo bằng hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 13, 14, 17, và 19).

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn (i)	2.435.577.553.218	3.026.001.084.626
Trái phiếu thường	-	23.100.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	36.928.588.831	36.928.588.831
	2.472.506.142.049	3.086.029.673.457
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(401.159.112.056)	(522.189.256.620)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	2.071.347.029.993	2.563.840.416.837

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng BNP Paribas (*)	USD	LIBOR 6 tháng + 1,85%	2010 - 2020	-	185.989.262.584
Ngân hàng Natexis (*)	USD	LIBOR + 2,35%	2007 - 2017	76.505.019.719	101.966.366.518
Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc (*)	USD	3,78%	2009 - 2017	59.572.622.659	113.426.802.630
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	6,6% - 8,4%	2020	260.632.837.000	285.741.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 3%	2018	68.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	VND	10% - 11,5%	2014 - 2020	65.912.319.750	72.596.402.948
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	VND	10,5%	2020	1.041.081.517.582	953.203.203.951
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch	VND	9,0%	2015 - 2020	92.003.927.081	166.614.686.024
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	VND	Thả nổi	2016	101.923.858.800	101.923.858.800
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	VND	6,9% - 11,4%	2020	400.581.095.000	336.336.353.000
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	VND	0%	2017	100.221.785.390	337.386.956.747
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	VND	Thả nổi	2014 - 2020	16.563.961.876	-
Vay dài hạn từ các ngân hàng, tổ chức khác	VND	4% - 13%		152.578.608.361	285.815.691.424
				2.435.577.553.218	3.026.001.084.626
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(401.159.112.056)	(499.089.256.620)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				2.034.418.441.162	2.526.911.828.006

(*) Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas, Ngân hàng Natexis và Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc được bảo lãnh bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

Các khoản vay khác từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được đảm bảo bằng hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 13, 14, 17, và 19).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2015			1/1/2015		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng hai đến năm năm	36.928.588.831	-	36.928.588.831	36.928.588.831	-	36.928.588.831

29. Các khoản dự phòng

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Dự phòng bảo hành	7.441.321.595	3.507.281.310
Dự phòng phải trả dài hạn đến hạn trả	-	67.781.434
	7.441.321.595	3.575.062.744

(b) Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Bảo hành VND
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	224.316.638.699
Dự phòng sử dụng trong năm	(12.345.096.852)
Số dư cuối năm	211.971.541.847

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng bảo hành cho các Dự án N05, Dự án Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, Dự án Chung cư 57 Vũ Trọng Phụng được Tổng Công ty và các công ty con trích lập theo yêu cầu của Luật Nhà ở năm 2006.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguyên kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.317.720.624	457.558.078.538	102.320.642.770	3.327.649.438	44.937.750.392	1.478.961.168.333	251.203.345.004	7.124.430.558.941
<i>Lợi nhuận thuần trong năm</i> <i>- đã báo cáo trước đây</i> <i>Điều chỉnh của Kiểm toán</i> <i>Nhà nước (Thuyết minh 49)</i>	-	-	-	-	-	-	-	305.494.576.112	63.248.465.144	-	368.743.041.256
Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại (Thuyết minh 49) Phân bổ vào các quỹ Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi Cổ tức (Thuyết minh 32) Giảm lỗ lũy kế do mua lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn tài Vinaconex Giảm do truy thu thuế	-	-	-	-	2.329.795.165	940.054.872	-	311.127.587.606 (3.269.850.037)	65.102.264.253	-	376.229.851.859
- Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước Giảm do Công ty liên kết thay đổi vốn chủ sở hữu Tặng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	(4.742.497.371)	-	-	58.680.673.048	(4.514.768.627)	-	(9.257.265.998)
	-	-	-	-	-	-	-	(2.850.097.500)	-	-	(2.850.097.500)
	-	-	-	341.852.261	(1.298.508.193)	(89.568.073)	6.712.373	(4.395.003.065)	5.434.514.697	-	-
	-	-	-	16.567.681	(5.275.307.669)	(762.040.390)	(41.923.085)	(1.096.006.594)	(79.276.883.202)	2.115.489.608	(84.320.103.651)
Số dư tại ngày 31/12/2014 - đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.676.140.566	448.571.560.470	102.409.089.179	3.292.438.726	211.281.924.640	1.465.236.750.035	253.318.834.612	7.270.590.942.070
<i>Số dư tại ngày 31/12/2014</i> <i>- đã báo cáo trước đây</i> <i>Điều chỉnh của Kiểm toán</i> <i>Nhà nước (Thuyết minh 49)</i>	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.676.140.566	453.314.057.841	102.409.089.179	3.292.438.726	205.648.913.146	1.467.897.719.553	253.318.834.612	7.272.361.397.465
Phân loại lại theo Thông tư 200 (Thuyết minh 49)	-	-	-	-	(4.742.497.371)	-	-	5.633.011.494	(2.660.969.518)	-	(1.770.455.395)
	-	-	-	-	102.409.089.179	(102.409.089.179)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã điều chỉnh lại	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.676.140.566	550.980.649.649	-	3.292.438.726	211.281.924.640	1.465.236.750.035	253.318.834.612	7.270.590.942.070

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã điều chỉnh lại	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.592.571.842	6.676.140.566	550.980.649.649	-	3.292.438.726	2.111.281.924.640	1.465.236.750.035	253.318.834.612	7.270.590.942.070
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	390.574.348.294	133.053.327.476	-	523.627.675.770
Chi lương thành viên HĐQT,	-	-	-	-	-	-	-	(1.071.000.000)	-	-	(1.071.000.000)
BKS không chuyên trách	-	-	-	-	6.489.918.276	-	-	(6.489.918.276)	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(30.985.462.373)	(12.361.472.282)	-	(43.346.934.655)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	-	(265.026.403.800)	(48.935.593.750)	-	(313.961.997.550)
Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 202 (Thuyết minh 4(a)(ii))	-	-	-	-	-	-	-	59.109.684.779	(59.109.684.779)	-	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	(3.112.667.127)	-	(51.421.811.750)	-	(1.727.578.922)	-	(46.904.723.667)	-	(103.166.781.466)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	(6.676.140.566)	8.675.020.502	-	1.738.780.860	(9.932.162.895)	(314.441.112)	2.004.785.722	(4.504.157.489)
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.417.106.730.000	355.104.902.000	4.479.904.715	-	514.723.776.677	-	3.303.640.664	347.461.010.369	1.430.664.161.921	255.323.620.334	7.328.167.746.680

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2015 và 1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	441.710.673	4.417.106.730.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

32. Cổ tức

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 265.026 triệu VND cho năm 2014 (2014: 176.684 triệu VND).

33. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	16.797.207.000	62.116.618.400

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu hoạt động xây lắp	4.936.718.612.378	5.328.893.303.027
▪ Doanh thu kinh doanh bất động sản	942.885.869.933	1.488.648.103.724
▪ Doanh thu sản xuất công nghiệp	807.952.995.368	727.140.207.385
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	1.157.597.549.295	582.597.931.378
▪ Doanh thu khác	181.278.555.380	250.422.533.280
	8.026.433.582.354	8.377.702.078.794
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(15.636.364)	(492.747.301)
▪ Hàng bán bị trả lại	(214.111.538)	(739.348.532)
	(229.747.902)	(1.232.095.833)
	8.026.203.834.452	8.376.469.982.961

(*) Như đã trình bày tại Thuyết minh 4(r)(v), trong năm, một số công ty con của Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu cho thuê bất động sản một lần với số tiền là 51.673.824.407 VND theo quy định tại Thông tư 200. Việc ghi nhận doanh thu một lần dẫn đến doanh thu trong năm tăng 51.673.824.407 VND so với phương pháp ghi nhận doanh thu theo cách phân bổ theo phương pháp đường thẳng, đồng thời dẫn đến người mua trả tiền trước giảm đi một khoản tương ứng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hoạt động xây lắp	4.689.738.631.738	5.012.095.926.721
▪ Kinh doanh bất động sản	763.785.261.985	1.248.649.722.069
▪ Sản xuất công nghiệp	456.953.344.281	472.233.336.450
▪ Cung cấp dịch vụ (*)	719.121.496.215	430.149.638.373
▪ Doanh thu khác	129.731.366.629	208.121.037.921
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.280.422.850)	-
	6.756.049.677.998	7.371.249.661.534

(*) Như đã trình bày tại Thuyết minh 4(r)(v), trong năm, một số công ty con của Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu cho thuê bất động sản một lần theo quy định tại Thông tư 200. Đồng thời, giá vốn hàng bán được ghi nhận tăng tương ứng bằng đúng với giá trị còn lại của bất động sản cho thuê liên quan. Việc ghi nhận này dẫn đến giá vốn hàng bán trong năm tăng 45.112.635.165 VND so với phương pháp ghi nhận doanh thu theo cách phân bổ theo phương pháp đường thẳng, đồng thời dẫn đến bất động sản đầu tư – giá trị hao mòn lũy kế tăng lên một khoản tương ứng.

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	111.105.790.990	100.673.388.470
Lãi từ thanh lý công ty liên kết	8.523.206.239	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	82.466.584.091	-
Cổ tức được chia	42.930.198.187	3.131.934.000
Lãi do thoái vốn tại các công ty con	59.624.020.680	28.778.014.342
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.381.951.602	43.517.886.375
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.579.075.971	16.864.721.148
	359.610.827.760	192.965.944.335

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

38. Chi phí tài chính

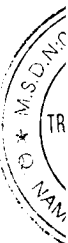
	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	338.254.415.509	275.832.731.052
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	56.241.522.932	3.279.108.931
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	417.584.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.765.750.875	16.271.085.097
Chi phí tài chính khác	13.639.496.052	4.119.685.353
	<hr/> 419.901.185.368	<hr/> 299.920.195.426 <hr/>

39. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	17.223.188.787	14.930.005.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.426.589.917	6.098.639.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.436.567.176	15.405.597.486
Chi phí nguyên vật liệu	5.677.239.164	6.921.414.886
Chi phí bằng tiền khác	4.628.994.476	10.660.618.785
	<hr/> 41.392.579.520	<hr/> 54.016.276.443 <hr/>

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	220.211.271.228	226.822.597.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.580.869.160	32.627.064.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.254.358.412	30.760.324.664
Thuế, phí và lệ phí	5.894.253.150	21.456.740.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.329.599.386	4.737.100.650
Chi phí dự phòng	(9.210.207.715)	111.877.224.278
Chi phí nguyên vật liệu	4.877.242.480	7.394.845.582
Phân bổ lợi thế kinh doanh giá trị thương hiệu	2.127.536.395	2.517.585.688
Chi phí bằng tiền khác	167.220.243.973	88.462.330.571
	<hr/> 452.285.166.469	<hr/> 526.655.814.083 <hr/>



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

41. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	54.912.286.400	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	91.000.325.034
Các khoản khác	32.613.586.794	143.377.496.198
	<hr/> 87.525.873.194	<hr/> 234.377.821.232 <hr/>

42. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình	35.470.964.443	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	-	163.050.655.455
Các khoản khác	5.886.416.770	47.159.234.521
	<hr/> 41.357.381.213	<hr/> 210.209.889.976 <hr/>

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.135.947.956.836	2.676.921.906.368
Chi phí nhân công	1.255.908.284.784	1.181.851.767.973
Chi phí khấu hao	422.914.019.586	333.495.614.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.965.524.048.381	3.103.419.355.265
Chi phí khác	500.246.414.503	463.312.479.709
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	57.157.785.235	60.805.079.006
Dự phòng thiếu trong những năm trước	165.824.493	-
	<hr/> 57.323.609.728	<hr/> 60.805.079.006
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	22.017.134.051	(4.460.220.371)
	<hr/> 79.340.743.779	<hr/> 56.344.858.635

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	602.968.419.549
	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	132.653.052.301
Ưu đãi thuế	(48.049.264.881)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các công ty con	(98.292.014)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động giáo dục	(2.026.390.206)
Thu nhập không bị tính thuế	(11.849.823.191)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.011.147.236
Lỗ tính thuế được sử dụng	(42.261.330.631)
Ảnh hưởng của thay đổi đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	34.980.350.404
Ảnh hưởng của thay đổi mức thuế suất đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	8.815.470.268
Dự phòng thiếu trong những năm trước	165.824.493
	<hr/> 79.340.743.779

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập trong khoảng từ 20% đến 22% (2014: 20% đến 22%) trên lợi nhuận tính thuế của các hoạt động chính và 10% (2014: 10%) trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động giáo dục. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	390.574.348.294	311.127.587.606
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	390.574.348.294	311.127.587.606
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2015. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	441.710.673	441.710.673
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.785.462.118	2.043.180.150
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.809.068.182	1.020.154.425

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015 VND	2014 VND
Khoản vay bù trừ với các khoản phải thu	1.062.629.560.570	-
Khoản vay chuyển thành người mua trả tiền trước	108.500.000.000	-

48. Các khoản tiềm ẩn

- Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, ngày 20 tháng 1 năm 2006, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Năm 2008, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ một số nội dung liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá. Kết luận của Thanh tra Chính phủ được Thủ tướng giao cho Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội báo cáo và đề xuất xuất ý kiến.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 2 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Tổng Công ty đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính. Đối với phần đất xây dựng tòa nhà chung cư cao tầng tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Tổng Công ty được miễn nộp tiền sử dụng đất do được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 71/2001/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về ưu đãi đầu tư xây dựng nhà ở để bán và cho thuê. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, các tòa nhà chung cư tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính đã được bán và thu tiền nên toàn bộ giá trị lợi thế về đất nói trên đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh của Tổng Công ty trước khi Tổng Công ty tiến hành cổ phần hóa, thay vì ghi tăng giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đối với tầng 1 các tòa nhà chung cư cao tầng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng đã thống nhất tăng thêm giá trị tài sản là các văn phòng tầng 1 khu chung cư cao tầng một khoản 99,7 tỷ VND, đồng thời ghi tăng vốn nhà nước tại Tổng Công ty một khoản tương ứng.
- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý tài chính khi tiến hành cổ phần hóa Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex, một công ty con của Tổng Công ty. Vào tháng 3 năm 2005, khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, công ty con này có số lỗ lũy kế là 1.173 triệu VND. Tuy nhiên, đến thời điểm bàn giao vào tháng 11 năm 2006, công ty con này lỗ thêm 6.094 triệu VND, do đó Tổng Công ty phải bù thêm cho khoản lỗ này so với giá trị đã được xác định trước đó. Thanh tra Chính phủ cho rằng, giá trị của công ty con này đã được xác định tại thời điểm định giá, và các cổ đông phải trả tiền để xử lý khoản lỗ này. Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng, do khoản lỗ này phát sinh trước thời điểm bàn giao, việc Tổng Công ty bù lỗ là chính xác.
- Liên quan đến diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, theo Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, diện tích đất lưu không của các tòa nhà chung cư cao tầng tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phần thuộc diện tích đất được miễn nộp tiền sử dụng đất ở trên, cần phải được xem xét để tính toán tiền sử dụng đất. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đang giao cho các sở ban ngành liên quan xác định giá trị sử dụng đất đối với diện tích này và sẽ ra quyết định thu tiền sử dụng đối với phần đất này khi các sở ban ngành hoàn thành việc phê duyệt tính toán số liệu.
- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Tổng Công ty dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định. Thanh tra Chính phủ kiến nghị quyền góp vốn này là tài sản hình thành trước cổ phần hóa và do đó cần được ghi nhận vào giá trị của Tổng Công ty khi cổ phần hóa.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 2 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính, và có Công văn số 1858/BXD-DMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Công văn 1858”) trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Tổng Công ty dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên doanh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Tổng Công ty đang là doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư do Tỉnh Hà Tây cấp cho công ty liên doanh ngày 8 tháng 12 năm 2006, tại thời điểm đó Tổng Công ty đã là Tổng Công ty Cổ phần (từ ngày 1 tháng 12 năm 2006). Công văn 1858 đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định. Việc xác định thời điểm này sẽ ảnh hưởng đến phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, tại Trụ sở Tổng Công ty, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước Sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cục Cảnh sát Kinh tế và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

Các vấn đề nêu trên chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do có các yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định ảnh hưởng của các vấn đề này đến tài sản và nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

49. Số liệu so sánh

Tháng 10 năm 2015, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm 2014, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm 2014. Kết quả của Kiểm toán Nhà nước có một số thay đổi so với số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngoài ra, như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tổng Công ty và các công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh và phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Đã phân loại lại theo Thông tư 200 VND
Các khoản tương đương tiền	743.149.791.435	-	743.149.791.435	720.149.791.435
Các khoản đầu tư ngắn hạn	166.013.347.752	-	166.013.347.752	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	266.061.423
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(6.111.332.592)	-	(6.111.332.592)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	(136.332.592)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	155.676.630.801
Phải thu ngắn hạn khách hàng	4.816.698.461.427	26.298.007.701	4.842.996.469.128	4.537.282.421.182
Trả trước cho người bán ngắn hạn	646.555.192.998	-	646.555.192.998	644.575.915.819
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	240.939.122.131
Phải thu ngắn hạn khác	766.758.131.070	2.025.301.834	768.783.432.904	1.008.787.281.181
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(410.544.520.202)	(12.851.291.946)	(423.395.812.148)	(410.637.144.085)
Hàng tồn kho	4.323.018.433.052	(18.797.511.686)	4.304.220.921.366	3.595.690.931.298

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	1/1/2015			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Đã phân loại lại theo Thông tư 200 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	14.095.306.708	-	14.095.306.708	14.552.638.092
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	62.790.805.789	314.213.130	63.105.018.919	63.105.018.919
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	37.750.736.371	(19.015.385)	37.731.720.986	42.825.098.611
Tài sản ngắn hạn khác	497.168.514.977	-	497.168.514.977	195.158.101.875
Phải thu dài hạn của khách hàng	1.421.963.879	-	1.421.963.879	209.100.446.520
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	5.265.268.944
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	2.276.746.902.599
Phải thu dài hạn khác	353.221.902.599	-	353.221.902.599	32.024.512.616
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(1.102.186.496)	-	(1.102.186.496)	(19.835.854.559)
Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá	3.592.853.273.336	1.516.136.261	3.594.369.409.597	3.594.369.409.597
Tài sản cố định hữu hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(1.945.782.689.999)	(240.000.311)	(1.946.022.690.310)	(1.946.022.690.310)
Bất động sản đầu tư - Nguyên giá	1.499.700.878.917	-	1.499.700.878.917	1.557.771.221.676
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	782.453.983.990
Xây dựng cơ bản dở dang	3.298.743.704.455	10.024.215.305	3.308.767.919.760	3.174.919.093.576
Đầu tư dài hạn khác	2.475.849.434.322	-	2.475.849.434.322	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	467.324.434.322
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(27.464.275.869)	(674.133.763)	(28.138.409.632)	(28.138.409.632)
Chi phí trả trước dài hạn	156.451.799.593	234.417.770	156.686.217.363	156.686.217.363
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	109.608.376.996	19.015.385	109.627.392.381	109.627.392.381
Tài sản dài hạn khác	2.981.594.850	-	2.981.594.850	1.148.534.490
Phải trả người bán ngắn hạn	2.546.019.988.372	-	2.546.019.988.372	2.463.115.604.799
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.275.688.780.163	(7.118.913.303)	2.268.569.866.860	2.480.807.145.547
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	418.676.710.132	27.030.124.396	445.706.834.528	445.706.834.528
Phải trả người lao động	181.312.570.573	11.001.332.696	192.313.903.269	192.313.903.269
Chi phí phải trả ngắn hạn	773.454.343.440	(20.816.158.665)	752.638.184.775	711.929.237.872
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	187.214.105.154

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2015

	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Đã phân loại lại theo Thông tư 200 VND
Phải trả ngắn hạn khác	1.565.912.186.816	534.225.000	1.566.446.411.816	1.553.349.853.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính ngắn hạn	2.481.102.794.569	-	2.481.102.794.569	3.507.623.088.674
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.443.649.608	131.413.136	3.575.062.744	3.575.062.744
Phải trả người bán dài hạn	81.373.083.879	-	81.373.083.879	164.277.467.452
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	161.960.914.036
Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	40.708.946.903
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.328.613.219.116	-	1.328.613.219.116	768.481.986.068
Phải trả dài hạn khác	49.081.423.774	-	49.081.423.774	62.364.905.136
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính dài hạn	3.591.828.698.317	-	3.591.828.698.317	2.563.840.416.837
Dự phòng phải trả dài hạn	224.605.199.894	(288.561.195)	224.316.638.699	224.316.638.699
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3.812.296.614	(853.652.375)	2.958.644.239	2.958.644.239
Quỹ đầu tư phát triển	453.314.057.841	(4.742.497.371)	448.571.560.470	550.980.649.649
Quỹ dự phòng tài chính	102.409.089.179	-	102.409.089.179	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	205.648.913.146	5.633.011.494	211.281.924.640	211.281.924.640
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.467.897.719.553	(2.660.969.518)	1.465.236.750.035	1.465.236.750.035

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Đã phân loại lại theo Thông tư 200 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.347.689.311.188	30.012.767.606	8.377.702.078.794	8.377.702.078.794
Giá vốn hàng bán	7.366.561.436.071	4.688.225.463	7.371.249.661.534	7.371.249.661.534
Chi phí tài chính	299.246.061.663	674.133.763	299.920.195.426	299.920.195.426
Chi phí quản lý doanh nghiệp	514.858.067.159	11.797.746.924	526.655.814.083	526.655.814.083
Thu nhập khác	234.070.346.734	307.474.498	234.377.821.232	234.377.821.232
Chi phí khác	209.487.278.987	722.610.989	210.209.889.976	210.209.889.976
Chi phí thuế TNDN hiện hành	55.854.364.644	4.950.714.362	60.805.079.006	60.805.079.006
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	305.494.576.112	5.633.011.494	311.127.587.606	311.127.587.606
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	63.248.465.144	1.853.799.109	65.102.264.253	65.102.264.253

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2014			
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND	Đã điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Đã phân loại lại theo Thông tư 200 VND
Lợi nhuận trước thuế	420.137.185.529	12.437.524.965	432.574.710.494	432.574.710.494
Khấu hao và phân bổ	333.255.614.297	240.000.311	333.495.614.608	333.495.614.608
Các khoản dự phòng	106.810.824.703	13.368.277.650	120.179.102.353	120.179.102.353
Biến động các khoản phải thu	(456.876.737.580)	(28.637.522.665)	(485.514.260.245)	(485.514.260.245)
Biến động hàng tồn kho	1.106.528.194.786	18.797.511.686	1.125.325.706.472	1.125.325.706.472
Biến động các khoản phải trả	219.356.196.166	(4.431.022.611)	214.925.173.555	214.925.173.555
Biến động chi phí trả trước	5.845.252.522	(234.417.770)	5.610.834.752	5.610.834.752
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(588.354.301.146)	(11.540.351.566)	(599.894.652.712)	(599.894.652.712)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(342.650.966.701)	-	(342.650.966.701)	(365.650.966.701)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	1.478.605.215.383	-	1.478.605.215.383	1.455.605.215.383

25-03-2016

Người lập:

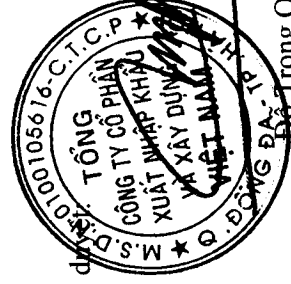


Trần Minh Toàn
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG XÂY LẮP TIÊU BIỂU TỔNG CÔNG TY ĐANG THỰC HIỆN

STT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng (đồng)	Chủ đầu tư		Tiến độ		Thông tin chung về dự án
			Tên	Nguồn vốn	Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Gói số 4: Công trình hạ tầng kỹ thuật của Đê-pô thuộc dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm, đoạn Nhổn - ga Hà Nội	187,578,159,000	Ban dự án đường sắt đô thị Hà Nội	AFD	2009	2012	Thi công hệ thống nhà ga, đường sắt trên cao Cát Linh - Nhổn. Thi công hệ thống kho bãi tập kết tàu, khu sửa chữa
2	Dự án nhà ở xã hội Đà Nẵng: Công trình Chung cư 11 tầng tại khu dân cư Phong Bắc và Chung cư 12 tầng tại khu tái định cư lán cá Nại Hiên Đông	693,442,438,582	Ban QLDA Xây dựng TP Đà Nẵng	Ngân sách	2009	2013	- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng - Tổng giá trị thi công: 211,003,975,850 VND - Địa điểm: Khu tái định cư làng cá Nại Hiên Đông, Phường Nại Hiên Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng - Thời điểm bắt đầu và kết thúc: Từ 19/ 4/2010 đến 31/12/2013
3	Gói thầu: Thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị phần thân DA ĐTXD công trình văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại Đà Nẵng	<u>243,797,000,000</u>	Viettin Bank Đà Nẵng	Doanh nghiệp	2012	2016	Thi công trụ sở văn phòng đại diện Viettin Bank Đà Nẵng
4	Khu ký túc xá sinh viên 100.000 chỗ - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	643,516,000,000	ĐHQG TP.HCM	Trái phiếu CP	2010	2015	Xây dựng khu ký túc xá sinh viên Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG XÂY LẬP TIÊU BIỂU TỔNG CÔNG TY ĐANG THỰC HIỆN

STT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng (đồng)	Chủ đầu tư		Tiến độ		Thông tin chung về dự án
			Tên	Nguồn vốn	Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Gói thầu: Thi công móng - thân - hoàn thiện các khối nhà Biệt thự & Liên kề & khu Chung cư - Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh	2,441,989,906,519	Ankhanh., JVC	Vốn tự doanh	2010	2013	Thi công móng, thân, hoàn thiện các khối nhà biệt thự, liên kề, chung cư với Diện tích 50ha
6	Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (phần VCG thi công) (34,962%)	464,946,850,818	Tổng Công ty đường cao tốc VEC	JICA	2013	2017	Gói thầu số 6 – Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, lý trình từ km 42+00 - km52+00 (chiều dài 10km), đi qua địa phận huyện Thăng Bình – tỉnh Quảng Nam, được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cao tốc 4 làn xe (dự kiến mở rộng thành 6 làn xe khi hoàn chỉnh), Cấp đường đạt tiêu chuẩn đường cao tốc loại A với tốc độ cho phép 100 -120 km/h. Gói thầu có 09 cầu với chiều dài 480m (dầm
7	Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (phần HĐ với Vinaconex E&C) (10,007%)	133,081,408,067	Tổng Công ty đường cao tốc VEC	JICA	2013	2017	đường đạt tiêu chuẩn đường cao tốc loại A với tốc độ cho phép 100 -120 km/h. Gói thầu có 09 cầu với chiều dài 480m (dầm
8	Dự án cấp nước Tho cho điện lực duyên Hải Miền trung	158,457,000,000	BQLDA 5	Tập đoàn Điện lực	2014	2016	Thi công hệ thống cấp nước cho Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải
9	Dự án nhà máy lọc dầu Nghi Sơn	968,700,000,000	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, KPI, IKC, MCI	Doanh nghiệp	2013	2016	- Chủ đầu tư: Liên doanh giữa Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam với Công ty Dầu khí quốc tế Cô oét và 02 công ty của Nhật Bản là Công ty Idenmitsu Kosan, Công ty hóa chất Mitsui - Tổng vốn đầu tư: khoảng 900,000,000,000 VND - Địa điểm: Khu công nghiệp Nghi Sơn – tỉnh Thanh Hóa - Thời điểm bắt đầu và kết thúc: 2014 - 2016

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG XÂY LẮP TIÊU BIỂU TỔNG CÔNG TY ĐANG THỰC HIỆN

STT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng (đồng)	Chủ đầu tư		Tiến độ		Thông tin chung về dự án
			Tên	Nguồn vốn	Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Dự án BOT tuyến đường Hà Nội - Bắc Giang (phần xây lắp)	521,000,000,000	Bộ Giao thông vận tải	BOT	2013	2016	Thi công đường với chiều dài tuyến 3189,14Km. Đường ô tô cao tốc vận tốc thiết kế 100km/h, 4 làn xe cơ giới B=33m, đường gom hai bên. Thi công cầu vượt gồm 3 nhịp 41,6m+45m+41,6m =136,4m, rộng 12m; Bản mặt cầu dày 20cm, được nối liên tục nhiệt toàn bộ thành 1 liên 3 nhịp , bê tông 35Mpa.
11	Cục thuế Đà Nẵng	95,871,000,000	Cục thuế Đà Nẵng	Ngân sách	2013	2015	Thi công trụ sở Cục thuế Đà Nẵng
12	Dự án cấp nước và nước thải đô thị tiểu dự án thu gom, xử lý nước thải TP Tam Kỳ	88,181,000,000	BQLDA tiểu dự án thu gom, xử lý nước thải	WB	2014	2015	Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải công suất 8000m3/ngđ. Bao gồm: công nghệ trạm xử lý, hồ kỵ khí, hồ tùy tiện, hồ xử lý triệt để, bể lắng cát, san nền trạm xử lý, cống hàng rào, sân đường nội bộ, đường vào Trạm xử lý, tuyến kè, cống thoát nước, tuyến ống cấp nước, nhà điều hành 3 tầng, nhà kho, xưởng bảo vệ, nhà xe và sân phơi bùn.
13	Dự án chung cư hỗn hợp văn phòng 97-99 Láng Hạ	169,768,100,000	Petrowaco - Vinaconex	Tự có và vốn vay (đồng Chủ đầu tư)	2015	2018	Cải tạo đồng bộ khu tập thể cũ 97-99 Láng Hạ (28 tầng, trong đó khối đế là 7 tầng).

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG XÂY LẬP TIÊU BIỂU TỔNG CÔNG TY ĐANG THỰC HIỆN

STT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng (đồng)	Chủ đầu tư		Tiến độ		Thông tin chung về dự án
			Tên	Nguồn vốn	Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6	7	8
14	Gói thầu CP-1A, Hạ tầng chính khu CNC Hòa Lạc	1,300,000,000,000	Ban QLDA phát triển Hạ tầng khu Công nghệ cao Hòa Lạc	ODA - Nhật Bản	2015	2018	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Phát triển Cơ sở hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc - Giá trị hợp đồng: Khoảng 4.212 tỷ VND (Trong đó phần giá trị VINACONEX thực hiện: trên 1500 tỷ VND) - Địa điểm: Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội - Thời điểm bắt đầu và kết thúc (dự kiến): Dự kiến khởi công ngày 26/06/2015, thời gian thực hiện: 1110 ngày (37 tháng)
15	Dự án VINATA Tower	79,000,000,000	Liên danh Vinata	Tự có và vốn vay (đồng Chủ đầu tư)	2015	2018	Thi công đồng bộ tòa nhà chung cư 31 tầng với khối đế 6 tầng.
16	Dự án Khách sạn công đoàn số 113-115 Nguyễn Thiện Thuật Nha Trang	73,575,000,000	Công ty TNHH TM-DV-ĐT Viettin	Vốn tự có và vốn vay tín dụng	07/07/1905	2016	<ul style="list-style-type: none"> Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Đầu tư Công đoàn Ngân hàng Công thương Việt Nam. - Giá trị hợp đồng: 73.575.000.000 đồng - Địa điểm: số 113-115A, đường Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hoà - Thời điểm bắt đầu và kết thúc (dự kiến): Thời gian thi công 620 ngày.
17	Dự án Tổng cục thuế	105,083,976,000	Tổng cục thuế	ODA - Nhật Bản	2015	2016	Thi công kết cấu phần thân và chống thấm mái Trụ sở Tổng cục thuế

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG XÂY LẮP TIÊU BIỂU TỔNG CÔNG TY ĐANG THỰC HIỆN

STT	Tên công trình	Giá trị hợp đồng (đồng)	Chủ đầu tư		Tiến độ		Thông tin chung về dự án
			Tên	Nguồn vốn	Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6	7	8
18	Gói thầu: đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ cao Hòa Lạc (Ban Đầu tư)		Vinaconex	Vốn vay (Vinaconex là Chủ đầu tư)			
19	Gói thầu Tòa án phúc thẩm thành phố Hồ Chí Minh	350,000,000,000		ODA - Nhật Bản	2015	2017	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư: Tòa án nhân dân tối cao TP HCM. - Giá trị hợp đồng: 353.000.000.000 đồng - Địa điểm: Phường Cát Lái, Quận 2, TP Hồ Chí Minh - Thời điểm bắt đầu và kết thúc (dự kiến): Khởi công vào ngày 16/5/2015, thời gian thi công 620 ngày.
20	Gói thầu: A5 đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (liên danh VCG-Thiên Ân làm thầu phụ cho POSCO E&C)	115,870,000,000	VEC	ODA - Nhật Bản	2015	2017	Thi công đúc và lao lắp 08/09 dầm cầu của tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đoạn từ Km124+700 đến Km139+204

PHỤ LỤC 2

THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
I	Các Công ty con				1,684,647,557,755		1,553,246,283,779		
1	Cty CP XD Số 1	D9, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân Bắc - Thanh xuân- HN	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	74,000,000,000	63,629,128,791	55.14%	40,800,000,000	Tổng giá trị tài sản 578.886 triệu đồng; Doanh thu thuần 367.519 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 14.494 triệu đồng; Lợi nhuận khác 784 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 15.278 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 11.945 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2015 là 53.678 triệu đồng.	
2	Cty CP XD Số 2	52 Lạc Long Quân - Tây Hồ - Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	120,000,000,000	95,559,621,809	51.23%	61,481,140,000	Tổng giá trị tài sản 1.564.385 triệu đồng; Doanh thu thuần 673.198 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 21.672 triệu đồng; Lợi nhuận khác (709) triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 20.963 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 14.792 triệu đồng;	
3	Cty CP XD Số 4	47 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Cao, Quận 1 TP HCM	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	3,500,000,000	3,500,000,000	100.00%	3,500,000,000	Tổng giá trị tài sản 70.585 triệu đồng; Doanh thu thuần 0 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -36 triệu đồng; Lợi nhuận khác 216 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 180 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 180 triệu đồng; Lỗ lũy kế đến 31/12/2015 là -28.637 triệu đồng.	BCTC chưa Kiểm toán
4	Cty CP XD Số 7	Tầng 3, Tòa Vinaconex 7, Số 61, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, Đầu tư, kinh doanh BĐS	80,000,000,000	36,999,031,017	36.00%	28,800,000,000	Tổng giá trị tài sản 493.083 triệu đồng; Doanh thu thuần 377.541 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 34.868 triệu đồng; Lợi nhuận khác -11.069 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 23.798 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 7.151 triệu đồng.	
5	Cty CP XD Số 9	Tòa nhà Vinaconex 9, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	120,000,000,000	84,072,109,967	54.33%	65,198,250,000	Tổng giá trị tài sản 1.335.468 triệu đồng; Doanh thu thuần 755.092 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 10.052 triệu đồng; Lợi nhuận khác 1.165 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 11.217 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế 11.217 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2015 là 17.612 triệu đồng.	

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
6	Vinaconex Đà Nẵng	89A Đường Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	10,395,320,000	8,313,000,000	73.59%	7,650,000,000	Tổng giá trị tài sản 82.303 triệu đồng; Doanh thu thuần 2.395 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -240 triệu đồng; Lợi nhuận khác 1.467 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 1.226 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1.226 triệu đồng; LN ST chưa PP tại 31/12/2015: -35.767 triệu đồng.	
7	Cty CP XD Số 12	Số 57 đường Vũ Trọng Phụng, P Thanh Xuân Trung, Q Thanh Xuân, Hà Nội	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	58,180,000,000	34,338,162,683	52.60%	30,600,000,000	Tổng giá trị tài sản 516.033 triệu đồng; Doanh thu thuần 559 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 8.114 triệu đồng; Lợi nhuận khác 959 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 9.072 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 8.947 triệu đồng; LN ST chưa PP tại 31/12/2015 là 12.359 triệu đồng.	
8	Cty CP XD 16	Số 3 Lê Hồng Phong, Thành Phố Vinh, Nghệ An	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	15,000,000,000	8,565,440,415	51.93%	7,789,000,000	Tổng giá trị tài sản 133.270 triệu đồng; Doanh thu thuần 6.276 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -14.292 triệu đồng; Lợi nhuận khác 16.043 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 1.751 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1.751 triệu đồng; Lỗ lũy kế tại 31/12/2015 là -11.570 triệu đồng.	
9	Cty CP XD Số 17	184 Lê hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	15,075,836,146	14,402,806,485	82.09%	12,375,836,146	Tổng giá trị tài sản 55.935 triệu đồng; Doanh thu thuần 38.493 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.455 triệu đồng; Lợi nhuận khác 713 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 2.168 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1.641 triệu đồng;	
10	Cty CP Vinaconex 25	Số 89A Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, Đầu tư, kinh doanh BĐS	60,000,000,000	35,109,154,062	51.00%	30,600,000,000	Tổng giá trị tài sản 558.621 triệu đồng, Doanh thu thuần 1.005.651 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 22.507 triệu đồng, Lợi nhuận khác 8.681 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 31.188 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 24.583 triệu đồng.	
11	Cty CP Vinaconex 27	Số 10 Nguyễn Văn Tre, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	17,792,770,000	10,199,770,000	57.33%	10,200,000,000	Tổng giá trị tài sản 67.240 triệu đồng, Doanh thu thuần 11.193 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -1.333 triệu đồng, Lợi nhuận khác 1.346 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 12 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 12 triệu đồng. Lỗ lũy kế 31/12/2015: -6.155 triệu đồng	
12	Cty CP ĐTPT Điện Miền Bắc 2	Số 100 Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, TP Lào Cai, Tỉnh Lào cai	Đầu tư, xây dựng các dự án thủy điện, sx và kinh doanh điện năng	415,296,507,633	317,000,007,633	76.33%	317,000,007,633	Tổng giá trị tài sản 2.056.355 triệu đồng, Doanh thu thuần 374.486 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 66.995 triệu đồng, Lợi nhuận khác 794 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 67.789 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 67.789 triệu đồng. Công ty đã đầu tư xong dự án Thủy điện Ngòi Phát.	

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
13	Cty CP VIMECO	Lô E9, Đường Phạm Hùng, Trung hòa, Cầu Giấy, HN	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	100,000,000,000	74,742,411,830	51.41%	51,409,000,000	Tổng giá trị tài sản 1.322.065 triệu đồng, Doanh thu thuần 1.072.234 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 34.595 triệu đồng, Lợi nhuận khác -1.452 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 33.142 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 24.484 triệu đồng.	
14	Cty CP Vinaconex Sài Gòn	47 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Cao, Quận 1 TP HCM	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	61,014,930,000	51,589,090,505	76.25%	46,524,720,000	Tổng giá trị tài sản 160.590 triệu đồng, Doanh thu thuần 19.045 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - 8.491 triệu đồng, Lợi nhuận khác 304 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -8.186 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -6.985 triệu đồng. Lũy kế 31/12/2015: -34.133 triệu đồng.	
15	Cty CP VINACONSULT	Tầng 4-5 nhà D9, P.Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	Tư vấn thiết kế	11,000,000,000	6,799,399,132	51.00%	5,610,000,000	Tổng giá trị tài sản 45.053 triệu đồng, Doanh thu thuần 39.268 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -3.695 triệu đồng, Lợi nhuận khác -14 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -3.709 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -3.709 triệu đồng. Lũy kế 31/12/2015 là -14.343 triệu đồng.	
16	Cty CP XD&XNK Quyết Thắng	Km7, Quốc lộ 26 - P. Tân Hòa - TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	11,000,000,000	6,160,000,000	56.00%	6,160,000,000	Tổng giá trị tài sản 22.903 triệu đồng, Doanh thu thuần 0 triệu đồng, Lũy kế đến 31/12/2015 là -47.079 triệu đồng.	Công ty dừng hoạt động. BCTC chưa Kiểm toán
17	Cty CP ĐT và DV đô thị VN -Vinasinco	Số 62 Nguyễn Thị Định - Trung Hòa- Cầu giấy - HN	Thương mại, dịch vụ	10,000,000,000	4,770,541,550	75.00%	7,500,000,000	Tổng giá trị tài sản 31.582 triệu đồng, Doanh thu thuần 96.115 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 4.736 triệu đồng, Lợi nhuận khác 126 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 4.862 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 3.818 triệu đồng.	
18	Cty CP Viwaco	Tầng 1, Nhà 17T7 , Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội	SX và kinh doanh nước sạch	80,000,000,000	42,880,769,436	51.00%	40,800,000,000	Tổng giá trị tài sản 393.649 triệu đồng; Doanh thu thuần 459.453 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 63.907 triệu đồng; Lợi nhuận khác 1.306 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 65.213 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 60.059 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2015 là 78.125 triệu đồng.	
19	Cty CP Siêu thị và XNK TM VN	P308 Tòa nhà thời trang khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - TX-HN	Thương mại, dịch vụ	15,000,000,000	8,440,856,790	51.00%	7,650,000,000	Do không có mặt bằng nên từ năm 2014, Công ty tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh, thu gọn bộ máy nhân sự nhằm bảo toàn nguồn vốn kinh doanh và tiết giảm chi phí chờ cơ hội kinh doanh mới. Lũy kế 31/12/2015 là -7.805 triệu đồng	BCTC chưa Kiểm toán

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
20	Cty CP ĐT và PT du lịch Vinaconex (ITC)	Tầng 1, tòa nhà 17T5, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	360,000,000,000	192,800,000,000	53.56%	192,800,000,000	Tổng giá trị tài sản 888.609 triệu đồng; Doanh thu thuần 25.701 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.873 triệu đồng; Lợi nhuận khác 843 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 2.716 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 2.716 triệu đồng; Lũy kế 31/12/2015: -61.212 triệu đồng.	
21	Cty CP ĐT PT Nhà và Đô thị Vinaconex (VINAHUD)	Tòa nhà Vinahud, Đường Trung Yên 9, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN	Quản lý dự án, giám sát thi công đầu tư, XD và kinh doanh BĐS	70,000,000,000	49,000,000,000	70.00%	49,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 250.104 triệu đồng; Doanh thu thuần 52.257 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 10.775 triệu đồng; Lợi nhuận khác - 1.726 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 9.048 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 5.244 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2015 là 6.160 triệu đồng.	
22	Cty CP PT Thương mại Vinaconex (Chợ Mơ)	459C Phố Bạch Mai, P. Trương Đình, Hai Bà Trưng, HN	Thương mại, dịch vụ	200,000,000,000	110,000,000,000	55.00%	110,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 1.298.846 triệu đồng; Doanh thu thuần 28.744 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.184 triệu đồng; Lợi nhuận khác 368 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 1.552 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1552 triệu đồng; Lũy kế 31/12/2015: -5.326 triệu đồng.	
23	Cty CP Nước sạch Vinaconex	Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, Huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình	SX và kinh doanh nước sạch	500,000,000,000	255,000,000,000	51.00%	255,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 1.120.015 triệu đồng; Doanh thu thuần 401.974 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 147.278 triệu đồng; Lợi nhuận khác - 14 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 147.264 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 147.263 triệu đồng; LN ST chưa PP tại 31/12/2015 là 183.333 triệu đồng.	
24	Cty CP Vận tải Vinaconex	Tầng 20, Tòa nhà Vinaconex 9, Phạm Hùng, Từ Liêm, HN	Thương mại, dịch vụ	110,071,832,230	22,666,520,900	59.12%	65,071,830,000	Tổng giá trị tài sản 18.510 triệu đồng; Doanh thu thuần 0 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - 537 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế - 537 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -537 triệu đồng; Lũy kế đến 31/12/2015 là -161.894 triệu đồng. Công ty đã dừng hoạt động từ năm 2013.	
25	Cty cổ phần Vinaconex Dung Quất	Khu ĐTM Vạn Tượng, Xã Bình Trị, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi	Thương mại, dịch vụ	49,211,000,000	47,000,000,000	95.51%	47,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 61330 triệu đồng; Doanh thu thuần 31.955 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 9.654 triệu đồng; Lợi nhuận khác -20 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 9.633 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 7.496 triệu đồng.	
26	Công ty CP Bất động sản An Thịnh	Số 1, lô 3A, đường Trung Yên 11, P Trung Hòa, Q Cầu Giấy, HN	Xây dựng, Bất động sản	52,728,500,000	101,109,734,750	99.996%	52,726,500,000	Tổng giá trị tài sản 52.799 triệu đồng, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có doanh thu.	
II	Các Công ty liên doanh, liên kết (có vốn góp từ 20% đến 50%)		-	1,680,189,386,278	1,680,189,386,278		1,671,965,129,853		

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
1	CTY TNHH Ld QT Vinaconex - Taisei	289 Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	22,000,000 USD	114,179,871,113	29.00%	104,232,636,853	Vốn góp tương đương 6.438.000 USD. Tổng giá trị tài sản 945.069 triệu đồng, Doanh thu thuần 884.409 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 11.714 triệu đồng, Lợi nhuận khác -113.617 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -101.903 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -110.190 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa PP tại 31/12/2015 là -11.953 triệu đồng.	
2	Cty LD TNHH PT ĐTM An Khánh	Km10+600, Đại Lộ Thăng Long, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, HN	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	42,500,000 USD	340,269,000,000	50.0%	340,269,000,000	Tổng giá trị tài sản 5.954.973 triệu đồng, Doanh thu thuần 1.281.263 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -360.842 triệu đồng, Lợi nhuận khác 20.172 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -340.670 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -340.670 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa PP tại 31/12/2015 là -588.795 triệu đồng.	
3	Cty CP ĐT và phát triển Năng Lượng Vinaconex (Vinaconex P&C)	Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sx và kinh doanh điện năng	455,999,950,000	110,915,000,000	29.19%	133,098,000,000	Tổng giá trị tài sản 1.197.103 triệu đồng, Doanh thu thuần 323229 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 117.053 triệu đồng, Lợi nhuận khác 205 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 117.258 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 111.078 triệu đồng	
4	Cty CP XD Số 11	Tầng 1, văn phòng 6, Khu ĐTM, Trung Hòa, Nhân Chính	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	83,998,890,000	40,833,913,053	30.36%	25,500,000,000	Tổng giá trị tài sản 480.051 triệu đồng, Doanh thu thuần 52.063 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -9.178 triệu đồng, Lợi nhuận khác -539 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -9.717 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -9.717 triệu đồng. Lũy kế đến 31/12/2015 là -71.101 triệu đồng	
5	Cty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Tầng 5, Tòa 25T1, đường Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, HN	Thương mại, dịch vụ	30,000,000,000	13,260,000,000	44.20%	13,260,000,000	Tổng giá trị tài sản 169.860 triệu đồng, Doanh thu thuần 68.351 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 8.540 triệu đồng, Lợi nhuận khác 1.127 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 9.668 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 7.269 triệu đồng. LN sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2015: 16.125 triệu đồng.	
6	Cty CP Vinaconex 6	VP tầng 5, Tòa nhà 29T2, Lô N05 - Trần Duy Hưng, Trung Hòa, HN	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	80,000,000,000	34,788,609,112	36.00%	28,800,000,000	Tổng giá trị tài sản 529.011 triệu đồng; Doanh thu thuần 526.624 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 2.442 triệu đồng; Lợi nhuận khác 550 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 2.993 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 2.327 triệu đồng;	
7	Cty CP Xi măng Cẩm Phả	Km 6, Quốc lộ 18A, Phường Cẩm Thạch, TX Cẩm Phả, Quảng Ninh	Sản xuất Xi Măng	2,000,000,000,000	600,000,000,000	30.00%	600,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 5.893.538 triệu đồng; Doanh thu thuần 2.609.094 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -22.132 triệu đồng; Lợi nhuận khác 319 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế -22.812 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -22.812 triệu đồng; Lũy kế 31/12/2015 là -1.614.029 triệu đồng.	

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
8	Cty Tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel	Tầng 1, Tòa 18T2, Khu ĐTM Trung Hòa, Nhân Chính, TX, HN	Tài Chính, Ngân Hàng	1,000,000,000,000	330,000,000,000	33.00%	330,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 1.085.932 triệu đồng; Doanh thu thuần 55.663 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 1.544 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1.386 triệu đồng;	
9	Công ty CP VIPACO	Tầng 1, chung cư CT 1 Vimeco, đường Nguyễn Chánh, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN	Sản xuất bao bì	30,000,000,000	5,312,500,000	21.25%	6,375,000,000	Tổng giá trị tài sản 37.146 triệu đồng; Doanh thu thuần 442 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -2.660 triệu đồng; Lợi nhuận khác 8,611 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 5.948 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 5.948 triệu đồng; Lỗ lũy kế tại 31/12/2015 là -44,929 triệu đồng.	BCTC chưa Kiểm toán
10	Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang	Số 14, lô B1 khu đô thị mới Nam từ Sơn, Xã Phù Chẩn, TX Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư hạ tầng giao thông	422,948,899,000	87,430,493,000	20.67%	87,430,493,000	Tổng giá trị tài sản 2.319.869 triệu đồng; Công ty trong giai đoạn đầu tư, chưa có doanh thu, lợi nhuận.	
11	Cty CP Ống sợi thủy tinh Vinaconex	Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	Sản xuất Công Nghiệp	30,000,000,000	3,200,000,000	10.00%	3,000,000,000	Tính cả vốn góp gián tiếp qua các đơn vị thành viên: tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 20,39%. Tổng giá trị tài sản 51.379 triệu đồng, Doanh thu thuần 51.372 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 5.882 triệu đồng, Lợi nhuận khác -38 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 5.844 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 5.067 triệu đồng	
III	Đầu tư tài chính khác (Các Công ty liên kết, cổ vốn góp dưới 20%)				203,327,999,725		202,767,430,788		
1	Cty CP Đầu tư và PT điện Bắc Miền trung	Xã Lương Sơn, Huyện Thường Xuân Tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng thủy điện	87,800,000,000	3,450,000,000	3.93%	3,450,000,000		Chưa có BCTC
2	Cty CP Đầu tư & TMại Vinaconex	Khu công nghiệp Vĩnh Phúc - Hà Nội		2,000,000,000	100,000,000	5.00%	100,000,000		Chưa có BCTC
3	Tổng Cty CP PT Hạ tầng và ĐT tài chính VN	Tầng 8,9,10 Tòa nhà Lilama10, đường Tố Hữu, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.	Đầu tư đường cao tốc	3,704,675,285,080	40,000,000,000	1.08%	40,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 37.782.149 triệu đồng; Doanh thu thuần 120.841 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -19.075 triệu đồng; Lợi nhuận khác 20.427 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 1.352 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 458 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2015 là 30.018 triệu đồng.	
4	Cty CP EVN Quốc Tế	Lô 91, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Thủy điện	366,771,459,148	24,000,000,000	6.54%	24,000,000,000	Tổng giá trị tài sản 411.800 triệu đồng; Doanh thu thuần 2.559 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 828 triệu đồng; Lợi nhuận khác -235 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 593 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 359 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2015 là 7.027 triệu đồng.	

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
5	Cty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	Tổ 33, khu 5, Phường Hà Khánh, Hạ Long, Quảng Ninh	Nhiệt điện	4,500,000,000,000	52,761,753,930	1.17%	52,761,760,000	Tổng giá trị tài sản 17.187.835 triệu đồng, Doanh thu thuần 7.703.175 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -1.325.682 triệu đồng, Lợi nhuận khác 4.841 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -1.320.840 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -1.320.840 triệu đồng. LN chưa phân phối đến 31/12/2015 là -1.850.145 triệu đồng	
6	Cty CP PT Đô thị Sài Gòn Tây Bắc	Áp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	Mua bán, cho thuê nhà ở, nhà xưởng, bến bãi. Dịch vụ khác	500,000,000,000	12,500,000,000	2.50%	12,500,000,000	Tổng giá trị tài sản 1.024.328 triệu đồng, Doanh thu thuần 312.372 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 14.614 triệu đồng, Lợi nhuận khác 181 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 14.796 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 11.880 triệu đồng. LN chưa phân phối đến 31/12/2015 là 66.245 triệu đồng	BCTC chưa kiểm toán
7	Quỹ Đầu tư Việt nam	Hàng Vôi, Hà Nội	Đầu tư tài chính	539,680,000,000	28,800,000,000	5.34%	28,800,000,000	Tổng tài sản: 1.096.792 triệu đồng, Kết quả hoạt động thuần đã thực hiện trong năm: 49.888 triệu đồng, Kết quả hoạt động thuần chưa thực hiện trong năm: (7.586) triệu đồng, Lợi nhuận thuần trong năm: 42.302 triệu đồng	
8	Công ty khai thác đá Yên bình	Yên Bình, Yên Bái	Khai thác vật liệu xây dựng	1,755,000,000	350,000,000	19.94%	350,000,000	Tổng giá trị tài sản 1.560 triệu đồng, LN chưa phân phối đến 31/12/2015 là -244 triệu đồng	BCTC chưa kiểm toán
9	Cty CP XD Số 21	Ba la, Phú La, Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp, Bất động sản	17,000,000,000	362,205,882	1.76%	300,000,000	Tổng giá trị tài sản 300.232 triệu đồng, Doanh thu thuần 166.817 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.548 triệu đồng, Lợi nhuận khác -147 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 1.401 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1.098 triệu đồng. LN chưa phân phối đến 31/12/2015 là 3.519 triệu đồng	
10	Cty CP Vinaconex Xuân mai Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sản xuất bê tông dự ứng lực	50,000,000,000	9,500,000,000	19.00%	9,500,000,000	Tổng giá trị tài sản 120.199 triệu đồng, Doanh thu thuần 25.091 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -4.425 triệu đồng, Lợi nhuận khác -6.291 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -10.717 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -10.717 triệu đồng. LN chưa phân phối đến 31/12/2015 là -51.646 triệu đồng	BCTC chưa kiểm toán
11	Công ty TNHH Vina - SanWa	Khu CN Công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội	Sản xuất Công Nghiệp	12.307.552,5 USD	25,005,670,788	12,4%	25,005,670,788	Giá trị vốn góp 1.523.021 USD. Tổng giá trị tài sản 262.019 triệu đồng, Doanh thu thuần 180.086 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 13.311 triệu đồng, Lợi nhuận khác -575 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 12.735 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 12.735 triệu đồng. LN chưa phân phối đến 31/12/2015 là -49.603 triệu đồng	

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của VCG	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2015		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2015	Ghi chú
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá		
12	Cty CP XD Số 15	Số 53, Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	100,000,000,000	6,498,369,125	6.00%	6,000,000,000		Chưa có BCTC
Tổng cộng (I+II+III)					3,568,164,943,758	-	3,427,978,844,420		



Xây những giá trị, dựng những ước mơ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT—EXPORT JOINT STOCK CORPORATION

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 6284 9234 Fax: (84-4) 6284 9208

Email: info@vinaconex.com.vn

Website: www.vinaconex.com.vn